

Số 112

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Bốn phận
người còn**

Tr. 23

**Kẻ thù
của chân lý**

Tr. 03

**Sa-la
hoa đạo**

Tr. 27



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

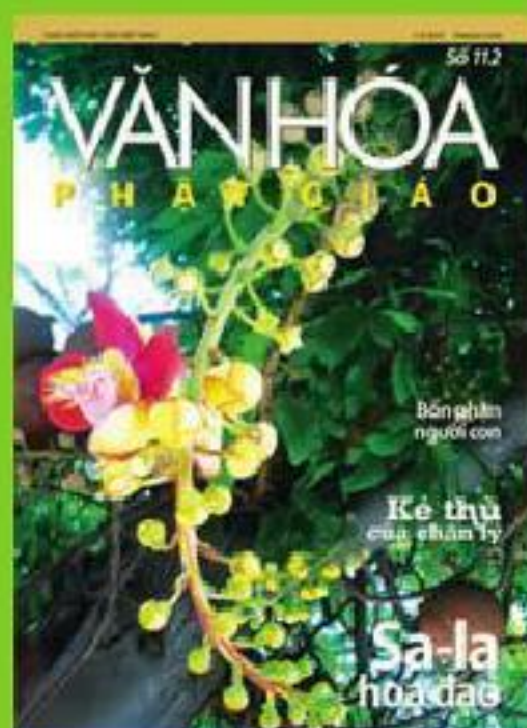
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Kẻ thù của chân lý (Nguyễn Cần)	3
Sương mai	5
Có phải chùa Liên Hoa chính là chùa Liên Phái? (Đồng Dưỡng)	6
Chat: chuyện thời sự (Nguyễn Hồng)	10
Phát tích tín ngưỡng Phật giáo ở Bản Đôn (Trương Bì)	12
Triết lý sống của người Phật tử Việt Nam (Thích Phước Đạt)	14
Áo trắng vườn xưa thôn Vĩ (Hà Thúc Hoan)	17
Lệ ngâu (Phạm Văn Học)	20
Nhớ ngoại (Lê Huỳnh Lâm)	22
Bốn phận người con (Tấn Nghĩa)	23
Sa-la hoa đạo (Lâm Hạnh Nhiên)	27
Giọt nước mắt với khổ (Hoa Thiện)	29
Nhớ mãi trường xưa (Mặc Không Giang)	31
Mọi người giàu có như thế nào? (Phan Minh Đức)	33
Hai bài học về nhân cách (Minh Minh)	35
Giọt nước mắt của O Rơi (Hoàng Thị Như Huy)	36
Câu chuyện về Barlaam và Joasaph hay một sự trùng hợp lạ lùng giữa các tôn giáo (Hoang Phong)	38
Bác sĩ ơi! (Đỗ Hồng Ngọc)	42
Như sương (Lê Thị Chân Tú)	44
Ngày 19/8/2010 (Thảo Vy)	46
Phản (Huỳnh Kim Bửu)	48
15 ngày	50
Thơ	51
Tác phẩm để đời (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt)	53
Cánh đồng nay đã vắng chim... (Nhụy Nguyên)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	58
Món chay: Rau bó xôi xào (Hoàng Anh – Phú Xuân)	59

Bìa 1: Sala hoa Đạo. Ảnh: Diệu Tâm.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Văn Hóa Phật Giáo số 112 được phát hành vào lúc âm hưởng mùa Vu-lan vẫn còn vang vọng trong lòng mọi người con Phật là biểu hiện cho sự nhận biết và mong mỏi đến đáp tứ trọng ân – ơn cha mẹ, ơn chúng sanh, ơn đất nước, và ơn Tam bảo.

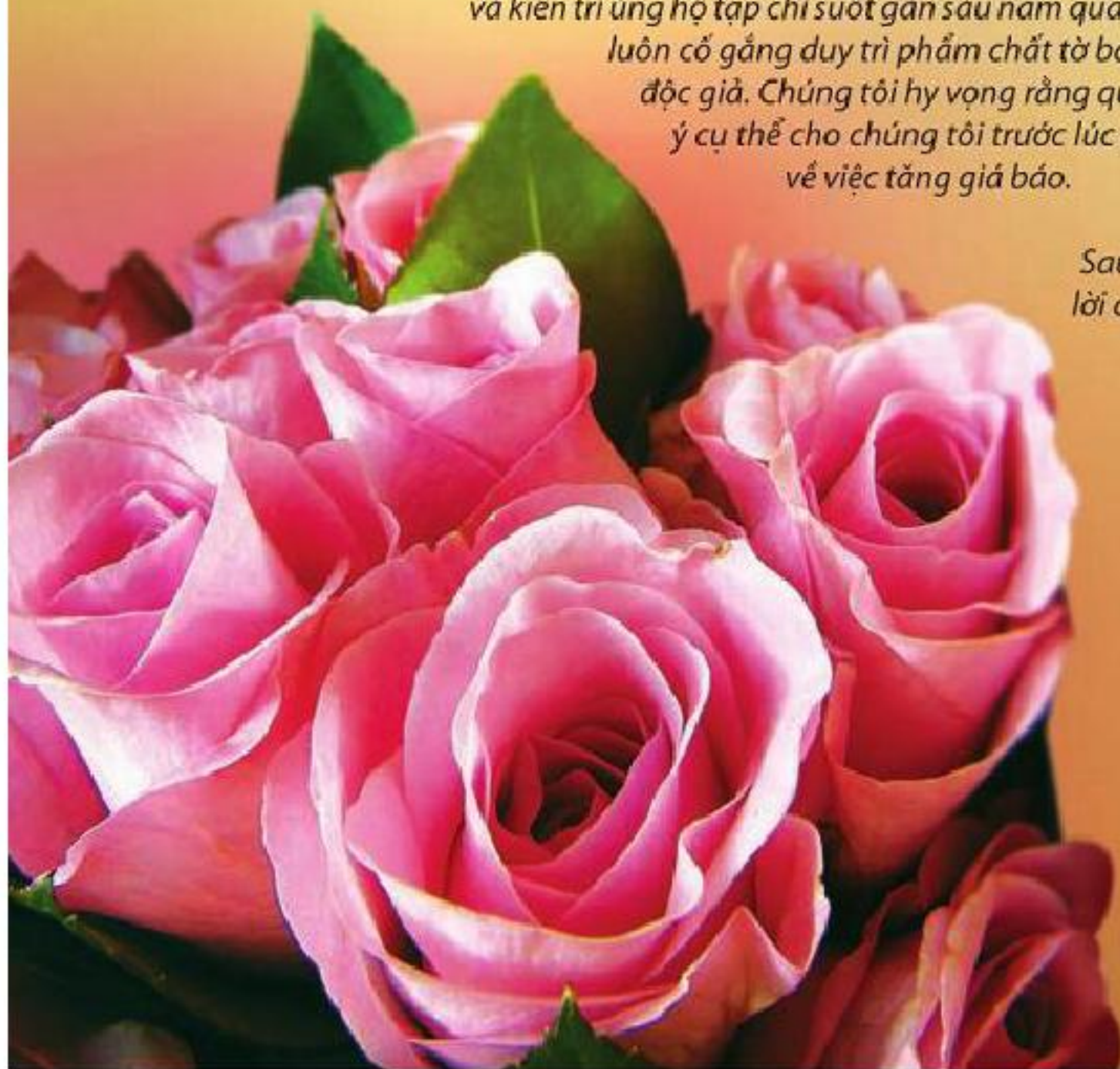
Trong số này, VHPG tiếp tục chuyển tải những bài viết nói lên niềm xác tín của người con Phật về một tương lai tốt đẹp của xã hội loài người một khi xã hội ấy được xây dựng trên việc thực hành Bi-Trí-Dũng theo đúng lời Phật dạy. Chúng ta vẫn hiểu mọi đau khổ của mỗi chúng sinh đều do ác nghiệp, nhưng chúng ta vẫn nguyện đem hết sức mình xua tan những đau khổ ấy bằng cách khuyến khích mọi người thực hành thiện hạnh, xa rời mọi ác pháp. Như thế, sự đau khổ sẽ ngày càng giảm nhẹ.

Cũng trong dịp này, chúng tôi phát hành Văn Hóa Phật Giáo đóng tập, tập I năm 2010, với tính cách một món quà đánh dấu sáu năm góp mặt của VHPG. Như quý độc giả đã biết, VHPG sẽ kỷ niệm năm hoạt động thứ sáu của mình vào đầu Xuân Tân Mão, 2011; tuy nhiên, phải đến khoảng tháng 3-2011 thì chúng tôi mới có thể phát hành Văn Hóa Phật Giáo đóng tập, tập II năm 2010; khi ấy, e rằng việc nhắc lại ngày kỷ niệm có thể phần nào mất đi ý nghĩa. Nhân đây, chúng tôi kính mời quý độc giả liên hệ với bộ phận phát hành để đặt mua báo đóng tập.

Như đã nhiều lần thưa trước, chúng tôi vẫn đang có nhiều khó khăn về tài chánh. Vì thế, chúng tôi đã phải nghĩ đến việc tăng giá báo và đang cân nhắc sẽ tăng giá vào thời điểm nào cho thích hợp. Qua những phản hồi của quý độc giả sau khi biết được những khó khăn của VHPG, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng quyết định bất đắc dĩ này của chúng tôi sẽ được quý độc giả thông cảm và chấp nhận. Chúng tôi hết sức biết ơn quý độc giả đã đồng tình với chủ trương của tờ báo và kiên trì ủng hộ tạp chí suốt gần sáu năm qua. Đáp lại thịnh tình ấy, chúng tôi xin luôn cố gắng duy trì phẩm chất tờ báo đáp ứng được sự tin yêu của quý độc giả. Chúng tôi hy vọng rằng quý độc giả sẽ tiếp tục có những góp ý cụ thể cho chúng tôi trước lúc chúng tôi có thông báo chính thức về việc tăng giá báo.

Sau cùng, xin kính gửi đến quý độc giả lời cầu chúc an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Kẻ thù của chân lý

NGUYỄN CĂN

Uốn lưỡi bao nhiêu lần cho đủ?

Từ ngàn xưa, một trong những nơi thử thách bản lĩnh và trình độ của chính khách là nghị trường. Ở đó, những người đại diện cho hàng triệu cử tri đứng ra chất vấn các quan chức đứng đầu các cơ quan của chính phủ. Đây là tấm gương soi của nền dân chủ. Khi các cuộc tranh luận tại nghị trường được thực hiện một cách thẳng thắn, thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau giữa những người tham gia tranh luận; khi vấn đề được nêu ra chính xác cô đọng được trả lời bằng những lập luận trong sáng nói đúng trọng tâm, thì dù kết quả tranh luận như thế nào, người dân cũng thấy thỏa mãn; vì họ biết người đại diện cho họ đã phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng, bản khoăn của mình; và người điều hành công việc của chính phủ cũng đã làm hết chức trách của viên chức nhà nước. Thế nhưng, gần đây, khi theo dõi những cuộc chất vấn thành viên Chính phủ tại Quốc hội được truyền hình trực tiếp, cử tri đã thấy có những luận cứ được đưa ra với lối lý luận khép khiếm và thiếu thuyết phục, hay nói cách khác, đã có hiện tượng 'hỏi một đường, trả lời một nẻo'.

Chúng ta hãy thử xem lại cách đặt vấn đề và cách xử lý. Về nguyên tắc tranh luận, người xử lý vấn đề phải luôn giữ được sự nhất quán trong quá trình chứng minh. Nếu không người ấy sẽ dễ rơi vào trường hợp "đánh tráo" khái niệm. Dưới đây là những sai lệch thường gặp:

Thứ nhất: Thay đổi hay đưa ra những điều kiện khác để né tránh luận điểm ban đầu.

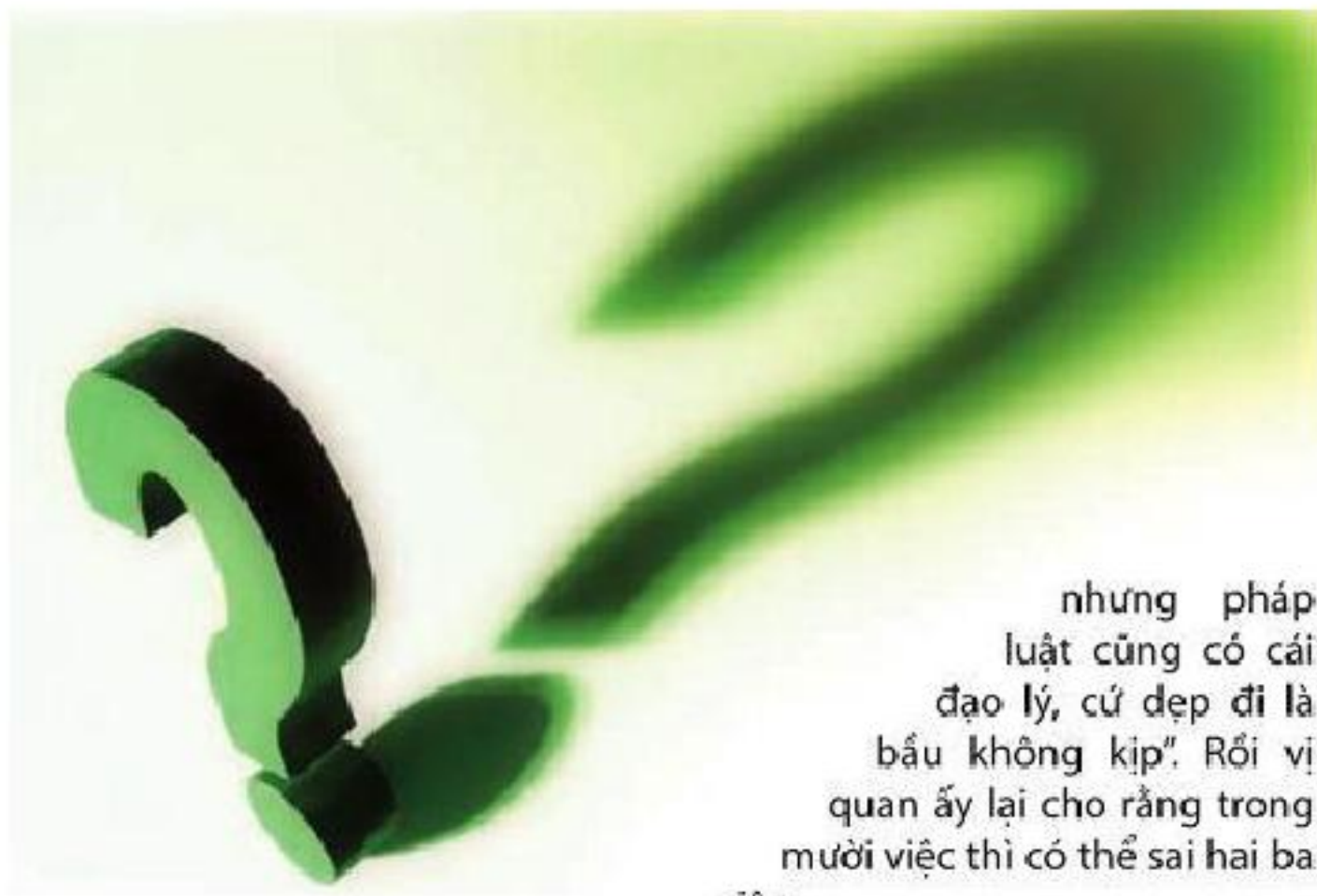
Ví dụ: Với luận đề: "Có nên vay tiền làm đường sắt cao tốc không? Tổng nợ quốc gia đã chiếm 42% GDP, nhu cầu vốn cho ngành giao thông vận tải đã là 160 tỷ USD, chi phí cho đường sắt cao tốc lại lên đến 56 tỷ USD, tính ra gần 35,6 triệu USD/km. Vay thêm tiền làm đường sắt cao tốc sẽ làm tăng tổng nợ quốc gia"; đã có câu trả lời: "Không tăng nợ, vì không chỉ vay nước ngoài, mà còn vay trong nước, vay doanh nghiệp, vay trong nhiều năm...". Trả lời như thế không đáp ứng trọng tâm luận điểm của người đặt câu hỏi. Vì vay kiểu nào cũng là vay, không phân biệt trong hay ngoài nước. Trả lời như thế chỉ có thể chấp nhận được nếu vay mà không phải trả!

Thứ hai: Lẫn lộn luận điểm đưa ra với người có liên quan đến luận điểm.

Ví dụ: Để trả lời câu hỏi "Làm sao đảm bảo tính minh bạch và nâng cao trách nhiệm quản lý ngân sách trong thu chi tài chính công", một quan chức đã trả lời: "Chúng tôi không sờ mó đồng nào ở đây cả". Người ta không hỏi ông có "dính dấp" gì không đến chuyện tiền nong mà muốn hỏi quý ông quản lý thu chi ngân sách cả nước như thế nào.

Thứ ba: Đặt luận điểm người chất vấn dưới lăng kính hệ quả, suy diễn ý định của người hỏi, đánh tráo nguyên nhân và kết quả.

Ví dụ, trả lời câu hỏi "Làm sao gìn giữ tính nghiêm minh của pháp luật, xây dựng đội ngũ công chức để cao kỷ luật hành chính, kỷ cương phép nước, cần kiệm liêm chính...", một vị có trách nhiệm trả lời: "Nếu cách chức hết lấy ai làm việc. Cứ nói theo quy định pháp luật,



nhưng pháp luật cũng có cái đạo lý, cứ đẹp đi là bầu không kịp". Rồi vị quan ấy lại cho rằng trong mười việc thì có thể sai hai ba việc...

Nếu chỉ vì "bầu không kịp" thì... còn nhớ có lần, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trả lời phỏng vấn tại hành lang Quốc hội sau khi dự một phiên chất vấn mà báo chí đạo ấy đã đưa tin: *"Bộ trưởng tốt nhưng bên dưới tan nát thì nghĩ đi"*.

Nếu chỉ vì "có thể sai vài việc" thì... Thủ tướng Nhật gần đây không phải từ chức chỉ vì một lời hứa là "chuyển căn cứ quân sự Mỹ" đi đã không làm được. Bộ trưởng Quốc phòng Nhật cũng không phải từ chức vì câu nói "Việc Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nagasaki là cách không thể tránh khỏi để kết thúc chiến tranh". Trước khi từ nhiệm ông này đã tuyên bố rằng *"Tôi đã làm người dân Nagasaki phiền lòng... Tôi xin từ chức để nhận trách nhiệm này"*. Và còn nhiều ví dụ nữa như trường hợp của Tổng thống Đức hoặc Chủ tịch World Bank là những người chỉ làm sai "MỘT" việc hay chỉ sơ sẩy một câu nói.

Thứ tư: Cố ý vận dụng tam đoạn luận (syllogism).

Một số vị lại ưa dùng "món" này vì nghe có vẻ... trí tuệ:

Những nước có IQ cao đều có đường sắt cao tốc. Chúng ta chắc là có IQ cao. Chúng ta phải có đường sắt cao tốc.

Hoặc lý luận ngược lại:

Chúng ta sắp có đường sắt cao tốc. Nên IQ chúng ta sắp... cao.

Hay có ngài còn liều lĩnh ví von:

Việc khó nhất là đánh thắng đế quốc. Chúng ta đã đánh thắng chúng. Chúng ta chắc chắn phải làm được đường sắt cao tốc.

Với lối suy diễn ấy thì chúng ta làm gì mà chẳng được, từ vô địch World Cup đến phóng hỏa tiền vào không gian hoặc lên sao Hỏa trong nay mai. Với lối suy luận ấy, như người ta thường nói, chúng ta có thể nhét cả Paris vào trong một cái hũ, hoặc hơn thế nữa, còn có thể cứu cả thế giới này khỏi thiên tai, dịch bệnh.

Thứ năm: Dự báo không cần cơ sở, chỉ cần... đại ngôn.

Có những vị phát biểu không cần chứng minh vì những lời nói ra đều là... định đề, xem như tất yếu. Có vị mạnh dạn phán *"Thu nhập bình quân đầu người Việt Nam hiện nay 1.200USD nhưng với tốc độ tăng trưởng kinh tế tương lai thì đến 2020 sẽ là 3.000USD và lần lượt tăng đến 6.000USD, lên 1.2000USD và đạt 20.000USD vào năm 2050 (?)*. Ai có thể biết được kinh tế thế giới còn khủng hoảng đến bao giờ? Ai có thể biết được rằng mất

bao nhiêu năm mà Nam Hàn vẫn chưa đạt tới 20.000 USD/đầu người và còn bao nhiêu nước phát triển ở châu Âu đang trầy trật đối phó với nợ nần, khủng hoảng tài chính. Trên cơ sở nào để một nước có GDP hàng năm chỉ phát triển xấp xỉ 7% có thể tăng thu nhập 20 lần trong vòng 40 năm tới thì có lẽ chưa một nhà kinh tế học nào có thể chỉ ra được. Đó là chưa kể các tác động bên ngoài như tài nguyên suy giảm, thiên tai dịch bệnh...

Là những người mang tâm niệm *"Bình sinh độc báo tiên ưu niệm"* (Suốt đời ôm mãi lòng lo trước, Nguyễn Trãi trong *Báo Kính cảnh giới*), các nghị sĩ lấy công việc quốc gia làm trọng, lấy điều lo của muôn dân làm nỗi lo của mình, lẽ ra không thể thỏa mãn trước kiểu trả lời lấy... được, thiếu thẳng thắn và nghiêm túc với trách nhiệm trước muôn dân. Trước những vấn đề hệ trọng của đất nước, quý vị chỉ cần lên mạng, dùng Google tìm thì sẽ gặp cơ man tư liệu về những khó khăn mà các cường quốc đang gặp phải như trường hợp Nhật Bản với hệ thống xe lửa cao tốc Shinkansen hay trường hợp Pháp với hệ thống xe lửa cao tốc TGV.

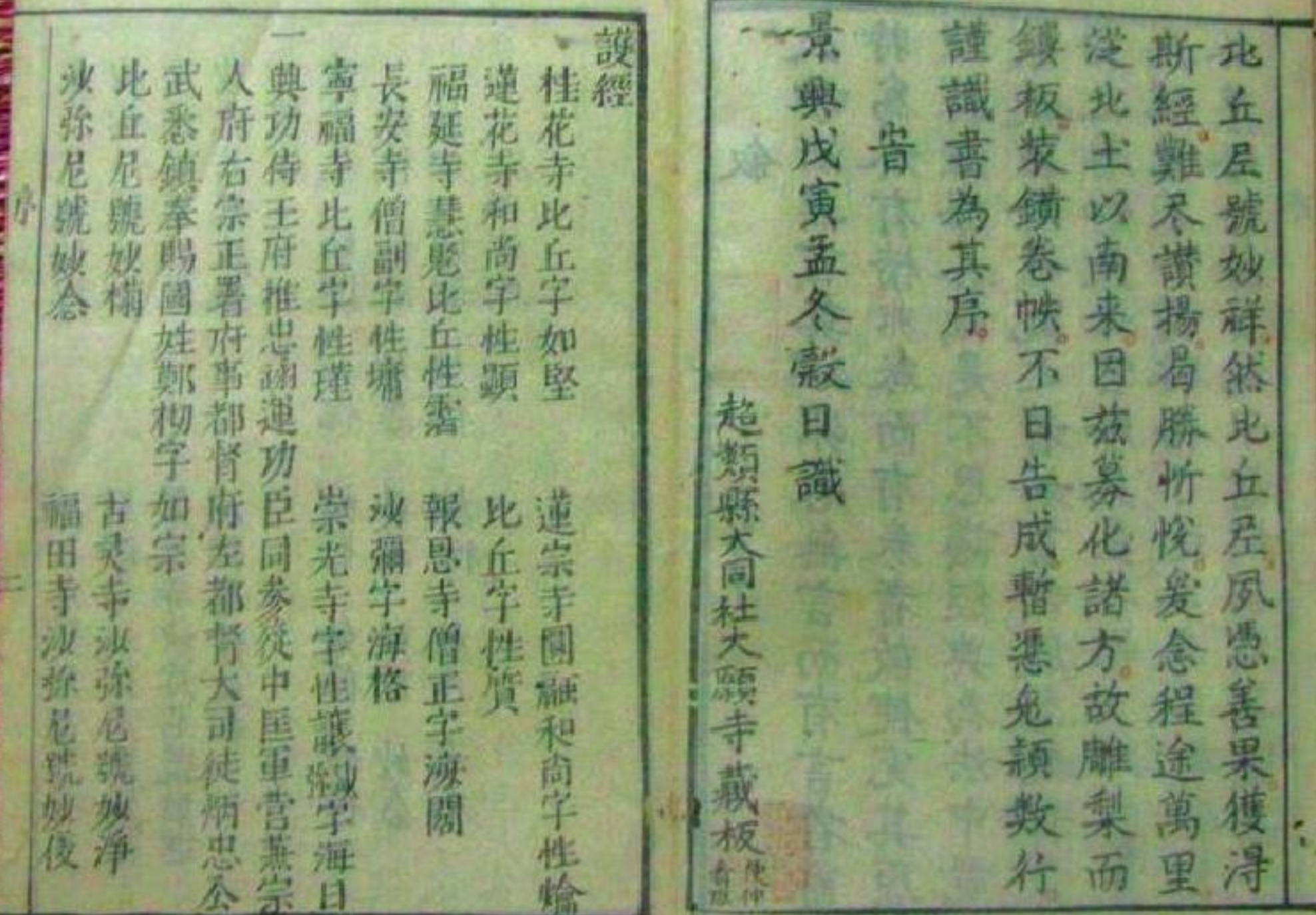
Thất diệt tránh pháp

Vào mùa hạ thứ chín sau khi thành đạo, khi đang ở vương quốc Vamsa, nhân chuyện tranh luận giữa chư Tăng thuộc hai nhóm Kinh sư và Luật sư, Phật đã dạy *"Hai bên phải bình tâm lắng nghe, đừng có thành kiến, đừng nghe một chiều, phải trầm tĩnh xét đoán"*. Sau đó, Người truyền dạy bảy phương thức giải quyết tranh chấp, trong đó chúng ta có thể kể đến *Ưc niệm tỷ-ni* nghĩa là phải trình bày đầu đuôi câu chuyện với những bằng chứng cụ thể; và *Tự ngôn tỷ-ni* nghĩa là phải nhận biết rằng ý kiến của mình dù cố gắng vô tư vẫn là chủ quan do đó chưa thể hiện được sự chính xác vô tư, nói cách khác, tự mình phải công nhận sự vụng về khiếm khuyết của mình.

Biện luận là công cụ của một xã hội dân chủ và, quan trọng hơn, nó giúp cho người lãnh đạo có những quyết sách đúng. Nếu không có sự biện luận đúng nghĩa, tương lai và tiền đồ đất nước có thể bị tổn hại với những quyết sách vội vã chưa được kiểm nghiệm bởi lòng dân. Quyết nghị (resolution) hay đề nghị (proposition) đều cần phải được tranh luận. Không thể dung dưỡng tình trạng lạm dụng quyền lực, bất chấp dư luận. Như Einstein đã từng cảnh báo *"Kẻ thù lớn nhất của chân lý là sự ngạo mạn của quyền uy"*. Nhưng luận lý nào cũng phải xuất phát từ trái tim trong sáng của người tham gia tranh luận. Vì dân phải luôn là điểm quy chiếu cho mọi tranh biện và được lòng dân phải là điều kiện tiên quyết muôn đời của một nền chính trị vì dân sinh, là nguyên lý sống và hành động của của từng chính khách dù thuộc hành pháp hay lập pháp. Tranh luận, nếu chỉ là một trò chơi quyền lực trả giá bằng tài nguyên đất nước hay xương máu của nhân dân, sẽ chỉ làm tổn thời gian và công sức của những người tham dự mà quyết nghị đưa ra sẽ có những hậu quả khôn lường. ■

**Có bốn loại ánh sáng: ánh sáng
mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh
sáng ngọn lửa, ánh sáng trí tuệ.
Loại tối thượng trong bốn loại này
là ánh sáng trí tuệ.**

**Kinh Tăng Chi Bộ -
phẩm Ánh Sao**



Tư liệu về chùa Liên Hoa

Có phải chùa Liên Hoa chính là chùa Liên Phái?

ĐỒNG DUÔNG

Thiển tông bản hạnh là một quyển sách do sư Chân Nguyên (1647-1726) sưu tập và biên soạn vào thời Lê trung hưng, nội dung của sách liên quan đến thiền phái Trúc Lâm. Bản in sớm nhất hiện nay chúng ta còn giữ được là bản in năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745) do sư Liễu Viên chùa Liên Hoa dặn dò Sa-di-ni Diệu Thuần trùng san. Quyển *Thiền tông bản hạnh* mà Giáo sư Hoàng Xuân Hãn được sư Giải Ngạn¹ tặng vào năm 1943 chính là bản này. Bản thứ hai là bản in năm Bảo Đại nguyên niên (1932) do sư Thanh Minh chùa Hoa Yên đứng in; có mời sư Thanh Hanh chùa Vĩnh Nghiêm viết lời dẫn. Trong lời dẫn, sư Thanh Hanh cho biết bản in đó dựa trên bản in do sư Huệ Thân chùa Hoa Yên trùng san năm Gia Long thứ 4 (1805). Cả hai bản *Thiền tông bản hạnh* đều đã được nghiên cứu, phiên âm, chú thích. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đặt lại vấn đề về chùa

Liên Hoa. Liệu chùa Liên Hoa có phải là chùa Liên Phái mà Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã khẳng định? Đó chính là chủ ý của chúng tôi trong bài viết này.

Năm 1966, GS Hoàng Xuân Hãn công bố bài viết về sách *Thiền tông bản hạnh* trên tạp chí Văn Hạnh. Sau đó, không lâu ông lại cho ra bài nghiên cứu *Văn nôm và chữ nôm đời Trần Lê* đăng trên tạp chí *Khoa học Xã hội* ở Pháp. Trong bài viết ấy, Giáo sư Hãn đã cung cấp cho chúng ta văn bản *Thiền tông bản hạnh* được in vào đời Lê Cảnh Hưng. Theo các nhà nghiên cứu, đây chính là bản in xưa nhất còn giữ lại được. Bản này có chứa một số văn bản đời Trần như *Cư trần lạc đạo phú*, *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, *Vĩnh Hoa Yên tự phú*... có giá trị để nghiên cứu cả về ngôn ngữ lẫn tư tưởng. Chúng tôi quan tâm đến việc Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho rằng văn bản được in tại chùa Liên Hoa thành Thăng Long. Ông đã hé mở để cho thấy ngôi chùa Liên Hoa

này chính là chùa Liên Phái bây giờ. Tác giả viết: “Chùa Liên Hoa ngày nay vẫn còn, nhưng vì húy Hoàng thái hậu đời Thiệu Trị, cho nên từ năm 1840 đã đổi tên ra chùa Liên Tông. Chùa ở cạnh đường quan lộ đi Bạch Mai”. Phần chú thích dưới trang, tác giả giải thích thêm: “Có lẽ tên chùa đã bị đổi ra Liên Tông trước rồi lại đổi ra Liên Phái năm 1840. Xin sẽ biện chính sau”. Tác giả lại viết: “Chùa Liên Hoa này được lập ra bởi Lân Giác thượng sĩ” sau đó, tác giả trích dịch hành trạng Lân Giác thượng sĩ trong Kế đăng lục; phần này do thiền sư Phúc Điền chép thêm vào sách của Như Sơn. Đến đoạn nói sư Như Trừng lập chùa Liên Tông thì tác giả để là Liên Hoa; sau đó, tác giả chú nguyên tác là Liên Tông.

Qua bài viết *Vài suy nghĩ về văn bản Thiền tông bản hạnh*, nhà nghiên cứu Hoàng Thị Ngọc đã kế thừa ý kiến của Hoàng Xuân Hãn cho rằng chùa Liên Hoa và chùa Liên Phái là một. Tác giả này viết: “Bản khắc in ở chùa Liên Hoa năm 1745 (nay là chùa Liên Phái, Hà Nội) là theo một bản ở chùa núi Yên Tử, bản này có thể là bản ban đầu hoặc bản gần nhất với bản của Hòa thượng Chân Nguyên do Thiền sư Như Trừng Lân Giác mang về chùa Liên Hoa”. Chúng tôi tưởng trong lần nghiên cứu này, Hoàng Thị Ngọc có cái nhìn khác về nơi tàng bản. Có thể, tác giả chưa có điều kiện khảo sát những ngôi chùa xưa ở Hà Nội. Tác giả chỉ chú tâm nghiên cứu về ngôn ngữ Nôm nên ít quan tâm về Phật giáo thời Hậu Lê cũng như các ngôi chùa.

Vấn đề ở chỗ GS Hoàng Xuân Hãn cho rằng lúc đầu Thiền sư Như Trừng lập chùa, đặt tên là Liên Hoa, sau vì húy tên Hoàng thái hậu nên phải chuyển sang tên Liên Tông, sau đó lại vẫn phạm húy nên mới đổi tiếp là Liên Phái. Thế mà khi chúng tôi khảo sát hai chữ Hoa và Tông thấy vấn đề lại khác đi. Chữ Hoa 花 là tên húy của bà Hồ Thị Hoa, mẹ vua Thiệu Trị. Chữ Tông 宗 là tên húy của vua Thiệu Trị, nói đủ là Miên Tông 綿宗, sau này khi lên ngôi, nhà vua đổi làm tên tự. Tài liệu *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các thời đại* cho biết hai chữ Hoa, Tông đã có lệnh kiêng húy lần thứ nhất vào tháng 2 năm Thiệu Trị nguyên niên (1841). Như thế, liệu có thể đổi tên chùa Liên Hoa ra Liên Tông không? Rồi lại đổi Liên Tông ra Liên Phái không? Không thể khi lệnh kiêng húy ra cùng đợt mà lại có thể đổi một chữ bị kiêng húy thành một chữ bị kiêng húy khác rồi sau mới đổi thành chữ không bị kiêng húy. Ta thấy cách lập luận của GS Hoàng Xuân Hãn vấp phải mâu thuẫn.

Tư liệu có nói về chùa Liên Hoa hiện nay hơi hiếm. Tìm đọc trên thư viện Hán Nôm, chúng tôi thấy được mấy cuốn kinh sách Phật giáo có ghi lại một vài thông tin về chùa Liên Hoa, thành Thăng Long. Theo *Kim Cương kinh* do sư Chiêu Khoan Hạo Hạo, chùa Báo Ân, xã Văn Trai đứng in dưới sự giám khắc của bản sư Tịch Truyền Nghiễm Nghiễm quán Kim Sơn, sa môn Hải Quỳnh Chiêu Chiêu viện Ly Trấn chùa Liên Tông chứng minh cho biết bản mà họ y cứ là bản in năm Cảnh

Hưng Ất Sửu (1745) do Tăng thống Tính Hiển trụ trì chùa Liên Hoa đốc san. Cuối bài tựa *Thái thượng hoàng đế ngự chế kim cương bát nhã ba la mật đa kinh*, phần lạc khoản có ghi: “Lê triều Cảnh Hưng vạn vạn niên tuế Ất Sửu thái thốc nguyệt phúc sinh nhật cần thức. Phụng trụ trì Liên Hoa tự tăng thống tự Tính Hiển phụng đốc san”². Đoạn trích dẫn trên cho chúng ta biết thêm là có vị sư Tính Hiển với chức danh Tăng thống đã trụ trì chùa Liên Hoa.

Sách *Chuẩn Đế Nghi Quỹ* in năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756) lại cho biết: “Trung Đô Thăng Long thành Liên Hoa tự hòa thượng tự Tính Hiển đắc Chuẩn Đế kinh bắc bản, đàm vu thủ độ thiện tã san ấn lưu thông nhĩ hà tỷ sĩ chân tục đồng tu chứng đạo. Hồng Phúc tự Bản Lai hòa thượng tự Tính Chúc chứng phú chúc Báo Ân tự tăng chánh Hải Khoát...”

中都昇龍城蓮花寺和尚字性顯得准提經北本覃于此土繕寫刊印流通邇遐俾以真俗同修證道 洪福寺本來和尚字性燭證付囑 報恩寺僧正字海闊...

Dịch nghĩa: “Hòa thượng tự Tính Hiển chùa Liên Hoa thành Thăng Long Trung Đô có được bản Kinh Chuẩn Đế truyền từ phương Bắc đến nơi đây, viết rõ ràng, khắc in lưu thông xa gần để cho chân tục cùng tu chứng đạo. Hòa thượng Bản Lai tự Tính Chúc chùa Hồng Phúc dẫn dò Tăng chánh tự Hải Khoát chùa Báo Ân...”³.

Thông tin trên cho biết Thiền sư Tính Hiển có được một bản *Chuẩn Đế nghi quỹ* của Trung Quốc. Sư Tính Hiển đã giới thiệu với sư Tính Chúc nên Tính Chúc mới giao lại cho Tăng chánh Hải Khoát⁴ đứng in, chứ sư Tính Hiển không phải là người đốc san. Chuẩn đế nghi quỹ bổ sung cho chúng ta về vị sư Tính Hiển. Sư có quan hệ với Thiền sư Tính Chúc và sư Hải Khoát. Theo khoa cúng tổ cùng văn bia tại chùa Hòe Nhai cho biết, sư Tính Chúc chính là vị Tổ đời thứ tư dòng Tào Động và trụ trì bản tự.

Văn bản *Chuẩn Đế nghi quỹ*⁵ trên lại được in lại vào thời Nguyễn sơ. Có hai lần in đều đập lại nguyên xi, không khác gì đối với bản chùa Hồng Phúc. Một bản in năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) do Thiền sư Hạo Hạo viện Tường Quang thực hiện. Trong bản in này có in thêm *Chuẩn Đế nghi* vào sau. Bản in thứ hai đóng sau *Hộ Pháp Luận*⁶. Hai bản in vẫn giữ lại nguyên dòng lạc khoản mà chúng tôi trích dẫn ở trên.

Bài tựa *Kinh Duy Ma Cật sở thuyết* viết năm Cảnh Hưng Mậu Dần (1758) cho biết Tỳ-kheo Tính Miện pháp hiệu Huệ Cơ ủy thác Tỳ-kheo-ni Diệu Tường đứng in sách. Cuối sách, phần hộ kinh có ghi như sau: “*Quế Hoa tự Tỳ-kheo tự Như Kiên, Liên Tông tự Viên Dung Hòa thượng tự Tính Dục, Liên Hoa tự Hòa thượng tự Tính Hiển, Tỳ-kheo tự Tính Chất, Phúc Diên tự Tuệ Giác Tỳ-kheo Tính Triêm, Báo Ân tự Tăng chánh tự Hải Khoát...*”⁷. Qua đó, chúng ta thấy chùa Liên Hoa có vị trụ trì là sư Tính Hiển, còn chùa Liên Tông có vị sư Tính Dục⁸. Như vậy, hai chùa biệt lập với nhau.

Thư viện của Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn một văn bản nữa có ghi về chùa Liên Hoa. Bản in *Tăng Hộ Kinh* kí hiệu AC.501 được khắc in năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757), chùa Hồng Phúc tàng bản. Văn bản này đóng sau sách *Tăng Huấn Nhật Ký*; có thể hai văn bản được in một lần nên người sau cho đóng lại với nhau. Phía sau sách, phần công đức ở tờ 31a1 có ghi: “*Liên Tông Viên Dung hòa thượng tỳ khiêu tự Tính Được nhất thiên chi*” (蓮宗圓融和尚比丘字性燐一千紙). Đến tờ 33a sách cho biết: “Thời Lê triều Cảnh Hưng thập bát niên tuế thứ Đinh Sửu quý hạ cốc nhật. Kinh đô Thăng Long thành Liên Hoa tự tông sư tự Liễu Viên, An tử sơn Hoa Yên tự giới sư tự Tính Miện đồng phú chúc đệ tử Tỳ-kheo-ni hiệu Diệu Thuần...”

時黎朝景興十八年歲次丁丑季夏穀日。京都昇龍城蓮華寺宗師字了圓。安子山花煙寺戒師字性冕。同付囑弟子比丘尼號妙淳...

Dịch nghĩa: Vào ngày lành tháng cuối hạ năm Đinh Sửu niên hiệu Cảnh Hưng thứ 18 triều Lê, tông sư tự Liễu Viên chùa Liên Hoa thành Thăng Long Kinh Đô, giới sư tự Tính Miện⁹ chùa Hoa Yên núi Yên Tử cùng phú chúc cho đệ tử Tỳ-kheo-ni hiệu Diệu Thuần...

Đoạn tư liệu dẫn trên, đối chiếu với bản *Thiền tông bản hạnh*, chúng tôi thấy chúng bổ sung cho nhau. Sư Liễu Viên là thấy bản sư của Tỳ-kheo-ni Diệu Thuần, nhưng Diệu Thuần lại thụ giới với sư Tính Miện, chùa Hoa Yên. Do đó, khi lên Yên Tử thụ giới, Diệu Thuần đã có được một số tư liệu về hệ thống kinh sách ở đây. Có thể Diệu Thuần sở hữu được bản *Thiền tông bản hạnh* của sư Chân Nguyên để sau này bà cho trùng san. Hoặc có thể bản in *Thiền tông bản hạnh* của sư Chân Nguyên được in ấn phát hành trong cả nước nên sau một thời gian, ván in bị hư¹⁰ nên được các sư dưới kinh đô cho in lại. Bản in này bổ sung thông tin về hai ngôi chùa với hai vị sư khác nhau. Họ cùng ủng hộ công tác in kinh thời bấy giờ.

Tổng hợp các tư liệu trên, chúng ta thấy sư Tính Hiển chính là Liễu Viên. Lý do là các tư liệu đều cho sư Tính Hiển, Liễu Viên cùng trụ trì chùa Liên Hoa thành Thăng Long trong một giai đoạn. Ngay như bản in kinh *Kim Cương* cho biết Tăng thống Tính Hiển chùa Liên Hoa đốc san vào năm Cảnh Hưng Ất Sửu, còn *Thiền tông bản hạnh* ghi vào năm Cảnh Hưng thứ 6, sư Liễu Viên phú chúc Sa-di-ni Diệu Thuần đứng in. Cảnh Hưng Ất Sửu chính là năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745). Do đó, chúng tôi suy ra Liễu Viên chính là Tăng thống Tính Hiển. Tính Hiển là pháp húy trong kệ phái, còn Liễu Viên là hiệu của ngài.

Theo *Kế đăng lục* cho biết, Thiền sư Như Sơn có nhờ Sa-di Tính Chúc, Tính Hiển, Tính Phái giúp duyệt sách. Các vị này chính là học trò của Thiền sư Như Sơn. Tính Chúc sau này trở thành Đệ tứ tổ chùa Hòe Nhại. Sách *Chuẩn Đế nghi quỹ* cho ta thấy mối quan hệ giữa Tính Chúc và Tính Hiển. Do đó, họ chính là huynh đệ với nhau, cùng là học trò của Thiền sư Như Sơn. Nguyễn

Lang có lý khi đồng nhất Như Sơn chính là Từ Sơn Hành Nhất¹¹. Vì thế, họ phải thuộc dòng Tào Động.

Các tư liệu trên đã cung cấp thông tin phủ định cách lập luận cho rằng chùa Liên Hoa là chùa Liên Phái bây giờ. Tư liệu văn bia tại chùa Liên Phái cho biết sư Như Trừng lập chùa Liên Tông, sau vì húy tên Hoàng thái hậu nên đổi lại là chùa Liên Phái. Theo bài tựa trong *Cúng sư nghi*¹² tức khoa cúng tổ Như Trừng do Tính Ngạn soạn cho biết sư Tính Ngạn đến chùa Liên Tông xuất gia. Cúng sư nghi được in năm Cảnh Hưng thứ 3 (1742) thì lúc đầu sư Như Trừng lập chùa, lấy tên là Liên Tông chứ không phải Liên Hoa. Không lẽ, sư Tính Ngạn lại không biết điều đó chăng?

Chúng tôi sở hữu một cuốn sách xưa, trong đó nó đóng góp các sách như *Tam thời lễ kính nghi*, *Tỳ-ni nhật dụng lục* và hai bản nôm *Sa-di thập giới* và *Ngũ giới quốc âm* của sư Như Trừng. Các bản này đều được in lại năm Cảnh Thịnh triều Tây Sơn. Bài tựa để trước hai bản quốc âm do sư Như Trừng soạn năm Bảo Thái thứ 7 có cho biết sư viết tại viện Ly Trản, chùa Liên Tông. Như thế, không thể lúc đầu sư Như Trừng lập chùa đặt tên là Liên Hoa như GS Hoàng Xuân Hân đưa ra, mà là Liên Tông. Chùa Liên Tông khác với chùa Liên Hoa tại thành Thăng Long nên suy luận sư Như Trừng học đạo với Chân Nguyên chùa Long Động có mang *Thiền tông bản hạnh* về, sau đó đem khắc in là điều chưa từng xảy ra. Có thể, sư Như Trừng có một bản nhưng chưa thấy chùa Liên Tông đứng in.

Chùa Liên Tông sang đời Nguyễn do phạm húy mà đổi tên là chùa Liên Phái. Các sách của Hòa thượng Phúc Điền như *Thiền uyển truyền đăng lục*, quyển hạ có ghi chùa Liên Tôn. Như thế, chùa Liên Tôn cũng chính là chùa Liên Phái. Sau này, các Tổ mới lấy tên Liên Phái để gọi cho đến ngày nay.

Chùa Liên Hoa nằm ở vị trí nào? Đây là một câu hỏi khó trả lời dứt khoát. Bởi vì, các tư liệu để lại không xác định được vị trí của chùa. Hầu như chỉ biết chùa Liên Hoa thành Thăng Long mà không xác định lại tên thôn xã, nên khó chỉ ra. *Đại Nam nhất thống chí*, tỉnh Hà Nội, mục chùa quán cũng không nhắc gì đến chùa Liên Hoa. Có thể, trong giai đoạn cuối Lê, Tây Sơn, chùa đã bị mất nên sau này không có tư liệu nào ghi lại. Vì giai đoạn này nhiều chùa đã bị hư hại nặng, một số không có sư trụ trì đã trở nên hoang phế; dần dần, nếu không được tu bổ thì cũng dễ bị mất.

Tóm lại, qua việc sử dụng các tư liệu còn lại, chúng tôi bác ý kiến cho rằng chùa Liên Hoa chính là chùa Liên Tông của GS Hoàng Xuân Hân và nhà nghiên cứu Hoàng Thị Ngọc. Những giả thiết về địa điểm nơi tàng bản *Thiền tông bản hạnh* không có sức thuyết phục. Tuy chưa xác định địa điểm chùa Liên Hoa hiện nay nhưng chúng ta thấy vai trò của chùa Liên Hoa đối với Phật giáo thời Lê – Trịnh là rất lớn. Ngôi tu viện này đã từng là một đạo tràng của Phật giáo Thăng Long xưa, đóng góp vào sự phát triển của Phật giáo thời Hậu Lê.



Tài liệu tham khảo:

1. *Huyết bốn sám pháp*, bản in năm Cảnh Hưng thứ 35, chùa Cần Đà tàng bản, kí hiệu AC. 649.
2. *Kim Cương kinh*, bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 254.
3. *Chuẩn Đế nghi quỹ*, in năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), chùa Báo Ân, Kinh Đô tàng bản. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 452.
4. *Chuẩn Đế nghi quỹ*, chùa Linh Bảo tàng bản, bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC. 312.
5. *Chuẩn Đế nghi quỹ*, Chùa Thiên Hưng tàng bản, bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC 144-145.
6. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận III*, Nxb Lá Bối, San Jose CA – USA, 1993.
7. *Thiền uyển truyền đăng lục*, quyển hạ, Phúc Điền biên tập, Tủ sách Pháp Đăng.
8. *Duy-ma-cật sở thuyết kinh*, in năm Cảnh Hưng Mậu Dần (1757), chùa Đại Nguyên tàng bản, tủ sách Pháp Đăng.
9. Hoàng Thị Ngọc, *Vài suy nghĩ về văn bản Thiền tông bản hạnh*, Thông báo Hán Nôm học năm 2009.
10. Hoàng Thị Ngọc (khảo cứu, phiên âm, chú giải), *Thiền tông bản hạnh*, Nxb Văn Học, H. 2009.
11. Thích Thanh Từ, *Thiền tông bản hạnh giảng giải*, Nxb TP HCM, 1998.
12. Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiến (sưu tập, biên khảo), *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập 3, Nxb Giáo Dục, H. 1998.

Chú thích:

1. Sư Giải Ngạn một vị tăng người Miền Trung, GS Hoàng Xuân Hãn cho ông là người Quảng Nam. Sư có đạo hiệu là Thích Huyền Cơ. Sư từng trụ trì chùa Bút Tháp, Bắc Ninh. Sau, sư về Hà Nội trụ trì chùa Hưng Ký, làng Hoàng Mai. Ông Hãn nhầm chùa Hưng Ký và chùa Hoàng Mai.

Thực ra, ông được sư Giải Ngạn tặng sách tại chùa Hưng Ký. Sư Giải Ngạn là một vị cao tăng uyên thâm Phật học, sư có mở thư viện và lớp Phật pháp để dạy hai hàng xuất gia và tại gia tại chùa Hưng Ký. Năm 1952, sư vào miền Tây Nam Bộ, bị nạn rồi mất. Sư từng dịch và viết các sách như *Kinh Viên Giác*, *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*...

2. *Kim Cương kinh*, phần tựa, tờ 1b1. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 254.

3. *Chuẩn Đế nghi quỹ*, in năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), chùa Báo Ân, Kinh Đô tàng bản. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 452, tờ 7a.

4. *Huyết Bốn sám pháp* in năm Cảnh Hưng thứ 35 (1774), chùa Cần Đà tàng bản, cho biết: "*Nhất Kinh Đô Thăng Long thành trụ trì Báo Ân tự tăng chánh tỳ khiêu tự Hải Khoát công đức*"; theo đó, chúng ta biết sư Hải Khoát vẫn còn trụ tại chùa Báo Ân đến cuối thời Lê trung hưng.

5. *Chuẩn Đế nghi quỹ*, chùa Linh Bảo tàng bản, bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 312.

6. *Chuẩn Đế nghi quỹ*, chùa Thiên Hưng tàng bản, bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC 144-145.

7. *DuyMa Cật sở thuyết kinh*, in năm Cảnh Hưng Mậu Dần (1758), chùa Đại Nguyên tàng bản. Tủ sách Pháp Đăng.

8. Sư Tính Dực, họ Nguyễn, người thôn Khoái Nội, xã Vũ Lăng, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam. Sư thuở nhỏ xuất gia với Thiền sư Như Trừng tại chùa Liên Tông. Được sư Như Trừng cho làm thị giả. Năm 1733, sư Như Trừng viên tịch, sư kế đăng trụ trì chùa Liên Tông. Sư lập chùa Sùng Phúc tại bản quán và trụ trì. Sư được nhà nước đương thời sắc phong Viên Dung hòa thượng. *Thiền uyển truyền đăng lục*, quyển hạ của Phúc Điền, cho biết sư thọ 60 tuổi. Tháp sư lập tại chùa Sùng Phúc vào năm Nhâm Thìn (1772). Có thể sư mất cũng trong năm đó, suy ra sư sinh năm 1713.

9. Chân Thường tháp ký cho biết, sư Tính Miện, pháp hiệu Tuệ Cơ, là đệ tử của Thiền sư Như Lịch Giác Viên Tuệ Hỷ (1637-1719) chùa Hoa Yên. Năm 1719, sư Như Lịch viên tịch, sư kế đăng trụ trì. Theo Hoa Quang tháp ký cho biết, vào năm Bính Tý (1756), sư Tính Hải Liên đến quy tông với sư Tính Miện tại chùa Hoa Yên, được giao cho chức thủ tọa. Năm Kỷ Mão (1759) sư Tính Miện phú chúc cho sư trụ trì chùa Hoa Yên. Như thế thì sư Tính Miện phải tịch trong năm 1759. Hành trạng của sư chỉ còn biết đến đó thôi.

10. Điều này quá rõ khi chúng ta đọc một số tư liệu như *Thánh đăng ngữ lục*, *Thượng sĩ ngữ lục*; tất cả đều được in lại. Sách *Thánh đăng ngữ lục* do sư Chân Nguyên đứng in năm Vĩnh Thịnh nhưng đến sư Tính Lăng thì ván gỗ không còn nên sư Tính Lăng mới cho khắc in. *Thượng sĩ ngữ lục* in năm Chính Hòa thứ 4, sau đời Cảnh Hưng cũng cho khắc ván in lại.

11. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận III*, Nxb Lá Bối, San Jose CA – USA, 1993.

12. Bản lưu tại chùa Hàm Long, Bắc Ninh. ■



Thời gian gần đây, báo chí (báo in và báo điện tử) phê phán nghiêm khắc hiện tượng ngôn ngữ teen hay còn được gọi là tuổi 9x. Thật là thiếu sót đáng trách nếu chúng ta luận bàn, phê phán về ngôn ngữ CHAT mà chẳng hiểu nó là gì. Bài viết này sẽ trình bày vài nét chính của ngôn ngữ CHAT đồng thời tìm hiểu cách viết và mục đích của loại ngôn ngữ teen 9x. Hy vọng đóng góp nhỏ này sẽ góp phần làm vấn đề được nhìn dưới một lăng kính sáng sủa hơn.

1. Chat là gì?

Chat là một từ tiếng Anh được các từ điển tiếng Anh định nghĩa như sau:

Chat (danh từ): một cuộc đàm thoại thân mật. (friendly conversation)

Chit-Chat (danh từ): một cuộc đàm thoại thân mật về những chuyện không quan trọng (friendly conversation about things that are not very important).

Tuổi teen đúng là lớp tuổi phù hợp với "chat". Chính họ là những người có nhiều "chuyện không quan trọng" để nói với "bạn bè".

Thử nhìn qua ngôn ngữ chat của các teen sử dụng tiếng Anh/Mỹ

Cu@34t (see you at 3 for tea)

Vài trăm cách viết tắt: b4 (before), cuz (because), k (ok), thx (thanks), syl (see you later)

Và vô số ký hiệu trông như vẽ bùa: :-): :-(: :-@: 0:-):

2. Ngôn ngữ "chat" của teen 9x Việt?

Mời đọc vài câu "chat" viết theo ngôn ngữ teen 9x: (trích từ các báo điện tử tiếng Việt).

a) Hum wa kim tra Dzăn làm được hok? b) Tiết sau kim tra

c) mu*ng wé hok bj ở l4j lúp d) Bùn wá mài nhĩ, lẹi gấn hít nem lép 8 roài... thí tụi mìn ko đc zui như hồi nem ngoái, nghĩ vậy thoai mữ teo bùn ghê gúm, đeng wên teo dzà mái trũng iu zấu nì nha.

Chỉ đọc qua một lần chắc chắn quý vị bị đủ hoảng rồi. Xin hãy bình tĩnh và đọc lại từng câu trên lần nữa và đối chiếu với các đáp án sau đây:

a) hôm qua kiểm tra văn làm được không? b) tiết sau kiểm tra c) mừng quá không bị ở lại lớp d) Buồn quá mà ỉn, lại gần hết năm lớp 8 rồi... Thế tại mình không được vui như hồi năm ngoái, nghĩ vậy thôi mà tao buồn ghê gớm, đừng quên tao và mái trường yêu dấu này nha.

Giải mã.

Nói chung đó là lối viết giản lược làm cho chữ ngắn lại bằng nhiều cách:

(1) bỏ bớt: n(ng):xog/ o(uo): mún/ ê(iê): hóg bit/ k(kh): hóg=k

(2) thay đổi: f(ph)/ i(ye)/ j (gi): thòi jan/ k(c): kác m/ 3 (e): 3m: em/ e(ă): lém /w(qu)

(3) viết tắt: K (không), n (anh), m (em), OX (ông xã), BX (bà xã)

(4) tạo mới: 2 (hi!), 4(=a) ví dụ 4nh (=n= anh)/g9 (good night)

Nhìn qua những câu văn “chat” của các teen Anh, Mỹ hay Việt, chúng ta thấy ngay mục đích tạo ra cách viết giản lược của họ. Trước tiên là để đỡ tốn tiền, đỡ mất thì giờ và nói được nhiều. Thứ đến là dùng nó như một loại mặt nạ để tránh sự kiểm soát của người lớn. (Teen Anh, Mỹ còn dùng chữ tắt PAW để báo động nhanh cho nhau biết là bố mẹ đang theo dõi chúng: Parents Are Watching). Và cuối cùng là các teen muốn có cái gì riêng để thể hiện mình. Teen nào không viết theo kiểu đó sẽ bị xem là “không bình thường”. Nếu người lớn xâm nhập vào được thế giới ngôn ngữ riêng của chúng, các teen tức thì “chế” ra cách viết khác để tránh né. Chính nỗ lực của người lớn tìm cách đọc những tin nhắn “mật” của bọn trẻ vô tình gây thêm thích thú cho chúng trong trò chơi trốn tìm đó. Cái khó làm lo cái khôn. Chẳng có gì khó hiểu cả. Và cũng chẳng phải là một phát minh gì ghê gớm.

3. Phê phán của người lớn

Nội dung lành mạnh: chuyện học tập, cuộc sống, tình yêu. Không thấy ai chê trách.

Cách viết tiếng Việt lạ lẫm của teen 9x mới chính là mục tiêu của bữa riu phê phán (trích nguyên văn):

- cách viết tiếng Việt không giống ai. Những kiểu nói “hiếu chết liền”

- Bạo loạn ngôn ngữ của teen. Ngôn ngữ tuổi teen hay ngôn ngữ của kẻ ngốc!

- cách viết quái dị - viết sai đủ thứ thì làm sao quay về đúng chính tả nổi.

- quái đàn, - làm vẩn đục sự trong sáng của tiếng Việt...

4. Đôi điều về ngôn ngữ

Phần tìm hiểu ngôn ngữ trong phạm vi bài viết này liên quan đến CHAT nên người viết mạn phép mượn tiếng Anh làm ví dụ. Lý do thứ nhất là vì tiếng Anh chiếm vị trí đầu trong 10 ngôn ngữ (top ten) có người

sử dụng NET nhiều nhất trên thế giới. Một lý do khác vì Chat là một từ tiếng Anh, một ngôn ngữ không xa lạ gì với người Việt trong thời đại công nghệ thông tin.

Định nghĩa “tiếng Anh” sau đây của J.B Heaton có thể áp dụng cho hầu hết mọi ngôn ngữ trên thế giới: *Tiếng Anh là một sinh ngữ được dùng làm phương tiện giao tiếp trong đời sống thường nhật của lớp người bình thường.*

(English is a living language used as a means of communication in the daily lives of the ordinary people. J.B. Heaton. Longman Tests in Context)

Ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày giữa những người bình thường có một đặc điểm chung là thân mật. Thân mật nghĩa là không cần phải chọn câu từ cho chính xác, không sợ bị bắt bẻ nói đúng nói sai. Trong giao tiếp hằng ngày chúng ta chỉ lắng nghe cái ý (nội dung) của lời nói chứ không tìm nghe từ này chữ nọ (In everyday conversation people listen for meaning, not particular words).

Thời còn cấp sách thủ hồi trong chúng ta ai là người không “sáng tác” ra nhiều kiểu viết tắt kỳ quái để ghi bài, viết nháp? Và chúng ta đã từng hứng thú về sự sáng tạo ấy, nhất là nếu có ai lặc đầu chào thua trước những kiểu viết bí hiểm chỉ mỗi mình ta đọc được. Ngày nay có biết bao nhiêu người lớn đang sử dụng lối viết tiếng Việt không dấu trên NET (mail) cũng chỉ với mục đích trao đổi cái “ý” với người thân quen. Các ký tự teen sáng tác ra cũng chỉ với mục đích chuyển tải nội dung lời nói đến bạn bè.

Lời nói hằng ngày (everyday conversation) bản thân đã thân mật rồi. Nó rất gần gũi với con người vì đó là loại ngôn ngữ con người tiếp xúc đầu tiên khi mới chào đời: tiếng mẹ ru, tiếng nói, cười đầy tình cảm triu mến của những người thân trong gia đình. Loại ngôn ngữ này không đòi hỏi người sử dụng phải biết văn phạm. Văn phạm là sản phẩm của các nhà ngữ học.

5. Kết luận

Nói năng cũng như ăn mặc. Bạn không thể mặc bộ đồ tắm biển đến dự một lễ cưới. Bạn không thể nói chuyện với cấp trên hay với người lớn tuổi như khi nói với bạn bè, người thân. Bạn không thể tranh luận trên một diễn đàn như khi tranh cãi với bạn bè bên bàn tiệc. Bạn không thể viết tắt hay dùng ký hiệu tốc ký trong bài thi như khi bạn viết trong vở nháp. Do đó ngôn ngữ nước nào cũng phân chia làm hai loại rõ ràng: ngôn ngữ trang trọng (formal language) và ngôn ngữ thân mật (informal). Hai loại này đều thể hiện trong cả văn nói lẫn văn viết. Dùng nhầm lẫn thì sẽ rất tai hại và lố bịch.

“Chat” là loại ngôn ngữ dùng để nói những “chuyện không quan trọng” với “bạn bè”. Nói nôm na đó là loại ngôn ngữ dùng để tán gẫu hằng ngày. Tán gẫu mà bắt phải dùng ngôn ngữ trang trọng, phải đúng văn phạm, viết câu cú cho nghiêm túc như sách giáo khoa thì chẳng khác gì bắt người đi tắm biển phải mặc vét tông, thắt cà vạt. ■

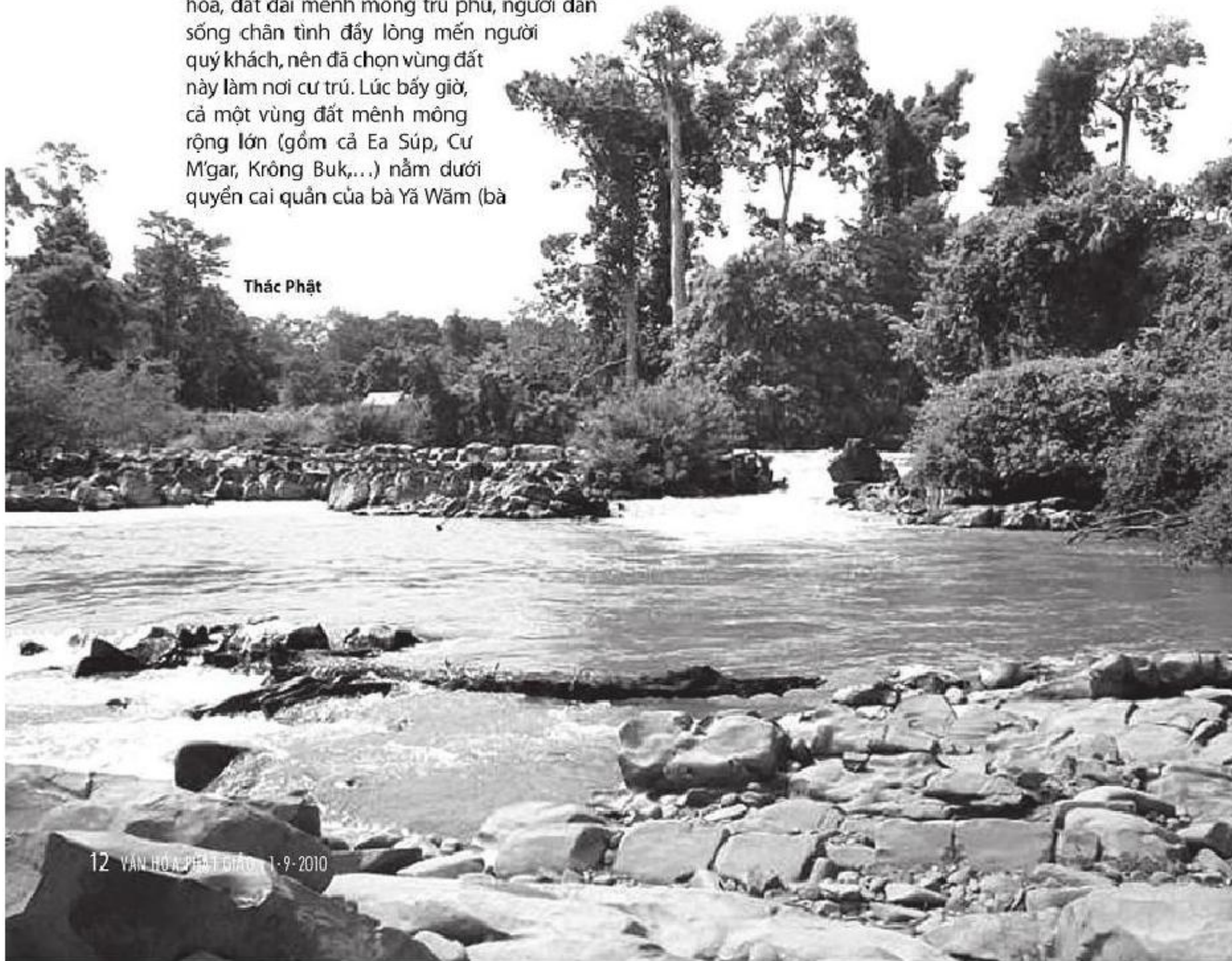
Phát tích tín ngưỡng Phật giáo ở bản Đôn

TRƯƠNG BI

Cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, cha của ông Y Thu Knul từ đất nước Triệu Voi (Lào) đã xuôi thuyền theo dòng sông Mê Kông, sau đó lại ngược dòng Sêrêpôk đến buôn bán, trao đổi hàng hóa với các tộc người sống dọc theo con sông Sêrêpôk. Qua nhiều chuyến buôn bán, trao đổi hàng hóa, ông thấy ở đây phong cảnh hữu tình, sông suối hiền hòa, đất đai mênh mông trù phú, người dân sống chân tình đầy lòng mến người quý khách, nên đã chọn vùng đất này làm nơi cư trú. Lúc bấy giờ, cả một vùng đất mênh mông rộng lớn (gồm cả Ea Súp, Cư M'gar, Krông Buk,...) nằm dưới quyền cai quản của bà Yă Wăm (bà

Văm). Bà thấy cha của Y Thu Knul khỏe mạnh, thông minh tài giỏi về nghề buôn bán, lại tự nguyện lấy cô con gái M'nông (người dân bản địa) ở nơi đây làm vợ, nên bà đã chia cho ông vùng đất dọc ven sông Sêrêpôk để lập buôn làng. Lúc đầu ông chọn một số cồn đất nổi bên sông để tổ chức việc định cư. Ông đặt tên là Bản Đôn (theo tiếng

Thác Phật



Lào: Bản là làng, Đôn là đảo, Bản Đôn có nghĩa là làng đảo), về sau mọi người gọi là Bản Đôn.

Cũng từ đó, người Lào có mặt ở Bản Đôn. Lúc đầu chỉ có năm bảy ngôi nhà, về sau tăng lên vài chục nóc gia. Hiện nay người Lào ở Bản Đôn (Buôn Đôn) có trên 70 hộ, gần 300 người (chủ yếu ở buôn Trí, buôn Yang Lành, buôn Hwa).

Từ ngày cha của Y Thu Knul lấy vợ lập lên Bản Đôn, ông bỏ nghề buôn bán trên sông nước mà theo các chàng trai M'Nông đi săn voi. Dần dần ông trở thành người săn voi giỏi nhất vùng. Sau này Y Thu Knul lớn lên nổi nghiệp cha và trở thành người săn voi nổi tiếng của Tây Nguyên. Ông đã săn được voi trắng và mang biếu vua Thái Lan. Vua Thái Lan đã phong tặng cho ông danh hiệu Khun Ju Nốp (Vua Voi).

Hiện nay, người Lào ở buôn Trí (xã Krông Ana, huyện Buôn Đôn) còn giữ được ngôi nhà bằng gỗ trên 100 tuổi, kiến trúc theo nét văn hóa truyền thống của dân tộc Lào, kết hợp với văn hóa của người Êđê, M'Nông. Nhà có hai nóc, cao nhọn như hai ngọn núi, bốn mái và hai nóc song song với nhau, nhưng cửa chính lại mở ngay phía đầu hồi (như nhà truyền thống Êđê). Cột nhà, khung nhà, tường nhà, sàn và mái lợp đều làm bằng gỗ K'cit. Sàn nhà cách mặt đất ba mét, cầu thang lên xuống rộng 1,2 mét (giống cầu thang người Kinh). Các cột nhà, hiên trước đều trang trí hoa văn của dân tộc Lào khá độc đáo.

Trước đây, người Lào ở Buôn Đôn có chùa thờ Phật. Các già làng kể lại rằng từ khi cha của ông Y Thu Knul đến đây lập Bản Đôn thì văn hóa Phật giáo của người Lào cũng được hình thành tại đó. Hiện nay dấu tích còn lại là Thác Phật, cây bồ đề trên 100 tuổi, và tín ngưỡng Phật giáo của các gia đình người Lào ở buôn Yang Lành của huyện Buôn Đôn. Hàng năm, cộng đồng người Lào ở đây thường tổ chức lễ tế Phật vào mùa xuân để cầu bình an, no đủ hạnh phúc và các lễ hội truyền thống. Trong lễ hội có múa hát mừng mùa, múa hát giao duyên, đối đáp nam nữ (gọi là Lăm Sơn Su), múa hát tập thể (Lăm muôn, Phăm Wông) hòa với tiếng khọng (chiêng) rộn ràng, náo nhiệt. Cũng trong những ngày lễ hội này, người già thường kể cho con cháu nghe những câu chuyện cổ (Sao Phơn) của ông bà truyền lại, như truyện Xin Xay, Xu Mi Wong, Ma Ha Wong, Kă Dăm, Thao Be, Chăm Pa Xi Tôl... Bên cạnh việc kể chuyện cổ, người già còn kể trường ca (lăm lượm) suốt đêm này sang đêm khác, nhằm giáo dục truyền thống chống giặc, chinh phục thiên nhiên, ca ngợi người anh hùng lý tưởng của dân tộc Lào cho thế hệ con cháu.

Về nhạc cụ của người Lào ở Buôn Đôn, có khọng (chiêng) là một bộ chiêng từ năm đến bảy cái có núm, khèn (8 ống trúc), khuy (sáo từ bốn đến tám lỗ), xí xọ (đàn nhị từ hai đến bốn dây), chấp pi (đàn nguyệt từ ba đến sáu dây), và kong (trống vỗ)...

Về trang phục, hiện nay phụ nữ Lào ở Buôn Đôn vẫn còn giữ được những bộ trang phục truyền thống của dân tộc mình (áo ngắn tay, váy hoa sặc sỡ, màu tím, màu hồng



Cây Bồ đề tại bản Yang Làng

có pha lẫn với màu vàng, với những đường nét hoa văn độc đáo hình thoi, hình tam giác, hình lưỡng hà...); còn đàn ông thì mặc áo tay dài, lưng quấn xà rông với nhiều màu sắc rực rỡ. Họ chỉ mặc những bộ trang phục này vào những ngày lễ hội của cộng đồng.

Ngoài nghề làm rẫy, trồng lúa nước, người Lào ở Buôn Đôn còn có nghề khai thác lâm sản quý của núi rừng, nghề đánh cá trên sông Sêrêpôk. Nghề buôn bán trao đổi hàng hóa với các buôn làng sống dọc sông Sêrêpôk; đặc biệt là nghề săn voi và thuần dưỡng voi rừng. Những người săn voi nổi tiếng có cha con ông Y Thu Knul, Nay Hoang, Y Suêk, Y Pui, Y Them, Ama Kông... Voi săn được sau khi đã thuần dưỡng thành voi nhà, họ thường mang bán cho các buôn làng ở Tây Nguyên, hoặc đưa sang các nước láng giềng: Lào, Thái Lan, Campuchia, Miến Điện... để đổi lấy chiêng ché và vải vóc, lương thực, đồ trang sức quý giá.

Hiện nay người Lào ở Buôn Đôn vẫn còn giữ được nghề săn voi và thuần dưỡng voi rừng. Họ còn lưu truyền gìn giữ các bài cúng voi (xeng xang tu róc) như cúng voi trước khi đi săn, cúng voi nhập buôn, cúng sức khỏe cho voi, cúng voi đẻ, cúng đám cưới cho voi, cúng cắt ngà voi, cúng bán voi, cúng sức khỏe cho nài voi và chủ voi...

Người Lào ở Buôn Đôn từ bao đời nay đã sống hòa nhập, đoàn kết, gắn bó với các dân tộc bản địa ở Đắk Lắk, cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng quê hương giàu đẹp. Trong đó tín ngưỡng Phật giáo vẫn là một nét đẹp văn hóa của đồng bào nơi đây. ■



Triết lý sống của người Phật tử Việt Nam

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Đã có không ít những nhà nghiên cứu lịch sử công nhận rằng ngay từ thời kỳ đầu của đất nước, *lịch sử dân tộc Việt Nam gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Như vậy, thiết nghĩ triết lý sống của người Phật tử Việt Nam có thể bắt nguồn, một mặt, từ tiến trình hình thành phát triển lịch sử dân tộc Việt; mặt khác, từ quá trình tiếp biến giáo lý căn bản Phật giáo mà dân tộc ta đã trải nghiệm, hành trì trong việc thực nghiệm đời sống tâm linh. Chính hai cội nguồn đó đã tạo ra và phát triển những nét chung nét riêng trong triết lý sống của người Phật tử Việt Nam, được thể hiện qua quá trình dựng nước và giữ nước, góp phần vào việc phát triển và hội nhập của đất nước cũng như trong việc truyền

bá Chánh pháp, đem lại hạnh phúc cho mọi người dân nước Việt.

Thực tế là Phật giáo đã tồn tại ở Việt Nam trên 2.000 năm. Thời gian ấy đủ dài để người Việt từ thế hệ này sang thế hệ khác có thể chắt lọc từ giáo lý đạo Phật mọi yếu tố thích hợp nhất với điều kiện lịch sử - xã hội của dân tộc, của đất nước rồi biến những yếu tố ấy thành tinh túy văn hóa dân tộc, đủ để khẳng định sự tồn tại của mình như một dân tộc, một đất nước tự do độc lập với tất cả mọi bản sắc văn hóa thích hợp, phóng khoáng không bài ngoại và không lệ thuộc ngoại. Nói theo cách nói của Mâu Tử được ghi trong *Lý học luận* vào cuối thế kỷ thứ II sau Tây lịch, đã có một dân tộc Việt biết sống theo tinh thần độc lập, tự chủ, trong đó

có các thuộc tính triết lý Phật giáo. Cụ thể Phật giáo được xác định như một con đường: "... *Cư gia khả dĩ sự thân, tể quốc khả dĩ trị dân, độc lập khả dĩ trị thân*" (*Ở nhà có thể dùng thờ cha mẹ, làm chủ nước có thể dùng trị dân, đứng một mình có thể dùng sửa thân*)¹. Như thế, thuở ban đầu trên đất nước Việt Nam, Phật giáo đã nghiêm nhiên trở thành một đạo Phật thể hiện một nếp sống đạo không chỉ giáo dục đối với từng cá nhân, gia đình, xã hội mà còn có thể xem như triết lý sống cùng với tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường của cả dân tộc để chống lại sự đồng hóa xâm lược phương Bắc.

Rõ ràng, những đặc trưng của triết lý Phật giáo để cao tính tự cường dân tộc, niềm tự tin vào chính mình và dân tộc mình, đã được nhân dân Việt Nam đồng tình, chấp nhận, biến thành cốt tủy và máu thịt của chính mình. Kết quả, từ sau cột mốc chiến thắng Bạch Đằng lịch sử 938 do Ngô Quyền lãnh đạo, đất nước ta chuyển sang một thời đại mới: Thời đại thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng, phục hưng mọi giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc sau hơn 1.000 năm bị đô hộ.

Mở đầu thời đại đó là thời Lý – Trần, là sự hiện thực hóa cái triết lý sống mà người Phật tử Việt Nam thực thi trong đời sống thực tiễn. Từ một nền Phật giáo chức năng, các nhà lãnh đạo Phật giáo đã phối hợp các Phật tử lãnh đạo quốc gia xiển dương một nền Phật giáo thế sự, tích cực nhập thế nhằm đáp ứng các nhu cầu lịch sử của một quốc gia độc lập tự chủ trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, kể cả tín ngưỡng tâm linh. Các Thiền sư như Ngô Chân Lưu, Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Mãn Giác... đã tùy duyên, tích cực đóng góp cho vương triều nhà Lý kiến thiết quốc gia, xây dựng kinh đô Thăng Long, tạo dựng chùa chiền, lập trường Quốc Tử Giám, tổ chức lễ hội cầu an, cầu siêu, lễ hội dân tộc với tầm vóc quốc gia, nhất là dùng Chánh pháp để quản dân, an dân trong tình thân nhậm vận, vô trú, vô trước. Kết quả, nhà Lý trở thành triều đại được mệnh danh là triều thuần từ, hiếu sinh, hiếu đạo, trên dưới từ vua quan cho đến thứ dân đều đồng tâm, đồng lòng sống theo nếp sống đạo Thiền.

Nếp sống đạo Thiền đã khiến cho mọi người tự tin vào khả năng ngộ đạo của chính mình, tin vào sức của mình, tin ở dân tộc và đất nước, tin ở luật nhân quả nghiệp báo để cuộc sống của toàn dân hướng đến chỗ chân, thiện, mỹ; đó là triết lý sống của người dân theo đạo Phật. Do đó ta chẳng ngạc nhiên gì thấy rằng, khi được vua Lê Đại Hành hỏi về vận nước, Thiền sư Pháp Thuận đã đáp bằng một bài kệ trong đó có câu: "*Quốc tộ như đằng lạc, Nam thiên lý thái bình*". Nếu cả nước gắn bó, đoàn kết với nhau chặt chẽ như dây mây quấn (đằng lạc) thì nước Nam sẽ có thái bình. Triết lý đó thật là dễ hiểu. Dân ta tuy không đồng nhưng nếu biết đoàn kết với nhau thành một khối, thì có thể tạo thành sức mạnh vô địch, mà kẻ xâm lược dù có hùng mạnh

đến đâu và đông gấp hàng trăm lần cũng không làm gì nổi. Khối đoàn kết toàn dân, trước hết được xây dựng trên tình thương giữa đồng bào như là anh em ruột thịt một nhà. Tình thương đó được minh họa bằng các câu ca dao, mà chúng ta đều ai nấy tâm niệm thuộc lòng: "*Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước hãy thương nhau cùng*." hay "*Khôn ngoan đá đáp người ngoài, Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*". Khối đoàn kết đó cũng được xây dựng xung quanh một trung tâm vững chắc là một bộ phận lãnh đạo trung kiên, có đức độ, có tài năng, có lý tưởng.

Dưới đời Lý Thánh Tông, Quốc sư Viên Thông cũng đã khuyên vua nên thi hành đức hạnh hiếu sinh, thương yêu dân như cha mẹ thương yêu con, và cẩn thận lựa chọn người có tài, có đức ra làm quan, không được dùng bọn tiểu nhân. Quốc sư nói: "*Thiên hạ cũng ví như đồ đựng, đặt vào chỗ yên thì được yên, đặt vào chỗ nguy thì tất bị nguy. Xin bệ hạ hãy thực hành đức hiếu sinh cho hợp lòng dân, thì dân sẽ kính yêu bệ hạ như cha mẹ, ngưỡng mộ bệ hạ như mặt trời. Ấy là đặt thiên hạ vào chỗ yên vậy*".

Các sách chính sử, dù là do các nhà Nho thần không ưa gì đạo Phật biên soạn, đều phải công nhận rằng các ông vua Phật tử đời Lý đời Trần đều là những ông vua sống nếp sống giản dị, gần gũi với dân, thương yêu dân như cha mẹ thương con.

Phan Huy Chú, trong *Lịch triều Hiến chương loại chí* ca ngợi ông vua Phật tử là Lý Thái Tông là ông vua "*trị nước chuyên dùng nhân từ khoan thứ, là vị vua hiền nổi được cơ nghiệp*". Sử chép, vua mang quân đánh Chiêm Thành, thắng to, giết chết quân địch nhiều vô kể. Vua ra lệnh cấm giết bầy người Chiêm Thành. "*Kẻ nào giết bầy người Chiêm Thành, cũng sẽ bị giết không tha*". Nùng Trí Cao phạm tội phản nghịch, vua bắt được, không những tha tội chết còn phong tước và cho lại thái ấp cũ.

Còn về vua Lý Thánh Tông, một ông vua Phật tử khác, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "*Một lần, mùa đông rét ngọt, vua bảo các quan tả hữu: 'Trẫm ở trong cung cấm, nào lò sưởi, nào áo lông cừu mà còn rét thế này, huống hồ những người bị giam cầm trong ngục, gian ngay chưa rõ, lại phải khổ sở vì gông cùm, ăn không đủ no, áo không đủ ấm. Trẫm rất lấy làm thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và mỗi ngày cho ăn hai bữa đầy đủ*".

Một lần, vua Lý Thánh Tông xử kiện, có con gái mình là công chúa Động Thiên đứng bên cạnh, vua chỉ vào công chúa mà phán bảo quan coi ngục rằng: "*Ta yêu con ta cũng như những bậc cha mẹ trong thiên hạ yêu con cái họ. Trẫm họ không biết nên tự phạm vào hình pháp, lòng ta rất thương. Cho nên từ nay về sau, không cứ tội nặng nhẹ, đều nhất luật khoan giảm*"².

Trong bài tựa *Thiền tông chỉ nam*, (*Khóa hư lục*), vua Trần Thái Tông khi gặp Quốc sư Viên Chứng trên núi Yên Tử, đã nghe lời khuyên của Quốc sư: "*Phàm đã là bậc nhân quân thì phải lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình,*

ý muốn thiên hạ làm ý muốn của mình". Sau đó, vua Trần Thái Tông đã dựa vào sự thấy biết của chính mình để khẳng định chân lý, mầm giác ngộ, và cội nguồn của mọi sức mạnh thực sự nằm sâu trong nội tâm của mỗi người, chứ không phải ở bên ngoài hay ở đâu khác. Bằng triết lý sống đó, Trần Thái Tông, vị vua anh hùng khai sáng ra đời Trần, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ nhất đến thắng lợi. Thái Tông là người xiển dương quan điểm mọi người đều là Phật chứ Phật không phải ở đâu xa, do đó phải sống và hành động như Phật không khác. Chúng ta hãy nghĩ xem, nếu ở trong một nước, ít nhất là trong lớp người lãnh đạo đất nước, mọi người đều có niềm tin như vậy và hành động như vậy, thì phải chăng đất nước ấy sẽ biến thành cõi Phật? Vua Trần Thái Tông đã khẳng định những tư tưởng siêu việt như thế được ghi trong *Khóa hư lục*: "*Phật thân tức ngã thân thị, vô hữu nhị tướng...*" (*Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng*); Vua Trần Nhân Tông cũng nói lên ý tứ đó trong bài *Cư trần lạc đạo phú*, nhưng với lời nôm na hơn: "*Bụt ở trong nhà, Chẳng phải tìm xa, Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt, Đến mới hay chính Bụt là ta*". Tất cả chúng mình rằng chính triết lý sống mà giới lãnh đạo Phật giáo và lãnh đạo quốc gia Đại Việt thời đó phổ cập đã thật sự được lòng dân, thật sự giải đáp được những nhu cầu tâm linh và tình cảm của dân chúng đông đảo, hướng dẫn được đông đảo dân chúng sống an lành và hạnh phúc. Nhờ vậy mà vào thời Trần dân tộc ta đã ba lần đánh tan quân Nguyên Mông, hướng đến xây dựng quốc gia Đại Việt trở nên hùng cường.

Tự tin ở mình, tin rằng Phật chính ở trong bản thân mình, nếu biết tu tập thì sẽ có được sức mạnh phi thường lay trời chuyển đất. Đức tin đó là một trong những giá trị tinh thần quý báu nhất mà Phật đã đem lại cho người Việt Nam chúng ta. Tư tưởng tự lực tự cường, tin ở sức mình, không vọng ngoại là một truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc ta, nếu để cho mai một, thì thật là một mất mát lớn.

Tư tưởng đó đi vào dân gian, được nói lên bằng những câu ngạn ngữ, nhưng vẫn chứa đựng nội dung triết lý sâu sắc: "*Phật ở trong nhà, chẳng cầu Thích Ca ngoài đường*", hay "*Thứ nhất là tu tại gia, Thứ hai tại chợ, thứ ba tại chùa*". Hóa ra, Phật chính là lòng mình, Phật chính là bà con quyến thuộc trong gia đình, những người đang sống xung quanh với mình: "*Gần chùa gọi Phật bằng anh, Trông thấy Bụt hiền, bẻ Bụt đi chơi*". Phật đã gần người dân như vậy, thì chùa cũng không thể xa dân. Nếu ngôi đình biểu trưng cho ngôi thứ tôn ty trật tự của Nho giáo, thì ngôi chùa lại khẳng định tinh thần bình đẳng dân chủ truyền thống của đạo Phật: "*Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt*".

Chùa không phải của sư mà của dân làng. Sư là ông thầy hướng dẫn nếp sống đạo đức và tâm linh của dân chúng mà thôi. Chùa là trung tâm của các lễ hội tôn giáo, là trường học, là nhà thương, là nơi nghỉ tạm

của khách qua đường, thậm chí còn là nơi trọ thường xuyên của những kẻ không nhà không cửa. Chùa là nơi kết nối sự yêu thương, hòa hợp và đoàn kết của muôn dân: "*Mái chùa che chở hồn dân tộc, Nếp sống muôn đời của tổ tông*". Rõ ràng, chùa trở thành thành lũy kiên cố nhất để chống lại mọi sự xâm lược, đồng hóa của ngoại bang trong chiến tranh; khi hòa bình, chùa là nơi hội tụ, kết tinh, phát huy những truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng đời sống hạnh phúc cho muôn dân: "*... Vì vậy làng tôi sống thái bình, Sớm chiều gần gũi tiếng chuông linh, Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi, An ủi dân lành mọi mái tranh*".

Phải chăng người dân Việt Nam đã, đang và sẽ mãi gắn bó với đạo Phật, với chùa, với tiếng chuông như là với một cái gì thân thương gần gũi nhất trong cuộc sống tâm linh và tình cảm của họ, bên cạnh cuộc sống vất vả khó nhọc hàng ngày. Sức mạnh nội tại của triết lý sống của người Phật tử Việt Nam không phải chỉ ở chỗ nó vũ trang cho con người niềm tin ở tự thân và dân tộc, đất nước của mình, mà còn ở chỗ nó thật sự giải đáp được những nhu cầu của đại chúng, của những tầng lớp nhân dân đông đảo. Nói cách khác, tính đại chúng quyết định sức mạnh của đạo Phật. Đạo Phật đi vào làng với những chùa làng. Hầu như cả nước nơi nào cũng có chùa làng, thậm chí hai ba chùa. Trẩy hội chùa hằng năm là một trong những minh chứng cho sự thể nhập triết lý sống, nét sinh hoạt văn hóa độc đáo và đẹp đẽ của dân tộc Việt Nam. "*Trên đường cát mịn, một đôi cô, Yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa, Gậy trúc dắt bà già tóc bạc, Lăn lăn tràng hạt niệm Nam mô*" (Nguyễn Bính).

Từ bi kết hợp với trí tuệ, tình thương đi đôi với lẽ phải và lý trí, đó chính là nền tảng của triết lý sống của người Phật tử Việt Nam qua các thời đại. Thực là một lý giải hết sức giản dị. Nhưng quán triệt được nó vào trong cuộc sống, không chỉ trong cuộc sống của lớp trí thức lãnh đạo, mà cả trong nếp sống hằng ngày của đông đảo những người dân bình thường thì quả là một công việc khó khăn và phức tạp. Thế nhưng, Phật tử Việt Nam, hay rộng hơn người dân Việt đã tùy theo nhu cầu lịch sử dân tộc đặt ra mà đã thể hiện triết lý sống và hành động của mình và đã thành tựu những kỳ tích hào hùng, vinh quang trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Đây chính là cội nguồn sức mạnh của nhân dân Việt Nam trải qua 1.000 năm chống lại sự đồng hóa phong kiến Trung Hoa; cũng là sức mạnh làm nên 1.000 năm văn hóa Thăng Long mà ngày nay chúng ta thừa kế và thọ hưởng với xu hướng cả nước đang hội nhập và phát triển, nhưng vẫn đậm đà bản sắc Việt.

Chú thích:

1. Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu Mậu Tử*, tập 1, Tu thư Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1982, tr. 511.

2. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, Nxb KHXH, HN, 1977, tr. 263. ■

Áo trắng vườn xưa thôn Vĩ

HÀ THỨC HOAN



Cô Hoàng Thị Kim Cúc năm 30 tuổi

Áo trắng vườn xưa thôn Vĩ là áo trắng thời thiếu nữ của chị Hoàng Thị Kim Cúc, cô giáo dạy gia chánh và nữ công cho nhiều thế hệ nữ sinh trường Đồng Khánh ở Huế. Cách đây hơn nửa thế kỷ, cô thôn nữ Hoàng Cúc với màu áo trắng này đã là nguồn cảm hứng để nhà thi sĩ tài hoa mệnh bạc Hàn Mặc Tử sáng tác bài thơ bất hủ *Ở đây thôn Vĩ Dạ*.

Bài thơ thôn Vĩ này, khoảng hai mươi năm nay, đã được đưa vào giảng dạy ở lớp 11 trường trung học. Từ đó, trong lớp học cũng như trên sách báo, đã xuất hiện nhiều ý kiến khác nhau về mối tình Hàn Mặc Tử - Hoàng Cúc. Có không ít người, vì thiếu tài liệu tham khảo, hoặc vì một lẽ nào đó, đã tùy tiện vẽ vờ, thêm bớt nhiều tình tiết lãng mạn về mối tình ấy, làm cho người trong cuộc là chị Cúc phải ra Hà Nội, vào Sài Gòn tìm người quen biết trong làng báo để nhờ đăng lá thư xác minh sự thật.¹ Ở bài viết này, qua xuất xứ của tác phẩm và bằng cách phân tích những dẫn chứng lấy ra từ bài thơ, chúng tôi xin được nêu thêm một số ý kiến nhằm góp phần làm sáng tỏ sự thật ấy.

1. Trong thư gửi nhà thơ Quách Tấn, viết ngày 15-4-1971, Chị Cúc đã nói về hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Ở đây thôn Vĩ Dạ*:

"Vào khoảng mùa hè 1939, Ngâm viết thư về Huế cho tôi biết Tử mắc bệnh nan y, khuyên tôi viết thư thăm Tử để an ủi một tâm hồn vô cùng đau khổ. Thay vì viết thư, tôi gửi bức ảnh vừa bằng cái carte - postale. Trong ảnh có mây, nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, có cả ánh trăng hay mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh ấy mấy lời thăm hỏi sức khỏe Tử, không ký tên, rồi nhờ Ngâm trao lại. Sau một thời gian, tôi nhận được bài thơ *Ở đây thôn Vĩ Dạ* và một bài khác do Ngâm gửi về."²

Ở đoạn thư trên có mấy điểm cần lưu ý: Chị Cúc không viết thư mà chỉ gửi một tấm ảnh phong cảnh

để ghi ở phía sau “mấy lời thăm hỏi”. Chị “không ký tên”, không trực tiếp gửi bưu ảnh cho nhà thơ mà nhờ người em con ông chú là Hoàng Tùng Ngâm “trao lại”. Việc gửi ảnh thay thư này được thực hiện vào giữa năm 1939, khi Hàn Mặc Tử đã mắc bệnh phong ở Qui Nhơn, còn Hoàng Cúc thì đang sống ở Huế. Nếu trong quá khứ đã hình thành một tình yêu thơ mộng và lãng mạn giữa Hàn Mặc Tử và Hoàng Cúc thì lẽ nào vào cuối cuộc tình “nàng” lại gửi cho “chàng” một “bức thư” đơn sơ, nhạt nhẽo và vô tình như vậy?

2. Khổ thơ thứ nhất của bài *Ở đây thôn Vĩ Dạ* tả cảnh vườn “*xanh*” nhà chị Cúc. Hình ảnh nổi bật được người đọc tiếp nhận trước tiên là “*hàng cau*” hiện rõ nét trong “*nắng mới lên*”. Một số thầy giáo, cô giáo dạy văn, khi phân tích đoạn thơ này, đã nói đến vẻ đẹp của hàng cau thôn Vĩ. Nhưng thôn Nam Phổ ở cạnh thôn Vĩ mới nổi tiếng với những hàng cau cùng nghề trồng cau và câu nói truyền khẩu được cường điệu để tạo tính trào lộng: “*Con gái Nam Phổ ở lỗ treo cau*.” Thôn Vĩ Dạ thì từ lâu đã là vùng đất được các gia đình hoàng tộc và những quan lại quyền quý chọn làm trú xứ. Đó là thế giới của các quan tham, quan thị, cậu ấm, cô chiêu. Vì thế, thôn Vĩ không thể nào có nghề trồng cau với những hàng cau khoe mình trong nắng sớm ban mai như Hàn Mặc Tử đã ghi tả.

Rõ ràng là chị Cúc không vừa lòng khi thấy Hàn Mặc Tử đưa vào bức tranh thôn Vĩ hàng cau của làng Nam Phổ. Cho nên, hơn bốn mươi năm sau, năm 1985, em ruột của Hàn Mặc Tử là Nguyễn Bá Tín về Huế, ghé thăm chị Cúc, cùng nhắc lại bài thơ thôn Vĩ, chị chột hỏi: “Cậu có tìm được một cây cau nào trong vườn tôi không? Sao anh Trí lại nói đến ‘*hàng cau*’?”³.

Có thể Hàn Mặc Tử đã cố tình đưa hàng cau thôn Nam Phổ vào bức tranh thôn Vĩ để tạo một “nét chấm phá về cấu trúc thẩm mỹ” như tác giả *Hàn Mặc Tử trong riêng tư* đã nhận xét. Nhưng chúng tôi ngờ rằng ở đây nhà thơ đã nhầm lẫn thôn Vĩ với thôn Nam Phổ. Sự lẫn lộn này chứng tỏ nhà thi sĩ đã không nhiều lần đi lại, thăm viếng để biết rõ cảnh sắc của quê hương người mình yêu. Chúng tôi được biết Hàn Mặc Tử đã có một lần tìm về thôn Vĩ để thăm chị Cúc, nhưng vì bản tính nhút nhát nên khi đến gần nhà nàng thì chàng đã không dám vào... Có phải vì có một khoảng cách như thế mà nhà thơ đã thiếu chính xác khi tả cảnh vườn cây thôn Vĩ? Qua chi tiết không chính xác về hàng cau, chúng ta có thể nghĩ rằng liên hệ tình cảm giữa Hàn Mặc Tử và Hoàng Cúc không phải là thâm tình của những người đã từng yêu nhau và đã có nhiều lần tìm đến với nhau.

3. Khổ thơ thứ hai có ý chính là cảnh “*sông trăng*” thôn Vĩ. Ở đầu khổ thơ này, người đọc gặp một chi tiết phụ của cảnh là “*gió*” và “*mây*” ở trên sông trăng. Nhưng đây là một dẫn chứng quan trọng có thể giúp người đọc hiểu rõ tâm trạng của tác giả để qua đó

nhận thức đúng quan hệ tình cảm giữa Hàn Mặc Tử và Hoàng Cúc.

Trong thiên nhiên, chúng ta thường thấy cảnh gió thổi mây bay. Vì thế, giữa đất và trời, mây thường theo gió để cùng trôi về một hướng. Nhưng gió và mây ở bài thơ thôn Vĩ thì trái ngược lại:

“*Gió theo lối gió, mây đường mây*”

Cảnh ly tán của gió và mây ở đây không tuân theo quy luật của thế giới tự nhiên nhưng phù hợp với tâm tình của tác giả. Chúng ta biết Hàn Mặc Tử là một con chiên ngoan đạo, còn chị Cúc là một Phật tử tin thành. Sự khác biệt về đức tin tôn giáo là một trở ngại không thể vượt qua đối với nhà thi sĩ tài hoa và người thực nữ yếu điệu. Hàn Mặc Tử hiểu rõ sự ngăn cách ấy nên đã sáng tạo hình ảnh gió đi theo “*lối gió*”, mây đi theo “*đường mây*” để gợi tả sự chia cách của hoàn cảnh. Chị Cúc lại càng thấy rõ hơn khoảng cách ấy nên cho dù có muốn cũng không thể nào đáp ứng tình yêu thương nồng nàn của nhà thơ:

“Giữa anh Trí và tôi chưa hề có lời trao đổi khen chê, dù là gián tiếp, chưa hề có thái độ thân sơ, khinh trọng. Vậy ông Tấn dựa vào đâu mà xét đoán tôi tầm thường như vậy.” Dòng họ tôi sống theo nho phong Phật giáo có bao giờ mặc áo khôi đầu. Anh Trí cũng biết vậy.”⁵

4. Khổ thơ thứ ba nói về tình yêu người thôn Vĩ. Câu thứ hai của đoạn cuối này là một câu thơ hay vì có ý tại ngôn ngoại. Đây cũng là câu thơ khó hiểu nhất, khó giải thích nhất của bài thơ *Ở đây thôn Vĩ Dạ*:

“*Áo em trắng quá nhìn không ra*”

Mọi người đều biết màu trắng là màu dễ nhìn thấy nhất. Còn đánh nhau thì binh sĩ hai phe mặc áo màu đen hoặc màu xanh lá cây để ẩn nấp. Khi một bên đã chịu thua thì giương cờ trắng để bên kia dễ nhận thấy mà ngừng bắn, chấp nhận sự đầu hàng. Vậy mà ở đây Hàn Mặc Tử lại nói áo em “*trắng quá*” nên tôi “*nhìn không ra*”.

Những nhà giáo dạy văn đã gặp nhiều khó khăn khi tìm cách giải thích câu thơ có nét nghĩa nhòe này. Tôi được biết có bạn đồng nghiệp đã cho rằng vào thời gian này Hàn Mặc Tử đã mắc bệnh phong, uống nhiều độc dược, thị lực bị suy giảm, nên nhìn không rõ màu áo trắng! Suy đoán như vậy thì phải chăng tiểu sử tác giả đã ghi nhận vào những năm cuối đời, có một giai đoạn nào đó đôi mắt của Hàn Mặc Tử bị mù lòa? Lại có người giải thích rằng màu trắng ở đây quá trắng, quá chói chang nên nhà thi sĩ nhìn không ra. Chói lòa như cái đèn pha người ta càng dễ nhìn thấy thì tại sao Hàn Mặc Tử không thể nhìn thấy màu áo trắng quá mức, quá chùng của Hoàng Cúc?

Văn chương nói chung, thi ca nói riêng thường nói điều chưa nói bằng cách phủ nhận điều đã nói. Giảng bài *Ở đây thôn Vĩ Dạ*, nhiều người trong chúng ta đã bám víu vào điều đã nói và đã bị nhà thơ phủ nhận, nên chỉ tiếp nhận được ý nghĩa biểu hiện – cái xác của



Ảnh: Thích Huyền Ý

câu thơ – là tác giả không nhìn thấy màu áo trắng của người mình yêu. Nguyễn Bá Tín, trong một lần thuyết trình về Hàn Mặc Tử ở Thiền viện Vạn Hạnh, đã chú ý tìm hiểu điều nhà thơ chưa nói và tình tế phát hiện ý nghĩa hàm ẩn – cái hồn của câu thơ – là Hàn Mặc Tử không nhìn thấy tình của người mặc áo trắng là Hoàng Cúc. Nếu trong một lần gặp gỡ nào đó, thay vì mặc áo màu trắng, chị Cúc mặc áo màu xanh hay màu hồng thì nhà thi sĩ đã nhận ra tình cảm sâu kín được cô gái Huế ấp ủ tỏ bày bằng màu sắc.

Đến đây, chúng ta đã có đủ chứng cứ để kết luận mối tình Hàn Mặc Tử - Hoàng Cúc chỉ là một tình yêu đơn phương. Trong cuộc tình này chỉ có một người yêu thương duy nhất là nhà thơ Hàn Mặc Tử. Ngoài thi phẩm *Ở đây thôn Vĩ Dạ*, Hàn Mặc Tử còn làm một số bài thơ khác để khóc cho mối tình đầu không thành tựu này.⁶ Phần Hoàng Cúc, đối với Hàn Mặc Tử, trước sau chỉ có sự kết giao của tình bằng hữu, một tình bạn trong sáng, thân ái, tương kính mà cô giáo Kim Cúc – người Chị Cả vô cùng kính yêu của tất cả đoàn sinh Gia đình Phật tử Việt Nam – đã trân trọng gìn giữ đến cuối đời:

“Năm 1986, chị Cúc vào Sài Gòn ghé thăm chị Như Lễ, trông thấy bức ảnh Hàn treo trên vách không khuôn, chị lặng lẽ đi mua cái khung gỗ mới, tự tay tra ảnh vào khung treo lên. Cả nhà chị Như Lễ đều xúc động”⁷.

Chú thích

- (1) Thanh Hương, *Nhớ Cô Hoàng Kim Cúc*, Đồng Khánh mái trường xưa, Huế, 1996, tr. 109.
- (2) Phạm Xuân Tuyền, *Sự thật về bài thơ “Ở đây thôn Vĩ Dạ”*, Huế mùa Xuân, Nxb Trẻ, TP.HCM, 2000, tr.121.
- (3) Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mặc Tử trong riêng tư*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1994, tr.118.
- (4) Trong một bài viết về Hàn Mặc Tử, Quách Tấn kể chuyện nhà thơ vào Sài Gòn lập chí để Hoàng Cúc không còn chê không môn đăng hộ đối.
- (5) Nguyễn Bá Tín, *Sđđ*, tr. 122.
- (6) Hàn Mặc Tử nhờ bạn là Hoàng Tùng Ngâm trao tặng Hoàng Cúc bài *Sao, vàng sao*. Bài thơ này được phổ biến dưới tựa đề *Đừng cho lòng bay xa* trong tập *Thượng thanh khí*.
- (7) Nguyễn Bá Tín, *Sđđ*, tr. 122 – 123. ■

Lệ ngâu

PHAM VĂN HỌC

Trong đời, ai mà chẳng có lần bên song tựa cửa, lặng lẽ đếm những sợi mưa nhạt nhòa rơi vào kỷ ức. Không gì lãng mạn bằng mưa, cũng không gì buồn bằng mưa, nhất là những cơn mưa tiễn biệt.

Đi trong những ngày hè nóng nung người, ta thêm được chạm tay vào những cơn mưa. Và rồi bất chợt mưa ngâu đến xua đi cái oi nóng của những buổi trưa chang chang nắng hạ. Mưa ngâu không dầm dề như mưa phùn của những ngày đầu năm xứ Bắc. Mưa ngâu thờ dài như nhắc nhở ai kia một thời thiếu nữ chưa xa. Mưa mơ màng làm duyên con gái mà vương vấn trong tâm hồn những chàng trai đa tình. Nhưng mưa ngâu cũng cắt cửa lòng ta nỗi nhớ thương diêu vợi. Chỉ còn ta với cơn mưa hoài không dứt, còn bạn tình giờ đây đã xa tít mù khơi. Mưa ngâu gợi nhớ trong ta *chuyện đã lâu rồi*. Giọt mưa ngâu gõ nhịp bồi hồi trong đêm khuya thanh vắng, đánh thức trái tim yêu đương của chàng trai Hoàng Cầm. Chàng vịn vào câu thơ mà tự hỏi: *Hôm nay/ Họ xa nhau từ lâu/ Còn lại tiếng mưa ngâu/ Gõ nhịp nhanh thềm đêm vắng*. Minh ta ngồi trong *đêm nghe tiếng mưa rơi/ Đếm mấy triệu hạt rồi/ Mà khôn người nỗi nhớ*. Mưa ngâu tháng Bảy gọi về mưa rào tháng Sáu tuổi học trò. Đó là những cơn mưa chia ly bịn rịn với hoa phượng với mái trường với những thời hoa đỏ. Hoa phượng lác đác như mưa rơi. Lòng ta không thôi ao ước *giá trời đừng mưa/ Và anh đừng nhớ/ Anh còn biết làm gì?* (Phú Quang). Rồi bỗng một ngày ta sợ trời mưa như thơ Lưu Quang Vũ: *Anh chỉ sợ trời sẽ mưa/ Xóa nhòa hết những gì em hứa/ Mây đen*

tới trời chẳng còn xanh nữa/ Nắng không trong như nắng thuở ban đầu. Như chiều lòng ta cơn mưa rào chợt tạnh. Nhưng chẳng được bao lâu mưa ngâu lại đến. Mưa ngâu còn dai dẳng hơn, thê thiết hơn nhiều: *Cơn mưa rào, nổi trận mưa ngâu/ Xóa cả những bước chân đi về thuở ấy/ Gối phai nhạt mùi hương bồi rồi/ Lá trên cành khô tan tác bay* (Lưu Quang Vũ).

Tháng Bảy mưa ngâu, mưa hoài không dứt, mưa kể chuyện ngày xưa. Ngày xưa, ngày xưa, đã lâu lắm rồi không ai còn nhớ nữa, có người con gái yêu của trời tên gọi Chức Nữ. Nàng chăm chỉ dệt vải rồi đem lòng yêu anh chàng chăn trâu là Ngưu Lang. Hai người sống với nhau hạnh phúc. *Tục truyền tháng Bảy mưa ngâu/ Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiền* (Ca dao). Và quả thực hạnh phúc cũng chỉ là ảo ảnh khi họ mãi say đắm yêu đương mà đã làm phiền lòng thiên đình. Một ngày kia Thiên Hậu nhận thấy Ngưu Lang chỉ là phận hèn mọn, Chức Nữ thì lại bỏ bê công việc để quán quýt bên tình lang, bà bắt Chức Nữ quay lại làm công việc dệt các đám mây ngũ sắc trên bầu trời vì nàng đã không làm công việc đó kể từ khi lấy chồng. Rút cái kẹp tóc của nàng ra, Thiên Hậu đã vạch một con sông rộng trên bầu trời để mãi mãi chia cắt đôi tình nhân. Từ đó đến nay trên nền trời đêm người ta vẫn thấy có hai vì sao thao thức ngóng trông nhau mà không thể vượt nổi dải Ngân hà (Milky Way) là sao Ngưu Lang (Altair) và sao Chức Nữ (Vega). Cảm thương cho tình cảnh tình duyên chia lìa, mỗi năm một lần, đàn quạ bay lên ngang sông bắc nhịp cầu Ô Thước để cho họ gặp nhau. Đêm ấy, người ta gọi là đêm thất tịch. Mỗi khi gặp nhau họ đón đầu mà rơi lệ. Chẳng biết giọt lệ nào là giọt sầu chia phôi, giọt nào là niềm vui hạnh ngộ, chỉ biết nước mắt họ chảy tràn xuống cõi trần mà hóa những cơn mưa.

Thuở thiếu thời, tôi thường nằm đếm sao những đêm tháng Bảy mà nghe ông nội kể chuyện Chức Nữ- Ngưu Lang. Ngược nhìn dải Ngân hà theo hướng tay của nội mà cảm cảnh cho đàn quạ đa tình: *Sông Ngân một dải rộng mênh mang/ Chức Nữ làm sao gặp Ngưu Lang/Đội đá trọc đầu thương chú quạ/ Bắc cầu Ô Thước để ai sang* (Tế Hanh). Thế gian đã có bao nhịp cầu thương nhớ để nối những bờ vui mà tại sao trên cõi trời, Chức Nữ chẳng tái ngộ Ngưu Lang? Thương thay cho duyên kiếp lỡ làng của chàng Ngưu và ả Chức, ta thầm trách con tạo sao khéo bày trò trên người để cung đàn dở dang, cuộc tình dang dở, đàn chim Ô Thước đi hoang, chỉ có sông Ngân ngàn thước là vơi vơi nhớ thương mãi tuôn về phía cuối trời.

Đời người không thiếu những cuộc tình lỡ làng, không thiếu những sông Ngân chia cắt đôi bờ. Thuở đại khờ, có người rơi vào những cơn mưa như trò chơi duyên phận: *Thuở ấy mưa ngâu cứ sụt sùi/ Đường về có một áo mưa thôi* (Ngô Văn Phú). Và chiếc áo mỏng mảnh ấy cũng đủ kéo hai người sát lại bên nhau để chàng trai chạnh thương cơn mưa vô tình làm ướt áo em. Họ thầm mong sao mưa đừng dứt, mưa thật lâu để cho đôi lứa bên nhau. Không ngờ thế mà đang dở, trên mi ai bây giờ ướt đầm mưa ngâu. Khi đã đủ lớn khôn, khi đã trải qua quá nhiều mưa gió cuộc đời người ta lại nuối tiếc: *Phải chi hôm ấy đừng mưa/ Phải chi hôm ấy đừng đưa em về*. Giờ đây em đã về với nơi xa chỉ còn một mình ta với tiết trời tháng Bảy, *mưa ngâu dài trên sông/ Đường không xa gì mấy/ Lòng ơi, cách chẳng cùng?* (Yến Lan). Đó là tiếng gọi lòng mà cũng là tiếng gọi mưa, những cơn mưa kỷ niệm. Có những chàng trai vương vấn nợ ái tình cho nên cả đời rượt đuổi những cơn mưa: *Nhớ mưa Thuận Thành/ Long lanh mắt ướt/ Là mưa ái phi/ Tơ tằm óng chuốt* (Hoàng Cầm). Chàng Huy Cận vốn đa sầu, đêm khuya lắng nghe từng giọt mưa ngoài hiên vắng mà *nghe lòng nặng nặng, nghe ta buồn buồn*. Nguyễn Bính là nhà thơ mang nỗi ám ảnh về tình duyên lỡ dở. Cả đời ông cứ mãi tương tư. Ví thế Nguyễn Bính hay viết về mưa. Nào là giới mưa ở Huế, mưa xuân, mưa bụi và đặc biệt là mưa trong cõi lòng khi có người lỡ bước sang ngang: *Đêm qua mưa gió đầy trời/ Trong hồn chị có một người đi qua*. Trước lúc chia xa mấy ai mà không lưu luyến? Người tuôn nước mắt, trời tuôn mưa, có những cơn mưa rơi về phía cuối trời, nhưng cũng có cơn mưa rơi vào miền hoài niệm để rồi không bao giờ tạnh nữa. Người thiếu nữ vu quy khóc thương cho một thời thiếu nữ, khóc thương cho giấc mộng yêu đương không đi đến trọn con đường. Nàng khóc cho cả những cơn mưa: *Mưa ngâu chiều nay càng nặng giọt/ Em không còn lệ chung khóc than/ Người khóc biệt ly khóc sum họp/ Em khóc tình phai khóc mộng tàn* (Đời còn chi - Vũ Hoàng Chương). Có thể nói rằng tất cả những cơn mưa ấy đều có một mẫu số chung. Mưa cứ mang nỗi nhớ thương điệu vơi, nhưng mưa cũng chia cắt không gian khiến những đôi tình nhân rơi vào nỗi ám ảnh chia lìa.

Một đêm tháng Bảy, giật mình bừng tỉnh ta tiếc thương cho giấc mơ thuở ấy giờ đã xa rồi. Lòng ngậm ngùi, ta đếm những giọt mưa thánh thót rơi vào cõi nhớ. Không gian vắng lặng chỉ nghe thấy tiếng mưa vọng về từ nơi xa lắm. Bâng khuâng ta gọi mưa về mà lòng tự hỏi: *Giọt mưa ngâu hay là nước mắt ai nhớ nhau?* ■

Nhớ Ngoại

LÊ HUỖNH LÂM

N gôi nhà tôi bên dòng Hương thơ mộng, nước sông trong xanh như ngọc bích, hồn nhiên như mặt trẻ thơ, trầm buồn như ánh mắt thiếu phụ và thản nhiên như vị thiền sư. Trước nhà tôi là những lũy tre xanh đan nhau tạo thành một hàng rào kiên cố, chiều chiều bóng tre đổ xuống dòng sông thật hiền hòa, lá tre đong đưa theo gió in bóng dưới nước trông như những đàn cá đang tung tăng bơi lội, tung tăng như tuổi thơ của lũ trẻ xóm bờ sông Hương. Vườn rau nhà tôi kéo dài tận mép sông, vườn ở vùng sông nước chỉ trồng được rau muống và những cây rau quả ngắn ngày, bởi hàng năm đều có những trận chiến của Thủy Tinh và Sơn Tinh tàn phá. Lũ lụt đối với xóm tôi đã trở nên quen thuộc quá rồi.



Ảnh: Hoàng Thế Nhiệm

Nhớ thuở xưa mỗi lần đi học về, vội vã cởi áo quần và chạy một mạch từ trong nhà đến sông, rồi ùm một cái nước văng tung tóe, người chìm mất tầm một hồi rồi mới trồi lên mặt nước. Tuổi thơ cứ như vậy kéo dài cả chục năm, với đủ mọi trò, câu cá, thả diều, bơi lặn và đánh lộn nhau... Vậy mà không hiểu sao, một tháng có ba ngày, ngoại tôi nói là ba ngày mầu. Ba ngày đó tôi ngồi xếp bằng bên cạnh ngoại để nghe ngoại tụng kinh Phật nhiệm mầu. Thuở đó ngoại đã thất thập cổ lai hy, tóc ngoại bạc phơ phơ nhưng trông ngoại còn khỏe, giọng ngoại tụng kinh trầm bổng, âm cúng dễ đi vào lòng người vô cùng. Thời đó, tôi chưa hiểu ý nghĩa kinh, chỉ ngồi bên ngoại, âm điệu lời kinh cứ thế đi vào trong tâm tưởng tôi. Thật tình mà nói có nhiều khi tôi cũng trốn ngoại chạy chơi với bè bạn, rồi canh đến giờ khi gần xong chạy vào để được ngoại cho cái bánh hay trái xoài. Nhà tôi rất đông anh chị em, thông thường ai ngồi nghe ngoại đọc kinh thì sẽ có phần. Ngoại thương tôi lắm, khi nào cũng dành phần cho tôi kể cả lúc tôi đi vắng, ngoại ra, lâu lâu lại giúi vào tay tôi vài đồng. Ngoài ba ngày mầu trong tháng, những ngày khác ngoại tôi thường công phu ngày hai bận, sáng sớm và tối khuya, cứ đều đặn như vậy, chỉ trừ những ngày ngoại đau ốm. Tôi lớn lên mang theo lời kinh được nghe từ ngoại, sáng tỉnh mơ nào cũng dậy sớm ngồi xếp bằng đọc thầm trong tâm. Rồi một sớm khi trời đang lơ mơ, cảnh vật chìm trong yên ắng, tôi đang ngồi đọc kinh bỗng nghe tiếng va đập mạnh từ bên ngoài sân, tôi chạy vội ra ngoài thấy ngoại nằm giữa sân, tôi la lên thất thanh, ngoại bị ngã, rồi bỗng ngoại lên, tay tôi chạm phải chất nhầy nhầy ẩm từ người ngoại, tôi hét máu máu, cả nhà tôi thức dậy, hốt hoảng, chộn rộn, tôi đặt ngoại nằm trên cái phản và chạy nhanh đi gọi y tá ở cạnh xóm đến. Nhưng ngoại đã chìm vào hôn mê, lúc đó nhà tôi nghèo túng và tuổi của ngoại đã hơn 80. Ngoại nằm hôn mê một tuần, rồi ngoại ra đi, đi mãi vào thế giới xa xăm. Nước mắt tôi ứa ra mằn mằn, ngoại đã đi hơn cả chục năm mà tôi vẫn không cầm được nước mắt, lời kinh ngoại tụng mãi theo tôi đến bây giờ. Bây giờ đã có vợ con, vợ chồng tôi đã có nhà riêng, thỉnh thoảng về thăm ba mẹ, tôi lặng lẽ vào bàn thờ thắp ba cây hương và cầu nguyện cho ngoại được khỏe mạnh và yên bình nơi cõi xa xôi. Nước mắt lại ứa hai hàng mằn mằn vọng lên lời kinh ngoại tụng hôm nao mà lòng buồn vô cùng. Tôi chỉ mong được nghe lại lời kinh của ngoại từ giọng mẹ tôi để những đứa con của anh tôi, chị tôi lại được mẹ tôi chia cái bánh, trái xoài... ■



Bổn phận người con

TẤN NGHĨA

Câu chuyện tiền thân Takkala (Jātaka IV) kể lại câu chuyện về một đứa con bảy tuổi (một tiền thân của Đức Phật) biết khuyên răn, giáo hóa cha mẹ.

Câu chuyện này, bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một cư sĩ phụng dưỡng cha mình. Chuyện kể rằng người này tái sinh vào một gia đình nghèo khó. Sau khi mẹ mất chàng thường dậy sớm vào buổi sáng và soạn tắm rửa răng cùng nước súc miệng, sau đó đi làm thuê hay cày ruộng ngoài đồng, chàng thường nấu cháo gạo nuôi cha theo phong cách phù hợp hoàn cảnh mình. Cha chàng bảo: “Này con, con phải làm mọi việc từ trong nhà ra ngoài đường. Thôi để cha kiếm vợ cho con, nàng ấy sẽ làm việc nhà thay con”. Chàng đáp: “Thưa cha, nếu có đàn bà đến nhà này, chúng sẽ không làm cha con ta yên tâm được đâu. Xin cha đừng mơ tưởng chuyện đó nữa. Khi cha còn sống, con muốn phụng dưỡng cha, và khi cha từ trần, con sẽ biết việc gì cần làm”.

Chữ hiếu trong đạo Phật có một ý nghĩa khá đặc biệt. Nhiều nhà Nho ngày xưa chỉ trích Phật giáo không có chữ “hiếu” chỉ vì họ có nhiều thiên kiến và vì họ không đủ kiến thức về Phật học. “Hiếu” trong đạo Phật không

chỉ có nghĩa là thương yêu, phụng dưỡng cha mẹ. Đức Phật nhấn mạnh rằng công lao của cha mẹ là to lớn. Phẩm “Tâm Thẳng Bằng” trong kinh *Tăng Chi Bộ* (tập 1, tr.119) viết: “Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội và đủ tại đấy, mẹ cha có vài tiểu tiện, đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Vì có sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này”. Như thế, việc phụng dưỡng cha mẹ như các nhà Nho thường nêu lên như là ưu điểm trong chủ thuyết của mình chỉ được Đức Phật đánh giá là “chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha”.

Song, người cha vẫn đi kiếm về một cô gái dù cho con mình không muốn; và nàng ấy lo chăm sóc cho chồng và cha chồng; tuy vậy, nàng là con người hèn hạ. Lúc bấy

giờ chồng nàng hài lòng vì nàng đã chăm sóc cha chàng, và bất kỳ món gì chàng tìm được để làm nàng vui lòng, chàng đều đem về cho nàng và nàng đưa cho cha chồng. Dần dần, người đàn bà ấy suy nghĩ: "Bất cứ cái gì chồng ta kiếm được đều đem cho ta chứ không cho cha nàng chút nào cả. Rõ ràng chàng chẳng quan tâm gì đến cha. Ta phải tìm cách gây xích mích giữa ông già và chàng ta, rồi ta sẽ đuổi ông già ra khỏi nhà". Vì thế nàng bắt đầu đem nước quá lạnh hoặc quá nóng cho ông lão, thức ăn thì nàng bỏ nhiều muối hay chẳng bỏ muối, cơm nàng nấu cứng ngắt hoặc mềm nhão. Rồi khi ông lão tức giận, nàng mắng lại: "Ai mà hầu nổi một ông già như thế này?". Nàng vừa nói vừa làm ồn ào, khạc nhổ khắp mặt đất rồi gọi chồng nàng: "Xem kia, cha chàng làm thế đó! Thiếp mãi van xin cha đừng làm thế này thế nọ mà cha chỉ nổi giận. Hoặc cha chàng, hoặc thiếp phải đi khỏi nhà này".

Sự biến đổi trong cách cư xử của con người diễn ra từ từ. Lúc đầu mới gặp gỡ bao giờ thái độ cư xử của con người cũng dè dặt cẩn thận. Tuy nhiên, dần dần quán tính của con người ta bắt đầu lộ rõ. Vì thế, điều khó khăn trong quan hệ giữa người với người là "tương kính như tân".

Lúc ấy người chồng bảo: "Này nàng, nàng còn trẻ, muốn ở đâu tùy ý, song cha ta đã già, nếu nàng không thích ông cụ thì nàng cứ đi khỏi nhà". Lời nói ấy khiến nàng khiếp sợ. Nàng quỳ xuống chân ông lão xin thứ lỗi và hứa từ nay sẽ không làm như thế nữa, rồi bắt đầu săn sóc ông lão như trước kia.

Vị cư sĩ đáng trọng đó trước tiên vì quá lo âu vì cách đối xử của nàng, nên bỏ việc đến yết kiến bậc Đạo sư để nghe thuyết pháp. Khi nàng đã hối tâm, chàng lại đến. Bậc Đạo sư hỏi sao chàng không đến nghe Ngài thuyết giảng tám ngày nay.

Khi gặp chuyện khó khăn trong đời sống, người ta cần phải tìm sự tư vấn từ những người có trí. Vị cư sĩ lại không đến gặp Đức Phật, bậc đại trí tuệ, trong lúc khó khăn. Chàng trai này đã không biết tận dụng lợi thế của mình.

Chàng kể lại mọi việc xảy ra, bậc Đạo sư bảo: "Lần này ông không chịu nghe vợ, không chịu đuổi cha ra khỏi nhà. Nhưng trong một kiếp quá khứ, ông làm theo lời vợ bảo, đem cha ra bỏ trong một nghĩa địa và đào cho ông lão một cái hố. Vào lúc ông sắp giết cha, Ta được bảy tuổi, nhờ Ta kể công đức của cha mẹ mà cản ông khỏi tội giết cha. Thời đó, ông đã nghe lời ta, và nhờ việc săn sóc cha trong lúc ông lão còn sống mà ông được sanh lên thiên giới. Thời ấy ta đã thuyết giảng cho ông và báo cho ông biết trước để đừng bỏ rơi cha khi sanh vào một kiếp khác; vì duyên cơ ấy nên ngày nay ông không chịu nghe lời người đàn bà kia bảo, và cha ông không bị giết hại".

Người con cần phải làm gì để có thể đền đáp công ơn cha mẹ? Theo quan điểm nhân quả, quan hệ cha mẹ và con cái chỉ là quan hệ tương đối trong một cuộc đời. Đứa con bảy tuổi của chàng trai ngày xưa đã trở thành

bậc thầy của chàng sau nhiều kiếp sống. Nhân quả của đời sống làm tôn ti trật tự của các nhà Nho bị đảo lộn. Người cha trong đời trước có thể trở thành người con (tức là cháu nội mình) trong đời sau. Cha trở thành con, con trở thành cha. Như vậy, việc đền đáp công ơn sinh thành chỉ là việc đền đáp công ơn trong một đời. Giúp cho cha mẹ sống sung sướng hơn chỉ đền đáp công ơn trong đời này. Phật học có một quan điểm lâu dài hơn. Việc đền đáp đó phải giúp cho cha mẹ có một tương lai tốt đẹp hơn. Câu chuyện về Mục-kiền-liên giúp mẹ thoát khỏi địa ngục chính là câu chuyện trong chiều hướng đó. Đối với Phật học, "Hiếu" có nghĩa là giúp đỡ cha mẹ để họ có thể điều chỉnh lối sống của mình nhằm có một tương lai tốt đẹp hơn. Đức Phật thuyết giảng: "Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo phạm vi xấu ác, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào phạm vi đúng tốt; đối với cha mẹ keo kiệt tham lam (xan tham) khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với cha mẹ có trí tuệ xấu ác khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ đúng tốt. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo là làm đủ, trả ơn đủ cho mẹ và cha".

* * *

Theo lời thỉnh cầu của người ấy, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, trong một làng kia ở Kàsi, có một gia đình có đứa con trai duy nhất tên là Vasiṭṭhaka. Chàng này nuôi nấng cha mẹ, và sau khi mẹ mất, chàng phụng dưỡng cha như đã tả ở phần đầu. Người vợ chàng cũng phàn nàn: "Xem kia, cha chàng làm thế đó! Thiếp mãi van xin cha đừng làm thế này thế nọ mà cha chỉ nổi giận. Hoặc cha chàng, hoặc thiếp phải đi khỏi nhà này". Nàng ta nói tiếp: "Cha chàng hung dữ độc ác lắm, cứ mãi gây sự cãi vã. Một lão già lụ khụ như vậy, lại bị bệnh hoạn dày vò, và sắp chết đến nơi rồi, nên thiếp không thể ở cùng nhà với lão được. Trước sau gì ông lão cũng chết già thôi, vậy chàng hãy đem ông lão ra nghĩa địa, đào hố ném ông vào và lấy cái cuốc đập đầu ông đi; khi ông chết rồi hãy xúc đất lấp hố lại và để mặc đó".

Cuối cùng vì cứ nghe mãi đình tai nhức óc, chàng bảo: "Này nàng ôi, giết người là một việc hệ trọng, bằng cách nào ta có thể làm thế được?". Người vợ đáp: "Thiếp sẽ chỉ chàng một cách. Rạng ngày mai hãy đến nơi cha chàng ngủ, nói thật lớn với mọi người đều nghe được, rằng có một con nợ của cha ở một làng kia mà chàng đã đến gặp, song gã không chịu trả tiền cho chàng, nếu ông lão chết, thì gã ấy chẳng bao giờ trả nợ nữa. Vậy hãy nói rằng: hai cha con sẽ lái xe đến đó vào buổi sáng, rồi đến giờ đã định chàng hãy cột đôi bò vào xe, đưa ông lão đến nghĩa địa. Khi ông lão đến đó hãy chôn ông vào một cái hố, và la to lên như thế bị cướp giữa đường và bị thương, rồi gọi đầu mà về". Chàng bằng lòng làm theo lời bà ấy và sắp sẵn



chiếc xe bò để lên đường.

Lúc bấy giờ người ấy có một con trai lên bảy tuổi, song rất khôn ngoan và thông minh. Cậu bé nghe lọt những chuyện người mẹ nói, nghĩ thầm: “Mẹ ta thật là một ác phụ, đang cố thuyết phục cha ta giết ông nội. Ta muốn ngăn cản cha ta thoát khỏi tội giết người này”. Cậu liền chạy nhanh đến nằm cạnh ông nội. Vào giờ phút người vợ dận dờ, Vasitthaka đã sắp sẵn chiếc xe bò. Chàng bảo: “Cha ơi, dậy ta đi đòi nợ”, rồi đặt người cha vào xe. Song cậu bé vào ngồi trước tiên. Vasitthaka không thể cản con được nên cùng đem con ra nghĩa địa với họ. Sau đó, chàng đem cha già và con trai ngồi riêng một nơi với chiếc xe, chàng bước xuống lấy cuốc và cái giỏ đến một nơi, giấu mình cho họ khỏi thấy và bắt đầu đào một lỗ vuông lớn. Cậu bé đi xuống theo cha, và làm như không biết việc gì xảy ra, cậu ngâm đoạn kệ đầu tiên để mở lời:

Chẳng rau để luộc, chẳng tỏi hành
Chẳng bạc hà, cây để nấu canh
Nếu chẳng cần sao cha đào bới
Giữa rừng trong nghĩa địa một mình.

Cha cậu đáp lại:

Ông nội già nua quá yếu gầy
Do nhiều bệnh hoạn, khổ ngập đầy
Cha chôn ông nội trong hố đó
Cha chẳng muốn ông sống thế này.

Nghe thế, cậu bé nói:

Cha cầu việc ấy, tội đà gây

Vi việc làm này độc ác thay!

Cậu bé chụp lấy cái cuốc và bắt đầu đào một hố không xa đó mấy. Cha cậu bèn hỏi tại sao. Cậu trả lời:

Con sẽ thờ cha lúc tuổi già
Như cha đối xử với ông nhà
Theo phong tục ấy trong gia tộc
Con cũng chôn cha dưới hố mà.

Người cha đáp lại:

Thằng bé nói lời ác nghiệt thay
Ông cha mà mắng mỏ như vậy
Nghĩ rằng con trẻ lạ rầy bố
Với bạn chí tình tẻ lắm đây.

Khi nghe cha nói như vậy, cậu bé khôn ngoan nói:

Con không tồi tệ hoặc hung tàn
Con đối với cha, dạ thiết thân
Nhưng việc này cha làm đại ác
Sức nào gỡ lại nếu sai lầm?
Người ác ý làm hỡi Vat-tha
Hại người vô tội, mẹ cùng cha
Đến khi người ấy thân vong hoại
Địa ngục phải vào, chắc chẳng xa.
Người dùng cơm nước hỡi Vat-tha
Đem phụng dưỡng, luôn mẹ với cha
Người ấy đến khi thân hủy hoại
Sẽ lên thiên giới hiển nhiên mà.

Người cha sau khi nghe khuyên nhủ liền hối hận, thú thật rằng việc này do mẹ cậu bé xúi giục. Khi nghe vậy,

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
ĐĐ. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên & Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
BBT www/thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPP ĐN	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **516 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn



cậu bé bảo:

- Thưa cha, đàn bà hễ khi làm việc ác mà không bị khiển trách, thì còn tái phạm mãi. Vậy cha phải uốn nắn mẹ con để cho mẹ sẽ chẳng bao giờ làm lại một việc như vậy.

Rồi cậu ngầm vẫn kể thứ chín:

9. Vợ cha là ác phụ vô lương, bà đã sinh con, chính mẹ con, ta hãy đuổi bà ra khỏi cửa, sợ bà gây việc khác cha buồn.

Thế là Vasitthaka chở cha và con trai của mình trở về nhà và đuổi vợ ra khỏi nhà. Người đàn bà độc ác ấy bèn đến nhà khác ở vài ngày. Sau đó cậu bé bảo cha: "Cha ơi, về việc này mẹ con chưa hiểu đâu. Bây giờ ta thử chọc tức bà ấy đi. Cha tung tin trong làng kia có cô cháu gái của cha, muốn sẵn sóc cha, ông và con, vì vậy cha định đem cô ấy về, rồi cha lấy hoa tươi và dầu thơm để lên xe, và cứ đi quanh vùng suốt ngày đến tối mới về. Chàng làm theo như vậy. Những bọn đàn bà trong xóm nhà Vasitthaka đến bảo vợ chàng: "Nàng có nghe chồng nàng đã đi kiếm một người vợ khác ở chỗ nào đó chăng?". Nàng kêu lên: "Ôi, thế là ta tàn đời rồi, chẳng còn chỗ nào dành cho ta cả". Song nàng muốn hỏi thăm con nàng, vì thế nàng vội vã đi tìm con, sụp xuống chân nó, kêu khóc: "Trừ con ra, mẹ chẳng có nơi đâu nương tựa nữa! Từ nay mẹ sẽ cố chăm sóc con và ông nội như thể chăm sóc ngôi bảo tháp tuyệt đẹp vậy. Cho mẹ vào nhà lần nữa đi con". Cậu đáp: "Vâng thưa mẹ, nếu mẹ không làm gì như trước nữa thì con sẽ để mẹ vào, thôi mẹ hãy vui lên nào". Khi cha cậu về, cậu nói:

Bà vợ cha kia, bạc ác thay

Người sinh con trẻ chính là đây

Như voi được luyện rất thuần thực

Cho trở lui, người tội lỗi này.

Cậu nói thế với cha xong, liền đi gọi mẹ cậu vào. Nàng ấy làm lành với chồng và cha chồng xong, từ đó tánh tình thuần thực tràn đầy đức độ chân chánh, và sẵn sóc cả cha, chồng, con chu đáo. Cả hai vợ chồng cương quyết theo lời con khuyên nhủ, chuyên bố thí và làm điều thiện, rồi được thọ sanh lên thiên giới.

Như thế, bốn phận người con trong Phật học có một ý nghĩa tích cực hơn trong Nho giáo. Con cái hiếu thảo không phải là người chuyên tâm "gọi dạ, bảo vâng", "không trái ý cha mẹ". Con cái không phải là người "bạc dưới" như các nhà Nho quan niệm (vì con của ta có thể là cha của ta ngày trước hay con của ta có thể là thầy của ta ngày trước). Vì thế, con cái hoàn toàn có khả năng giữ nhiệm vụ giáo hóa cha mẹ, "trúng" hoàn toàn có thể "khôn hơn vẹt". Họ có khả năng "khuyến khích, hướng dẫn, an trú" cha mẹ vào điều đúng tốt.

* * *

Bậc Đạo sư sau khi chấm dứt pháp thoại, lại tuyên thuyết về Tứ đế. Lúc kết thúc về Tứ đế, người con hiếu thảo được an trú vào quả Dự lưu. Ngài nhận diện tiền thân: "Lúc bấy giờ hai cha con và nàng dâu ấy cũng là những người ngày nay, còn cậu bé khôn ngoan chính là Ta vậy". ■



Cây và hoa sa-la. Ảnh: Diệu Tâm.

Sa-la hoa đạo

LÂM HẠNH NHIÊN

Cách đây vài năm, có người nêu giả thuyết cho rằng cây sa-la đã được người Việt ở vùng Tây Ninh biết đến từ lâu và được gọi là cây tha-la; bằng cứ là bài thơ “Tha La xóm đạo” của Vũ Anh Khanh nói đến xóm Tha La là một nơi “có trái ngọt cây lành im bóng lá”. Giả thuyết đó đưa đến kết luận đã có một giao thoa giữa Ấn giáo, Phật giáo và Thiên Chúa giáo ở một vùng thuộc văn hóa Khmer. Gần đây, lại có người khác giải thích tên Tha La là do người Việt đọc trại chữ “Schla” trong ngôn ngữ Khmer, có nghĩa là “trạm, trại, nhà lều, nhà mát”, vì xóm Tha La giống như cái trại định cư nằm ven sông Vàm Cỏ đoạn chảy qua Tây Ninh. Chưa rõ tha-la có phải là tên dân gian đã dùng để gọi cây sa-la hay không, nhưng trong kinh điển Phật giáo đã được dịch ra tiếng Việt, người ta chỉ thấy nói tới cây sa-la hay ta-la, chứ chưa hề thấy gọi tên cây này là tha-la.

Sa-la hay ta-la là một loại cây được văn học Phật giáo nói tới nhiều, nhưng tên này được mọi Phật tử biết đến là vì nó được nhắc đi nhắc lại trong kinh *Đại Bát-Niết-Bàn* thuộc kinh *Trường Bộ*, thuật lại những ngày tháng cuối đời của Đức Phật Thích Ca. Theo đó, trong mùa an cư cuối cùng, Thế Tôn bị một cơn bệnh trầm trọng. Ngài giữ tâm chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng không ta thán. Rồi Ngài nghĩ, “*Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy, Ta hãy tinh tấn nhiếp phục cơn bệnh này để duy trì mạng căn*”. Sau đó, Ngài cùng chúng Tỷ-kheo đi lẩn về Kusinara (Câu-thi-la). Trên đường, Ngài cho triệu tập thêm các Tỷ-kheo đến Vesali cùng đi. Đến gần Kusinara, Ngài nhận lời thọ thực do người thợ rèn tên là Thuần-đà dâng. Sau khi thọ thực, bệnh Ngài trở nặng. Ngài nói với Tôn giả A-nan, “... hôm nay, khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinara, trong rừng

Sala của dòng họ Malla, giữa hai cây sa-la song song, Như Lai sẽ diệt độ. Khi đến nơi đã chọn, Ngài bảo Tôn giả A-nan trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc, giữa hai cây sa-la; rồi Ngài nằm xuống theo dáng nằm của con sư tử, nghiêng người về phía hông bên phải. Lúc bấy giờ, hai cây sa-la bỗng nhiên trở hoa trái mùa khắp thân và cành. Những đóa hoa sa-la, cùng với hoa mạn-đà-la từ hư không, rơi xuống gieo vãi lên thân Ngài như để cúng dường. Sau khi cho phép mọi người thưa thỉnh những điều còn nghi ngờ, trả lời về cách thức xử sự đối với nhục thân của Như Lai, và dặn dò chúng Tỷ-kheo phải tinh tấn, không được phóng dật, Ngài vào định rồi từ từ diệt độ.

Do bản kinh này, về sau, mỗi khi nghe nhắc tới bốn chữ “sa-la song thọ” là người Phật tử nghĩ đến cảnh tượng lúc Đức Phật nhập Niết-bàn.

Cây sa-la còn được nhắc đến trong kinh *Tương Ưng Bộ*. Thiên *Có kệ*, chương *Tương ưng Tỷ-kheo-ni*, có đoạn nói về Tỷ-kheo-ni Uppalavanna ở Savatthi. Vào buổi sáng sớm, vị Ni này đắp y đứng dưới gốc một cây sa-la đang trổ đầy hoa. Ác ma bỗng hiện đến tìm cách khiêu khích để vị Ni này từ bỏ thiện định bằng cách đọc bài kệ, “*Cô Ni kia ơi, đến với cây sa-la đầy hoa, lại đứng một mình dưới gốc, chẳng ai đẹp bằng cô, cô gái điên rồ kia, không sợ đám vô lại à?*”. Suy nghĩ một lát, vị Ni biết đó là ác ma quấy rối, liền trả lời bằng một bài kệ, ngụ ý dù có cả ngàn kẻ vô lại như kẻ đã khiêu khích mình đến quấy rối thì cũng không làm cho vị Ni ấy sợ hãi, vì vị Ni ấy đã làm chủ được tâm mình, đã có đủ thần túc nhờ tu tập và đã được giải thoát khỏi mọi trói buộc.

Trong *Tiểu kinh Pháp hành* thuộc kinh *Trung Bộ* có nói, để giải thích cho những pháp hành hiện tại an ổn vui thích có thể đem đến quả báo đau khổ trong tương lai, Đức Thế Tôn dùng ví dụ về một hạt giống cây leo rơi dưới gốc cây sa-la nhờ hội đủ nhân duyên đã nảy mầm rồi phát triển thành một cây leo rậm rạp che kín cây sa-la khiến cành lá của cây sa-la bị bóp nghẹt.

Việc được nhắc tới nhiều lần trong kinh điển Phật giáo chứng tỏ cây sa-la rất quen thuộc với người Ấn ngay từ thời cổ. Thật vậy, cây sa-la, có tên khoa học là *Shorea robusta*, là một loại cây thường mọc thành từng cụm; khi có mặt, chúng tạo nên thành phần chủ yếu của một khu rừng; có diện phân bố rộng ở Bengal, Nepal và cao nguyên Deccan. Giống cây này phát triển mạnh nơi đất có nhiều mùn pha cát và ẩm ướt; chậm lớn, nhưng sau một trăm năm trong những điều kiện thuận lợi, cây có thể cao tới 35 mét, thân có chu vi hơn hai mét. Thân thẳng hình trụ. Tán lá có khuynh hướng phân tuyến vươn cao lên ở cây con và xòe rộng ra ở cây già. Vỏ cây con trơn nhẵn; có ít nếp nhăn dài, sâu dọc thân; dày từ hai tới năm phân có màu nâu xám. Vỏ cây trưởng thành thô ráp với những nếp nhăn rất dài dọc thân. Cây sa-la có lá quanh năm; nhưng, ở nơi khô hạn, cây trải qua một thời kỳ thay

lá ngắn ngủi từ tháng Hai đến tháng Tư. Lá non xuất hiện trong tháng Tư, những chiếc lá dài rộng có hình quả trứng; thớ lá nhám và dai, khi phát triển đầy đủ thì mặt trên sáng bóng. Hoa sa-la xuất hiện đầu mùa Hè, có màu trắng hồng rất thơm, hương tỏa xa thanh thoát, mọc ngay trên thân cây suốt từ gốc lên; chùm hoa dài ra liên tục, có thể dài tới hai ba mét. Kết cấu cả chùm hoa giống con rắn thần (naga), mỗi bông hoa trông như đầu và miệng rắn phùng mang che phần nhụy ở giữa. Sa-la kết trái trong mùa hè; trái sa-la chín lại có mùi hôi và khi chín nẫu thì hạt sa-la mới đủ già để nảy mầm.

Gỗ sa-la nặng chắc, khó cưa xẻ và đóng đinh, hầu như có thể được dùng trong tất cả những công trình cần tới sự bền chắc và độ đàn hồi. Thân sa-la cũng cung cấp một loại nhựa có hương thơm được dùng làm nhang thắp trong các buổi lễ ở hoặc dùng để xảm trét thuyền bè bằng gỗ. Hạt sa-la được ép lấy dầu để thắp đèn và đôi khi được kẻ xấu giả làm sữa trâu lên men. Bã dầu sa-la là một loại thức ăn gia súc có giá trị. Khi có nạn đói, người nghèo Ấn Độ đã từng xay trái sa-la trộn với bột mì để ăn cho khỏi chết đói.

Trong khoảng ba chục năm trở lại đây, cây sa-la đã được đem trồng ở nước ta. Trước hết, cây được trồng ở các tự viện Phật giáo. Sau đó, giới chơi cây cảnh cũng biết đến với tên gọi cây đầu lân, cây ngọc kỳ lân, hay cây hàm rồng.

Có lẽ chúng ta cũng nên phân biệt cây sa-la với cây vô ưu, mà khá nhiều học giả cho rằng Đức Phật đản sanh cũng ở dưới cội sa-la. Kinh điển cho biết Đức Phật nhập diệt giữa hai cây sa-la và đản sanh dưới gốc cây vô ưu. Cây vô ưu, có tên Ấn Độ là asoka, tiếng Anh có khi dịch là sorrowless tree, là một loại cây nhỏ, chậm lớn, cao từ 5m tới 20m; cành phân nhánh nhiều tạo thành tán gần như tròn. Lá có dạng ngọn giáo, cuống lá tròn, ngọn lá hơi tù hoặc nhọn, màu lục sậm, mặt trên bóng. Hoa vô ưu nở quanh năm nhưng rực rỡ nhất trong khoảng từ tháng Hai tới tháng Tư, có hương thơm dịu dịu lan xa, màu đỏ cam, vàng cam rồi chuyển thành đỏ đậm. Tại Ấn Độ, cây thường mọc ở vùng trung tâm phía Đông dãy Himalaya và ở vài khu vực phía Tây vịnh Bengal. Cây vô ưu vẫn được xem là cây thiêng trong suốt lịch sử người Ấn. Một trong những yếu tố mỹ thuật Ấn Độ là phù điêu trên cổng những ngôi đền Ấn giáo thể hiện một nữ Dạ-xoa tựa người vào thân cây còn tay thì với lên cành vô ưu. Phụ nữ Ấn Độ rất tôn kính cây vô ưu. Trong nền y dược Ấn Độ, cây vô ưu là một vị thuốc duy trì nữ tính. Về mặt tâm linh, vô ưu được cho là cây bảo vệ sự trong sạch của phụ nữ.

Với người Phật tử, cây vô ưu tượng trưng cho niềm vui ngày Đức Phật đản sinh, còn cây sa-la là biểu tượng của sự nhớ tiếc vô hạn thời Đức Phật còn tại thế và nhắc nhở người con Phật luôn tinh tấn không được phóng dật. ■

Giọt nước mắt Vỡi khổ

HOA THIÊN

Bạn từng đọc và nghe nói đạo Phật là con đường diệt khổ, con đường của hạnh phúc an lạc dành cho người nào bước đi trên đó, thế nhưng bản thân bạn thì cảm nhận việc học tu theo lời Phật dạy là hết sức khó khăn, không đưa đến thoải mái an lạc? Bạn đã thử đòi hỏi với sự cố gắng nhưng càng nỗ lực thì bạn càng hoang mang bởi lời Phật dạy hầu như đi ngược lại với lối sống và tư duy của bạn? Bạn muốn tin lời Phật là chân thực nhưng cái cảm giác chống lại thói quen của bản thân khiến bạn khó chịu?

Ví thử có gặp phải hoàn cảnh tương tự thì bạn chớ vội nản lòng, nhất là việc tu học theo Phật thì càng không nên nản lòng vì một vài tâm lý khó khăn nhất thời. Mâu thuẫn xảy ra cho chúng ta khi học tu theo lời Phật dạy là điều rất thực. Cảm giác khó khăn nhất thời ấy hầu

như người nào tu học theo Phật cũng trải qua trước khi cảm nhận được sự an lạc thực sự từ việc ứng dụng lời Phật dạy. Rất ít người sinh ra ở đời mà hoàn toàn có đủ “thuận duyên” để có thể tiếp thu dễ dàng nếp sống giác ngộ ly tham, ly sân, ly si hết sức cao quý của chư Phật. Cách này hay cách khác, hầu hết chúng ta đều bị tập khí tham sân si gây chướng ngại trong quá trình nỗ lực hoàn thiện bản thân. Bởi một lẽ đơn giản: chúng ta vẫn còn là chúng sinh. Hết thấy các bậc giác ngộ đều xác chứng sự kiện rời bỏ tham sân si là hạnh phúc lớn nhất, nhưng chúng sinh thì cảm thấy khó chịu khi từ bỏ các thói quen do tham sân si điều động. Chính vì thế mà giáo pháp của Đức Phật được mệnh danh là đi ngược dòng (*patisaṅgamim*), nghĩa là đối lập với dòng sinh tử khổ đau, chống lại hay đi ngược lại với tập quán suy nghĩ và hành động dựa trên tham sân si của chúng sinh.

Bạn cảm thấy khó khăn khi học tu theo lời Phật dạy ấy là bạn đang đối diện với một thực trạng mà Đức Phật gọi là *"Pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc"*. Nghĩa là bạn đang ở trong một hoàn cảnh bị dằn vặt thường xuyên giữa một bên là thói quen thiên về tham sân si và một bên là tiếng nói nỗ lực chống lại tham sân si của bản thân. Bạn cố loại bỏ các tập quán suy nghĩ và hành động không hay của mình theo lời Đức Phật dạy và chính sự cố gắng ấy khiến cho bạn khó chịu. Xem ra thì bạn vừa dốc tâm tu Phật nhưng lại vừa than khóc do tình trạng gian khó của bản thân. Nói khác đi, bạn đang nhỏ nước mắt trên sự nỗ lực hướng thiện của chính mình. Nhưng dù thế nào thì sự nỗ lực của bạn là cao quý, đáng trân trọng, vì bạn đang theo đúng lời Phật dạy.

Bạn đi đúng hướng và giọt nước mắt tinh tấn của bạn trong trường hợp này - giọt nước mắt với khổ - thật đẹp, vì thế bạn cần kiên trì vượt qua trạng huống khó khăn nhất thời ấy. Đức Phật dạy không gì cao quý và khó khăn hơn con đường tự chiến thắng chính mình. Chiến thắng chính mình tức là chiến thắng được tập quán tham sân si của bản thân. Ngài cũng nói cho chúng ta biết, do tập khí mà có người tự tánh sanh ra quá nặng về tham ái, sân hận và si mê, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái, sân hận và si mê phát sanh. Nhưng nhờ thân cận gần gũi các bậc Thánh hay các bậc thiện tri thức nên người ấy có sự hiểu biết sáng suốt về thiện và bất thiện, về lẽ sống nào nên theo, lối sống nào cần phải từ bỏ. Do hiểu biết như vậy, người ấy nỗ lực theo đuổi nếp sống thiện, không tham sân si, quyết tâm từ bỏ lối sống bất thiện bị thôi thúc bởi tham sân si, với một tâm lý hết sức khó nhọc. Đức Phật nói như vậy về người ấy: *"Với khổ và với ưu, với mặt đầy nước mắt và khóc than, vị ấy sống theo phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc"*.

Cụ thể và chi tiết hơn, Ngài nói đến nếp sống quyết tâm hành trì Phật pháp hết sức gian khó của những người có căn tính nặng về tham sân si:

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ với ưu, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu từ bỏ nói lời vọng ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm tham ái, và do duyên từ bỏ tâm tham ái, cảm thọ

khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm sân hận, và do duyên từ bỏ tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà kiến, và do duyên từ bỏ tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc".

Rõ là cái cảm giác nỗ lực chống lại thói quen của các hành vi ác bất thiện do tham sân si điều động hay việc quyết tâm học tu theo lời Phật dạy trong trường hợp này là hết sức khó khăn. Khó khăn nhưng rất đẹp và xứng đáng nỗ lực. Sự tinh tấn tu tập nhằm loại bỏ tập khí tham sân si của bản thân đúng như lời Phật dạy bao giờ cũng đẹp và ngập tràn ánh sáng, vì nó dự báo một tương lai tươi sáng và an lạc cho người thực hành. Hẳn nhiên là phải có trí mới làm được điều này. Nghĩa là phải thấy ra con đường hay lẽ sống hướng thiện cao quý, cần phải kiên trì theo đuổi cho đến cùng, dù có gặp phải những trở ngại khó khăn. Đức Phật xác nhận rất rõ rằng sở dĩ người ta quyết tâm theo đuổi nếp sống "vừa tu vừa chảy nước mắt" như vậy chính là do người ấy có trí đối với giáo pháp do Ngài giảng dạy. Người ấy có trí tuệ hiểu biết về thiện và bất thiện, về kết quả của lẽ sống thiện và bất thiện nên quyết tâm dứt bỏ điều ác, theo đuổi điều lành. Người ấy hiểu ra căn bệnh của bản thân mình nên suy nghĩ và chọn phương pháp điều trị thích hợp gọi là "thuốc đắng dã tật". Tuy có khó khăn vất vả lúc ban đầu nhưng phương pháp ấy có tác dụng ngăn chặn cái xấu ác trước mắt và chữa trị dần căn bệnh tham sân si tiềm ẩn lâu ngày ở trong nội tâm. Vì thế mà Đức Thế Tôn có lời ngợi ca về người ấy:

"Do có trí đối với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này thấy biết như thật: "Pháp hành này hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do có trí đối với pháp này, do tâm sáng suốt, do thấy biết như thật, vị này phục vụ pháp này, không tránh né pháp này. Do phục vụ pháp này, không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này. Này các Tỷ-kheo, ví như nước đái quỷ được trộn nhiều loại thuốc. Rồi có người đi đến, bị bệnh hoàng đản, và có người nói với người đó như sau: "Này bạn, nước đái quỷ này được trộn với nhiều loại thuốc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người ấy có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, người ấy được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc".

Chú thích:

1. Tiểu kinh Pháp hành, Trung Bộ.
2. Đại kinh Pháp hành, Trung Bộ.
3. Đại kinh Pháp hành, Trung Bộ. ■



Nhớ mái trường xưa

Bài & ảnh: MẠC PHONG GIANG

Ba năm tôi miệt mài học tập dưới mái trường trung cấp Phật học thoáng chốc cũng đang khép lại trong không khí của mùa Vu lan thắng hội. Khoảng thời gian ấy không nhiều so với lộ trình mà người học Phật phải trải qua, nhưng những ngày tháng ở chốn tùng lâm này đang thật sự khắc sâu vào lòng tôi: một thời tăng sinh. Những giờ học trên giảng đường, lúc chấp tác cùng chư huynh đệ và biết bao khoảnh khắc vui buồn, anh em cùng sẻ chia dưới tòa sen kim thân Phật tổ... Dòng thời gian cứ lặng lẽ nối tiếp nhau, đan xen trong sự tương tục của vũ trụ. Chắc hẳn những kỷ niệm nơi đây sẽ mãi in đậm trong tâm hồn tôi làm hành trang cho tôi bôn ba trong dòng đời xuôi ngược và dù đi đâu về đâu thì mái trường Trung cấp Phật học Khánh Hòa, Chùa Long Sơn vẫn mãi là nơi để tôi hướng về trong tâm niệm tri ân tha thiết.

Chùa Long Sơn tọa lạc trên đồi Trại Thủy TP.Nha Trang nay ở trên đường 23/10, chùa được HT Thích Ngộ Chí tạo dựng năm 1886. Trải qua cả trăm năm, chùa đã được trùng tu nhiều lần, lần gần đây nhất là vào năm 1971; mặc dù vậy, chùa Long Sơn vẫn giữ được nét thâm u cổ kính của chốn già lam. Vào những năm 1963-1964, trong khi bom đạn diễn ra khắp nơi, thời cuộc bất ổn, kinh tế khó khăn, nhưng vị Hòa thượng trụ trì lúc ấy đã vận động Phật tử tôn tạo tượng kim thân Phật tổ cao 24m trên đỉnh đồi để cầu nguyện hòa bình cho dân tộc và thế giới. Long Sơn là một trong những ngôi chùa lớn nhất, cổ kính nhất của Khánh Hòa. Kim thân Phật tổ với dáng vẻ uy linh ngự giữa trời xanh đã thu hút không ít khách hành hương thập phương lũ lượt về chiêm ngưỡng đánh lễ. Chùa Long Sơn đã đi vào lòng người bằng những hình ảnh đẹp về kiến trúc cổ kính, tượng kim thân Phật tổ, phong cảnh hữu tình...; chùa còn là nơi đặt trụ sở của

Tỉnh Giáo hội Phật giáo Khánh Hòa. Nhưng ít ai biết rằng trong khuôn viên chùa còn có một mái trường Phật học; nơi đã đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni có phẩm hạnh và học thức cao.

Từ cổng tam quan đi vào, ẩn sâu trong rừng cây bên trái là Trường TCPH Khánh Hòa, Trường được thành lập trên tâm nguyện đào tạo một thế hệ Tăng Ni tài đức của quý tôn đức trong ban Trị sự Tỉnh hội. Qua hơn 20 năm hoạt động, trường đã đào tạo hơn 500 Tăng Ni, trong đó có nhiều vị đã hoàn tất các học vị tiến sĩ, thạc sĩ; có vị đang là nghiên cứu sinh; không ít người đã có văn bằng cử nhân; cả ở trong cũng như ngoài nước. Có thể nói những thành tích đó là sự đáp đền phần nào thâm ân của quý tôn đức.

Tôi đến Long Sơn vào một chiều mưa tầm tã. Cơn mưa đầu mùa nặng hạt như để trút đi cái oi bức của những ngày hè khô hanh khó chịu. Lúc đó, trong mắt tôi cảnh vật sao đìu hiu, âm đạm. Mây mù xám xịt cả một vùng trời đã làm rõ nét hùng vĩ của tượng kim thân Phật tổ trong tư thế tọa thiền bất động giữa giông tố cuồng loạn. Những ngày mới đến, tôi đã dành nhiều thời gian để ngắm cảnh, dạo bộ, thả hồn trên những con đường mòn xuyên qua các triền đồi. Không khí ở đây thật mát mẻ dễ chịu, dễ làm say lòng người lữ khách như tôi. Buổi sáng cảnh quan vắng lặng, không một tiếng người; đây là khoảng thời gian yên tĩnh nhất trong ngày, chỉ cần thiền hành dưới những tàng cây, lắng nghe tiếng chim non hay ngắm những tia nắng sớm ta cũng sẽ thấy lòng mình nhẹ nhõm. Đến khoảng 7- 8 giờ sáng thì khách hành hương rất đông, không gian tịch mịch của chùa không còn nguyên sơ nữa mà thay vào đó là tiếng cười đùa chuyện trò của khách thập phương. Long Sơn là một trong những trung tâm du lịch tâm linh của thành phố biển Nha Trang, cho nên nơi đây cũng đã thu hút không ít khách ngoại quốc. Thời gian này cũng là giờ học chính trên giảng đường, vì vậy tâm trí tôi cũng ít bị ảnh hưởng bởi khách hành hương. Không gian chốn thiền môn của Long Sơn luôn là nơi tìm đến của hàng triệu tâm hồn khắc khoải suy tư trong dòng đời; khi mà vật chất chiếm lĩnh tâm người. Chỉ cần từ xa thấy được kim thân Phật là mọi người đã có cảm giác bình an; khi đến với chùa thì cảm giác bình an đó lại càng hiện rõ hơn trong tiếng chuông chùa văng vẳng gần xa từ lưng chừng đồi vọng xuống. Tuy đường dẫn lên tượng kim thân có nhiều bậc tam cấp nhưng nếu thả lòng mình thanh thản, đi từng bước không vội vàng ta cũng sẽ cảm nhận được sự thư thái trong tâm hồn như lúc hướng về đài lễ Đức Từ Phụ. Trên đường lên tượng kim thân còn có tôn tượng Đức Bốn Sư trong tư thế Niết-bàn, đi thêm một quãng nữa thì đến lầu chuông; mỗi nơi đều là chỗ nghỉ chân lý tưởng của khách hành hương. Đến trưa thì khách cũng thưa dần chỉ còn vài người ngoại quốc đang muống tận hưởng trọn vẹn không gian yên ả buổi ban trưa với những làn gió hiu hiu mát đến se lạnh. Đầu giờ chiều, đôi lúc cũng

có vài tiết học thêm nhưng thông thường là giờ công phu hay tự học. Đến chiều là lúc chúng tôi chơi các môn thể thao như bóng bàn, đá cầu hay chạy bộ; bên cạnh đó cũng có vài vị tập các động tác Yoga và thiền dưới những tán lá mát rượi. Khoảng thời gian này cũng là lúc khách chiêm bái ra về, và sau 17 giờ thì không gian của chùa lại trở về với sự thanh vắng như buổi sớm. Sau khi được thực tôi thường thả bộ trước sân chùa, thỉnh thoảng cũng đi lên nơi đặt tượng Kim thân ngắm cảnh chiều tà. Đứng ở vị trí này ta có thể phóng tầm nhìn xuống toàn thành phố. Hoàng hôn buông xuống, tượng kim thân lại càng nổi bật trong ánh đèn pha từ bốn phía; như trong bóng tối, viên ngọc đã chiếu sáng cả một vùng trời đêm. Buổi tối, sau giờ tịnh độ đôi lúc các huynh đệ cũng rủ nhau lên chân tượng kim thân ngồi chơi, uống trà ngắm trăng. Đôi khi có chuyện không vui chúng tôi cũng lên chân tượng kim thân để giải bày với nhau. Nơi đặt tượng kim thân đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm vui buồn. Dù sao thì khoảng thời gian ấy cũng đã qua rồi, tất cả chỉ còn là kỷ niệm đẹp của một thời Tăng sinh.

Thời gian ở đây, tôi đã tiếp nhận được nhiều kiến thức và kinh nghiệm từng trải của quý thầy giáo thọ, nhất là hình ảnh giản đơn của Ôn trụ trì. Ngày ngày Ôn vẫn điềm nhiên có mặt trên chiếc xích đu cũ kỹ; chỉ ngồi đó thôi nhưng Ôn đã cảm hóa rất nhiều người đến tiếp xúc với Ôn. Phòng nghỉ của Ôn không có vật gì có giá trị ngoài mấy quyển sách photo và những vòng tràng hạt để tặng cho những người đến tham vấn. Ôn rất ít nói nhưng mỗi khi mở lời thì người nghe phải rúng động. Tuy tuổi đời đã ngoài 80 nhưng sức khỏe của Ôn rất tốt, tâm trí cũng rất minh mẫn. Ôn chỉ vui khi thấy tăng sinh chúng tôi tinh tấn, ham học. Ngày nào Ôn cũng ngồi đó, hình ảnh ấy không hơn không khác, bình dị và thân thương.

Khi mới đến học, tôi thường nghĩ về viễn cảnh của ngày ra trường và thấy rằng xa vời quá. Ba năm học sẽ là những ngày tháng dài mà nó được góp nhặt từ những khoảnh khắc thấy trò bên nhau, những giờ hùng biện hay giảng thuyết thao thao bất tuyệt.. hay lúc anh em vui buồn với nhau. Giờ đây, chỉ còn vài ngày nữa thôi là tôi phải xa nơi này để đến một mái trường khác, tôi mới hay thời gian trôi nhanh quá; mới ngày nào đó mà bây giờ nhìn lại đã là 3 năm rồi. Dù đi đến đâu tôi cũng sẽ giữ mãi những hình ảnh đẹp của một thời tăng sinh nơi mái trường trung cấp, chốn tông lâm Long Sơn. Ba năm học ở đây tôi đã lớn lên rất nhiều, học được rất nhiều điều từ quý Ôn quý thầy. Hành trang của tôi đã chuẩn bị xong rồi, tôi sẽ lại đi tiếp con đường phía trước để học hỏi tiếp thu thêm cái mới. Một ngày nào đó không xa tôi sẽ lại về thăm Trường, thăm chùa và thăm Thầy để tiếp nối con đường mà quý Ôn, quý thầy đã và đang đi. Trên đỉnh Kim Thân những tia nắng cuối cùng đã tắt và phía xa kia những kẻ cùng tử cũng đang hối hả về nhà sau một ngày bốn ba, màn đêm buông xuống, một ngày nữa qua rồi. ■



MỌI NGƯỜI GIÀU CÓ NHƯ THẾ NÀO?

PHAN MINH ĐỨC

Khi nói đến sự giàu có, người ta liền hình dung ra cảnh nhà cao cửa rộng đầy đủ tiện nghi, biệt thự, xe hơi, tài khoản lớn trong ngân hàng v.v. Cuộc sống giàu sang là cuộc sống mà mọi người luôn hướng đến vì giàu sang được xem như gắn liền với hạnh phúc. Tuy nhiên, trên thực tế nhận định đó cần xem xét lại.

Đời sống con người gồm có hai phần: đời sống vật chất và đời sống tinh thần, bởi tự thân con người gồm có hai phần là tâm hồn và thể xác. Sự giàu có đầy đủ của đời sống phải là sự giàu có cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần. Có người nhiều tiền bạc của cải, đời sống vật chất dồi dào nhưng tâm hồn nghèo nàn, ngược lại có người cuộc sống nghèo nàn nhưng tâm hồn phong phú. Vậy thực tế có mấy ai là người giàu sang thực sự. Khi nói đến giàu có, hãy xem lại đó là sự giàu có về vật chất hay tâm hồn.

Hạnh phúc có gắn liền với sự giàu có hay không? Chắc chắn là có, nhưng điều đó còn tùy thuộc vào cách tiếp nhận của mỗi người. Sự giàu có về vật chất mang lại hạnh phúc, sự giàu có về tâm hồn cũng mang lại hạnh phúc, nhưng sự giàu có cả về vật chất lẫn tâm hồn mang lại hạnh phúc to lớn hơn. Con người luôn hướng đến đời sống thụ hưởng những giá trị vật chất nhiều hơn là thụ hưởng những giá trị tinh thần, do đó thường dẫn đến sự mất quân bình trong đời sống, vì vậy hạnh phúc cũng không trọn vẹn, không vững bền. Sức lôi cuốn, hấp dẫn của đời sống vật chất mạnh đến độ người ta lầm tưởng nó là yếu tố duy nhất đưa đến hạnh phúc. Có nghĩa là người ta cho rằng đời sống thụ hưởng vật chất càng nhiều, càng có nhiều phương tiện, tiện nghi trong đời sống thì càng thoải mái, càng có nhiều niềm vui, càng có nhiều hạnh phúc. Rất ít người biết được rằng những thụ hưởng tinh thần cũng mang lại nhiều niềm vui, niềm

hạnh phúc đặc thù không thua kém những thụ hưởng vật chất. Ví dụ những người làm văn hóa nghệ thuật như nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ..., họ cảm nhận niềm vui, hạnh phúc từ sự thụ hưởng tinh thần nhiều hơn từ vật chất. Có thể đời sống vật chất của họ rất nghèo nàn (cái ăn cái mặc thiếu thốn, không có nhiều điều kiện hưởng thụ vật chất), nhưng họ vẫn có nhiều niềm vui từ quá trình lao động sáng tạo nghệ thuật, từ những thành quả họ làm ra. Hoặc những nhà tu hành không hề quan tâm đến sự thụ hưởng vật chất, nhưng họ có được hạnh phúc từ sự bình an và thanh thản của tâm hồn, họ không lo âu phiền muộn, không thất vọng khổ đau, không ray rứt lương tâm, không băn khoăn trăn trở, không oán ghét hận thù. Những người như thế, đời sống vật chất của họ nghèo nàn nhưng đời sống tâm hồn giàu có. Ngược lại, có nhiều người tuy đời sống vật chất sung mãn, dồi dào nhưng tâm hồn nghèo nàn, khánh kiệt: vô hồn vô cảm, không biết yêu thương, nghèo nàn cảm xúc...

Theo điều tra nghiên cứu mới đây của Công ty Nielsen, người nghèo thường cảm nhận hạnh phúc nhiều hơn người giàu và phụ nữ hạnh phúc hơn nam giới. Phó Chủ tịch phụ trách nghiên cứu nhu cầu tiêu thụ của Công ty Nielsen cho biết: "Sở dĩ phụ nữ hạnh phúc hơn nam giới là vì những nhân tố khiến họ hạnh phúc không gắn liền với kinh tế", phụ nữ cảm thấy hạnh phúc trong các mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, với bạn bè, với đồng nghiệp và với người khác phái trong khi nam giới tìm hạnh phúc ở tiền tài, danh vọng, địa vị.

GIÀU MÀ NGHÈO - NGHÈO MÀ GIÀU

Giàu mà nghèo là đối tượng chiếm phần lớn trong xã hội hiện đại. Xã hội hiện đại là xã hội mà đời sống vật chất được nâng cao, con người có nhiều điều kiện hưởng thụ, phương tiện đời sống dồi dào... dù vậy con người vẫn khổ, vẫn nhọc nhằn tâm trí, chỉ vì con người không thấy đủ, không biết mãn nguyện với những gì mình đang có. Con người chạy theo vật dục, sống đời sống thụ hưởng, tham đắm không dừng, không lúc nào thấy đủ, mãi lo tìm kiếm những thú hưởng thụ, tìm cách thỏa mãn tham muốn dục vọng, nhưng tham muốn dục vọng của con người không cùng tận nên không bao giờ có sự thỏa mãn, do đó thường sống trong thất vọng, khổ não, tuy giàu có mà vẫn thấy thiếu thốn, nghèo nàn, điều này đúng như lời Phật dạy: "Người biết đủ tuy nghèo mà giàu, người không biết đủ tuy giàu mà nghèo. Người không biết đủ thường bị ngũ dục sai khiến" hay "Người sống biết đủ tuy nằm trên đất cũng thấy an vui,

người không biết đủ tuy ở thiên đường cũng không vừa ý" (Kinh Di Giáo).

Còn có một hạng người "giàu mà nghèo" khác, đó là những người suốt đời chỉ biết tính toán hơn thiệt, đầu cơ tích trữ, vơ vét vun vén cho bản thân nhưng không biết yêu quý bản thân và người khác. Họ sẵn sàng bỏ ra thời gian, công sức, lao tâm khổ trí để tạo ra tài sản, bạc tiền nhưng lại tham lam ích kỷ, tuy giàu có nhưng giống như người bán tiền, họ sống khắc khổ, không dám ăn không dám mặc, không dám sử dụng đồng tiền họ làm

ra, cũng không muốn chia sẻ cho ai, không muốn làm những việc có ích cho cộng đồng, xã hội. Hạng người này tuy giàu có nhưng đời sống lại khổ sở hơn cả những người nghèo.

Người ta thường nghĩ đến sự giàu của cái bạc tiền hơn là những sự giàu có khác. Ít ai quan tâm đến việc làm giàu tri thức, làm giàu đạo đức, làm giàu tình cảm, làm giàu tâm hồn... Nhưng nền tảng vững chắc để xây dựng gia đình, xây dựng xã hội phát triển vững mạnh lâu bền phải

là sự giàu có nhiều phương diện chứ không chỉ của cái bạc tiền. Nếu không có sự giàu có tri thức, tình cảm, đạo đức, không có sự giàu có tâm hồn, đời sống tinh thần nghèo nàn thì những sự giàu có khác dễ dàng sụp đổ và con người cũng không hạnh phúc. Nhiều người mãi lo làm giàu mà quên cả việc chăm sóc bản thân, chăm sóc gia đình, đến khi kiếm được nhiều tiền, có địa vị trong xã hội thì sức khỏe cũng không còn, bệnh tật phát sinh, hạnh phúc gia đình cũng mất vì quan hệ tình cảm giữa các thành viên trong gia đình đổ vỡ. Người ta dễ dàng thành đạt trong xã hội nhưng lại thất bại trong chính ngôi nhà của mình, thất bại trong việc xây dựng mái ấm gia đình, xây dựng các mối quan hệ tình cảm: vợ chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau.

Muốn xã hội phát triển vững mạnh cần phải làm giàu tri thức và đạo đức. Tri thức giúp xây dựng và phát triển xã hội, đạo đức giúp bảo vệ, giữ gìn những thành quả làm ra. Tri thức và đạo đức là nền tảng vững chắc của xã hội. Những nhà lãnh đạo, nhà quản lý, đội ngũ cán bộ, công nhân thợ thuyền v.v. nếu không có tri thức, dốt nát thì làm được gì? Nếu không có đạo đức thì phát sinh tiêu cực, tệ nạn. Con người dễ dàng bị tha hóa nếu như không biết trau dồi nhân phẩm, đạo đức, vì thế việc quan tâm làm giàu đạo đức trong mỗi con người là điều hết sức quan trọng. Vì con người là chủ của xã hội, sự bình an, sự thịnh vượng, hạnh phúc của xã hội là do con người quyết định. ■



Hai bài học về nhân cách

MINH MINH



1. Nhân cách của ông Okada, huấn luyện viên đội tuyển Nhật Bản.

Theo dõi World Cup, ngoài việc thưởng thức đường băng của các cầu thủ, chiến thuật của các trận đấu, tôi thường quan sát thái độ và cách hành xử của huấn luyện viên hai đội. Trong trận Uruguay - Nhật Bản, tôi đặc biệt chú ý đến ông Okada, huấn luyện viên đội tuyển Nhật Bản. Trái ngược với thái độ nóng nảy, bày tỏ cảm xúc vui mừng, giận dữ, nuối tiếc... quá rõ nét của HLV đội tuyển Uruguay, ông Okada ngồi theo dõi trận đấu một cách trầm lặng, thần thái đỉnh đặc, nhẹ nhàng. Nhìn hình ảnh hai HLV, tôi

liên tưởng đến sự đối nghịch giữa nước - lửa, tĩnh - động. Đến khi trận đấu kết thúc, đội Nhật Bản thua trên chấm phạt đền! Tôi cũng thất vọng nhiều vì đội bóng cuối cùng của châu Á đã dừng bước. Tôi lại đưa mắt theo dõi ông Okada: vẫn thái độ trầm tĩnh. Hình ảnh ông ôm choàng các cầu thủ rất tình cảm làm tôi xúc động, và cảm thấy hết buồn. Chính sự thua trận của đội Nhật Bản càng khắc họa rõ nét đẹp về nhân cách của ông Okada, nét đẹp đậm chất *thiền* của Phật giáo.

Qua báo chí, tôi lại càng ngưỡng mộ ông Okada khi biết ông là người học thiền và thường xuyên nói chuyện với cầu thủ về tôn giáo, triết lý, lịch sử. Hiếm có HLV nào làm những việc như thế, và còn có ấn tượng hơn khi biết ông có ý định già từ nghề HLV để chuyển qua nghề nông. Hãy nghe lời ông nói: "Tôi trở thành nông dân để được đọc sách dưới mưa, bước trên đất xốp khi nắng sáng". Ý tưởng hay và quý lắm thay!

2. Nhân cách của cháu Hào Anh.

Theo dõi tin tức về cháu Hào Anh, nạn nhân của vụ hành hạ tra tấn dã man do vợ chồng Giang-Thơm thực hiện, chắc ai cũng phải vô cùng căm phẫn, chỉ mong người gây tội phải đền tội xứng

đáng. Thế nhưng, đến khi đọc báo tường trình về phiên tòa xử vụ án, tôi thật sự khâm phục thái độ cao thượng đáng quý của cháu Hào Anh. Cháu trình bày sự việc trước tòa với thái độ điềm tĩnh, chậm rãi, không cay cú hận thù. Đối với hai kẻ đã hành hạ mình rùng rợn như thế, cháu vẫn gọi là cậu mợ. Điều làm tôi xúc động nhất là khi cháu bản khoản lo lắng cho hai người con của bị cáo, nếu cha mẹ ở tù thì ai lo cho hai em, khi ông bà của hai em cũng đã già rồi, một sự lo lắng đầy tình người. Từ tấm lòng nhân ái, cháu Hào Anh đã biết "lấy ân báo oán" như lời Phật dạy, thật là một bài học quý giá. ■





Giọt nước mắt của O Rơi

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Nhờ có chút tài mọn bếp núc do học được ở mẹ từ ngày thơ ấu, tôi thường được thuê nấu tiệc. Mà lại là đại tiệc dành cho các khách VIP quốc tế đấy! Tuy cái chữ đã học phải xếp xó một góc, thỉnh thoảng tôi vẫn lôi ra dùng để thêm thắt *đôi chút văn hóa* vào các món ăn cho có phần thi vị bay bổng. Mỗi khi tiệc tan, tôi vẫn luôn nhận được những lời khen từ thực khách, nào là *nghệ sĩ*, nào *nghệ nhân*, nào *bàn tay vàng*... Có thể đó chỉ là những lời được thốt ra vì lịch sự. Nhưng có thể cũng có những câu khen ngợi thật lòng vì trân trọng giá trị lao động của người đã làm việc không chỉ bằng đôi bàn tay mà còn bằng cả trái tim.

Một lần, tôi được yêu cầu nấu bữa cơm chay thuần Huế. Tôi mua vật liệu thực phẩm chay có bán sẵn ở chợ, gồm *mì căn non*, *mì căn già*... để nấu đủ món. Khi vào tiệc, vừa dọn mời món khai vị, một vị khách nghiêng người ngấm ngấm, gấp miếng mì căn nướng lá lốt ném thử, ông buột miệng hỏi: "*Why did you say serve me vegetarian*" (*Tại sao bà nói với tôi hôm nay chỉ ăn chay?*). Tôi giải thích rằng món ăn thuần túy thực vật.

Khách thực sự ngạc nhiên, hỏi cách chế biến. Tôi thật thà bảo mua mì căn làm sẵn ở chợ, tiếp tục chế biến thành món ăn mà thôi. Sau tiệc ấy, tôi trăn trở mãi và nhất quyết phải đi tìm thầy học cho được cách làm mì căn.

Muốn làm được nghề phải tìm thầy dạy nghề. Tôi ra



chợ mày mò hỏi người bán mì căn. Họ chẳng biết gì. Hỏi mãi tôi cũng lần ra rằng ở chùa có một vị Phật tử thường làm công quả thường gọi là O Rơi rất giỏi làm món này.

Một sớm mai tôi lên chùa Sư nữ, tìm O Rơi và xin rước O về truyền nghề.

Ngày đón O Rơi về dạy, với tôi, là một ngày trọng đại. Sáng tinh mơ tôi quét dọn sạch bếp núc, lau chùi soong thau sáng loáng, rồi lốc cốc đạp xe đi rước O về. Vừa về đến nhà, câu đầu tiên O hỏi: "Bột mì mô?". Tôi trả lời: "Dạ thưa, con chờ O chỉ bảo mới dám mua mọi thứ chứ con có biết chi mô?". O cười đôn hậu: "Chà! O quên không dặn trước". Thế là O ra lệnh đi mua bột mì. Tôi hí hục đạp xe ra chợ mà lòng lằng lằng. Vào quán, tôi mua ngay một ký bột rồi hối hả về để kịp học nghề. Mắt mờ lớn quan sát, tay cầm sổ ghi chép không thiếu một thao tác nhỏ nào của thầy. Trước tiên O đổ bột ra mâm, cho nước vào nhồi, vo thành một cục bột lớn. Sau đó O lệnh tôi kiếm thêm cái thau, cái rổ. O cho cục bột vào rổ. Cái rổ lại đặt vào thau. Rồi bưng cái thau đến ngồi dưới vòi nước, O vặn vòi nước chảy xuống cục bột rồi nhồi. Tôi ngồi bên không dám thờ, đợi điều kỳ diệu mà tôi mong ước sắp hiện ra. Nhưng sau một lúc liên tục nhồi, O Rơi đứng lên, tất cả còn lại là thau nước

bột màu trắng đục to đùng. O lẩm bẩm: "Răng lạ ri hề?". Tôi linh cảm có điều bất thường nên đánh tiếng nhẹ nhàng: "Có điều chi không ổn phải không O? Con đi mua lại bột hí?". O ừ một cái mà tôi nghe âm thanh nặng trĩu. Tôi biết O cáu nên lên chạy cho nhanh. Bột được đem về lần hai, rồi lần ba... khiến tôi mệt bỏ hơi tai. Khi mẻ bột lần bốn làm xong, vẫn trả lại cho O cũng một thau nước bột, O bỗng òa lên khóc hu hu như đứa trẻ con. Tôi sợ quá, ôm O dỗ dành: "O ơi! Đừng khóc. Chuyện nấu ăn hồng là chuyện thường. Con làm mứt gừng ngày Tết mà ba con gọi tên là mứt cà lê (cle) vì phải dùng cà lê mới nạy lên được đấy". Chính giọt nước mắt của O làm lòng tôi miên man suy nghĩ. Chắc chắn có điều gì đó không ổn? Tôi phải đi tìm nguyên do.

Vào bếp chùa, tôi lần vào kho chứa bột. Tay bốc một nắm bột đem ra dưới ánh sáng để ngắm nghía, tôi thấy màu bột đậm hơn những gói bột tôi mua sáng nay. Tôi lần la thăm dò thêm một số chi tiết. Chắc chắn việc thất bại có liên quan đến chất lượng bột và thời gian ủ?

Hôm sau, ra chợ Đông Ba, tôi tìm hàng bột nhà chùa vẫn mua. Bên hàng chỉ tôi một bao bột, bên ngoài bao bì, tôi đọc được thông số kỹ thuật: hàm lượng protein 12%. Loại bột tôi mua về cho O làm chỉ có hàm lượng 8%. Thế là bước đầu tôi đã dò ra đúng hướng về chất lượng bột. Tôi mua, nhồi thử như O Rơi đã dạy, nhưng không vội nhồi nước mà đẩy khăn lại, ủ qua đêm. Đêm ấy tôi bồi hồi mong đợi không ngủ được. Trời vừa hửng sáng, bắt chước O, sau một hồi nhồi, cục bột nhỏ dần, nhỏ dần... hòa ra trong nước màu trắng đục. Đến phút cuối, tôi nhồi tiếp, nhồi tiếp... nhưng trong tay tôi bột không còn tan nữa mà... đọng lại một khối bột dẻo như cao su. A, đó chính là mì căn. Tôi la lên: "O Rơi ơi, con thành công rồi!".

Chính sự thất bại của O Rơi là bài học dạy tôi làm món mì căn chay thành công. O là người thầy của tôi. Sau này, được đi học ngành ẩm thực, sang một số trường du lịch tiên tiến ở châu Âu, tôi hiểu thêm sự thất bại trong chế biến ẩm thực luôn có những nguyên nhân: từ sự chuẩn bị thiếu chu đáo cho một buổi truyền nghề, sự lựa chọn sai thực phẩm, thiếu chuẩn xác về các bước trong quy trình chế biến, thời gian, nhiệt độ... Nhớ lại lần thất bại năm xưa của O Rơi, tôi hiểu, cũng bởi O chỉ là một người làm bếp theo thói quen, chỉ biết làm mà không giải thích được vì sao mình phải làm điều ấy...

Nhờ học từ O Rơi và học thêm từ biết bao thầy cô, đồng nghiệp trong trường học lẫn trường đời, chính tay tôi tự làm mì căn và các món ăn chay chế biến từ mì căn. Lòng của tôi luôn gửi gắm vào từng món nấu. Nghề nấu ăn đã giúp tôi vượt qua những tháng ngày khó khăn và cho tôi nhiều kinh nghiệm. Tôi đã đem những gì học hỏi được tiếp tục truyền thụ cho các thế hệ học trò.

Nhớ lại chuyến đi "tắm sư học đạo" năm nào, tôi luôn tự nhủ mình và dạy các học trò của tôi: "Muốn nên người phải đi tìm thầy mà học. Thầy ở quanh ta chứ đâu phải chỉ trên giảng đường!". ■



Câu chuyện về **Barlaam & Joasaph** hay một sự trùng hợp lạ lùng giữa các tôn giáo

HOANG PHONG

Câu chuyện dưới đây thật xa xưa, có lẽ đã xảy ra từ thời Trung cổ tại Âu châu và cả nhiều thế kỷ trước đó tại Trung Đông. Tuy nhiên chúng ta cũng có thể khởi đầu câu chuyện với một sự kiện chính xác hơn xảy ra vào thế kỷ XVI khi Tòa thánh La-mã phong thánh cho hai vị mang tên là Barlaam và Joasaph, và chọn ngày 27 tháng 11 hàng năm để làm ngày tưởng niệm họ. Riêng Chính Thống giáo (Orthodoxe) thì chọn ngày 26 tháng 8.

Thật ra, đã có một sự bí mật dày đặc bao trùm cả hai nhân vật Barlaam và Joasaph gần suốt một ngàn bốn trăm năm kể từ thế kỷ thứ VI cho đến giữa thế kỷ XIX. Các học giả và sử gia Tây phương trước thế kỷ XIX đều

bỏ tay, không thể biết đích xác hai nhân vật ấy là ai và xuất xứ từ đâu; nhất là họ lại còn kinh ngạc hơn nữa khi khám phá ra là hai nhân vật này đồng thời cũng đã xuất hiện trong các truyền thuyết Hồi giáo với cái tên là Bilawahr và Bodhasaph. Người ta chỉ biết là chuyện kể về hai nhân vật ấy rất phổ biến vào thời Trung cổ tại Âu châu. Câu chuyện được tóm lược như sau:

Hai vị thánh Barlaam và Joasaph

Theo các bản lưu truyền tại Âu châu vào thời Trung cổ thì tại Ấn Độ có một vị vua tên là Abener sinh được một hoàng tử kế nghiệp và đặt tên là Joasaph. Khi đứa bé mới ra đời, có một nhà tiên tri đã đoán là

sau này khi lớn lên thì đứa bé sẽ theo đạo Thiên Chúa và từ bỏ ngai vàng. Vua Abener là người rất thù ghét Thiên Chúa giáo, vì thế những lời tiên đoán này đã làm cho ông phải canh cánh lo âu; và sau cùng thì ông quyết định nuôi nấng hoàng tử trong cảnh xa hoa của cung điện, biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài.

Khi lớn lên, một hôm hoàng tử van nài vua cha cho phép mình được dạo chơi một lần bên ngoài thành, và vua cha cũng xiêu lòng. Trong chuyến du hành đó, vị hoàng tử trẻ tuổi trông thấy một người cùi, một người mù, một người già, và ý thức được là tất cả mọi người đều phải gánh chịu khổ đau, bệnh tật và cái chết.

Sau chuyến du hành ấy thì có một nhà tu khổ hạnh tên là Barlaam, trước đây đã từng nghe đồn đại về những lời tiên đoán về tin ngưỡng sau này của hoàng tử, bèn quyết định nguyện trang làm một người lái buôn giàu có và tìm đến cung điện của vua Abener. Ông tìm cách tiếp xúc với hoàng tử Joasaph và kể cho cậu nghe về Chúa Giê-su. Câu chuyện Chúa Giê-su làm cho cậu mê lòng và rồi đức tin vụt phát hiện trong lòng cậu và liền sau đó thì cậu xin được rửa tội.

Sau khi rửa tội cho hoàng tử Joasaph thì nhà tu khổ hạnh Barlaam quay về nơi ẩn cư của mình. Riêng vua Abener thì phải đối đầu với đứa con say mê Thiên Chúa giáo quá mức. Ông tìm đủ mọi cách giúp con mình thức tỉnh, chẳng những không thành công mà lại còn bị con ông thuyết giảng cho nghe về Thiên Chúa giáo. Sau cùng thì vua Abener cũng xiêu lòng và đồng ý cải đạo.

Sau đó ít lâu thì vua Abener băng hà; hoàng tử Joasaph chẳng những không lên ngôi mà còn từ bỏ cả cuộc sống thế tục và trở thành một nhà tu khổ hạnh. Ông đi tìm vị thầy của mình là Barlaam và hai thầy trò tìm đến một nơi hoang vu để cùng nhau suy tư và sống cuộc đời ẩn dật.

Câu chuyện trên đây được truyền tụng qua nhiều thế kỷ trong khắp các quốc gia Âu châu và các vùng lãnh thổ Hồi giáo tại Trung Đông. Màu sắc tôn giáo cũng vì thế được biến đổi để phù hợp với tín ngưỡng của từng nơi; đồng thời, một số chi tiết cũng được thêm thắt; tuy nhiên, cốt truyện và vai trò của hai nhân vật chính thì không có gì thay đổi đáng kể.

Nguồn gốc câu chuyện Barlaam và Joasaph

Từ lâu hầu hết các học giả và sử gia đều nghĩ rằng câu chuyện trên đây là do Thánh Jean Damascène sống vào thế kỷ thứ VIII kể lại. Tuy nhiên; các công trình khảo cứu gần đây hơn cho thấy là lịch sử câu chuyện này khá phức tạp. Tư liệu và những khảo cứu của các học giả, sử gia và chuyên gia về tôn giáo thật vô cùng dồi dào, tuy nhiên thiết nghĩ chúng ta cũng chỉ cần căn cứ vào công trình khảo cứu rất khoa học của một học giả lỗi lạc người Gia-nã-đại là Wilfred Cantwell Smith (1916-2000) là cũng đủ; ông này là giáo sư chuyên khoa về *Tôn giáo đối chiếu* (*Comparative religion*) và từng là

Giám đốc của “*Trung tâm Nghiên cứu về các Tôn giáo Thế giới*” (*Center for the Study of World religions*) thuộc Đại học Harvard, từ năm 1964 đến 1973. Sau đây là tóm lược một vài kết quả nghiên cứu của ông.

Theo Wilfred Cantwell Smith thì câu chuyện xuất hiện trước hết từ một bộ kinh bằng tiếng Phạn của Phật giáo Bắc tông là kinh *Lalitavistara*, được soạn thảo vào khoảng cuối thế kỷ thứ III hay đầu thế kỷ thứ IV. Tập kinh này đã được “phông dịch” sang tiếng Ba Tư vào thế kỷ thứ VI nhưng nội dung lại hoàn toàn đổi sang màu sắc của một tôn giáo khác gọi là tôn giáo Thiên-Ác (Manicheisme), do một người Ba Tư tên là Mani sáng lập từ thế kỷ thứ III; cách tu tập của tôn giáo này là cách dựa vào sự phân biệt giữa Thiện và Ác. Quyển sách “dịch thuật” trên đây mang tựa đề là *Kitab Bilawhar wa Yadasaf* và đã từng giữ một vị trí khá quan trọng trong nền văn hóa Hồi giáo nói chung; đặc biệt, đã được phổ biến rộng rãi tại kinh đô Baghdad vào thế kỷ thứ VIII.

Sau đó thì quyển sách này lại được “dịch” sang tiếng Géorgie (Liên Xô cũ) vào thế kỷ thứ X, nhưng lần này thì nội dung lại được Thiên Chúa giáo hóa hoàn toàn, và “dịch giả” là ai thì không được rõ. Sau đó lại có một tu sĩ người Georgie dịch quyển sách này từ tiếng Georgie sang tiếng Hy Lạp. Không lâu sau khi quyển sách được phổ biến thì vị tu sĩ này bị giết vào năm 1028 tại thành Constantinople (ngày nay là thủ đô Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ). Và cũng tại thành phố này, bản dịch đầu tiên ra tiếng La-tinh đã được thực hiện vào năm 1048 và được phổ biến rộng rãi tại Hy Lạp. Một thời gian ngắn sau đó thì ấn bản bằng tiếng La-tinh trên đây đã lan tràn khắp các nước Tây phương từ Đông Âu cho đến Tây Âu khiến câu chuyện về Barlaam và Joasaph từ đó trở nên vô cùng phổ thông trong toàn thể cộng đồng Thiên Chúa giáo Tây phương. Sau đó thì quyển sách lại được dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nữa như tiếng Ethiopie, Arménie, Islande... Vào thế kỷ XIII người ta lại tìm thấy thêm một bản dịch mới bằng tiếng Hê-bơ (Hébreu - tiếng Do Thái cổ).

Các khảo cứu trên phương diện ngữ học

Các kết quả nghiên cứu hiện đại về ngôn ngữ học, sử học... cũng đã chứng minh cho thấy là nội dung câu chuyện Barlaam và Joasaph đơn giản chỉ là một sự vay mượn từ sự tích của Đức Phật. Tóm lại lịch sử cuộc đời của Đức Phật đã được phổ biến và lan tràn khắp Âu châu rất lâu trước khi người Tây phương biết đến Phật giáo là gì. Bản dịch sang tiếng Georgie vào thế kỷ thứ X mang tựa đề là *Balavariani* là bản dịch đầu tiên chuyển từ tín ngưỡng Hồi giáo sang tín ngưỡng Cơ Đốc giáo. Các học giả và các nhà ngôn ngữ học cho biết là tên vị Thánh *Joasaph* trong câu chuyện trên đây là một biến dạng của chữ *Bodhisattva* (Bồ-tát) trong tiếng Phạn. Chữ *Bodhisattva* chuyển sang tiếng Ba Tư thành *Bodasif*, và chữ *Bodasif* lại tiếp tục bị biến dạng sau khi

được chuyển sang các ngôn ngữ khác nữa.

Các học giả Hàn Quốc thuộc Viện Đại học Quốc gia tại thủ đô Seoul cũng có nghiên cứu về vấn đề này. Theo các học giả Hàn Quốc thì chữ *Bodhisattva* trở thành *Bodisav* trong các văn bản bằng tiếng Ba Tư thuộc các thế kỷ thứ VI và thứ VII, sau đó lại trở thành *Budhasaf* hay *Yudasaf* trong các tư liệu bằng tiếng Á Rập từ thế kỷ thứ VIII. Trong bản dịch đầu tiên mang nội dung chuyển sang tín ngưỡng Cơ Đốc giáo vào thế kỷ thứ X thì chữ *Budhasaf* trở thành *Iodasaf*. Chữ *Iodasaf* sau đó lại trở thành *Ioasaph* trong tiếng Hy Lạp kể từ thế kỷ thứ XI, và sau cùng lại biến thành *Iosaphat* hay *Joasaph* hay *Josaphat* trong các ấn bản bằng tiếng Latinh. Tóm lại, tên vị Thánh *Joasaph* hay *Josaphat* trong câu chuyện Barlaam và Joasaph mà người ta thường thấy ngày nay là do chữ *Bodhisattva* (Bồ-tát) mà ra; và nội dung câu chuyện chính là sự tích của Đức Phật.

Cũng xin kể thêm một chuyện khác bên lề các khảo cứu hoàn toàn khoa học như trên đây; đó là trường hợp của một tác giả người Đức tên là Holger Kerstein đã từng viết rất nhiều sách nói về Chúa Giê-su tại Ấn Độ. Trong số các sách này có thể kể ra hai quyển được nhiều người biết đến nhất và cũng đã từng gây ra nhiều dư

luận là quyển *Jesus lived in India* (Giê-su từng sống ở Ấn Độ) và quyển *The Jesus Conspiracy* (Âm mưu của Chúa Giê-su). Theo thiên ý thì Holger Kerstein là một tác giả rất uyên bác, có trí tưởng tượng thật phong phú nhưng ông không phải là một nhà khảo cứu chuyên nghiệp đúng với nghĩa của nó. Theo tác giả này thì tiếng Á-rập *Judasaf* hay *Budhasaf* xuất phát từ ngôn ngữ Ua-đu (Urdu, Ourdou) của xứ Pakistan và liên hệ mật thiết đến chữ *Yuz-Asaf* là tên của một vị thánh được đạo Ahmadisme nhận diện như là Chúa Giê-su. Đạo Ahmadisme là một giáo phái Hồi giáo do Mirza Ghulam Ahmad sáng lập vào giữa thế kỷ XIX. Mirza Ghulam Ahmad cho rằng Chúa Giê-su thật ra không hề bị đóng đinh mà đã trốn thoát sang Ấn Độ và chết tại đây. Dù sao đi nữa thì các nhà ngôn ngữ học đều cho rằng chữ Phạn *Bodhisattva* qua trung gian của ngôn ngữ Ba Tư đã trở thành *Yudasaf*, *Judasaph*, *Budhasaf*... trong ngôn ngữ Á-rập vào thế kỷ thứ VIII. Trong khi đó nếu dựa vào giả thuyết của Mirza Ghulam Ahmad và Holger Kersten thì các chữ ấy xuất phát sớm hơn từ ngôn ngữ Ua-đu để ám chỉ Chúa Giê-su, tức có nghĩa là đã xuất hiện vào thế kỷ thứ I (?). Theo các học giả và sử gia cũng như các nhà ngôn ngữ học thì không

có tư liệu cụ thể nào cho thấy các chữ Á-rập *Yudasaf*, *Judasaph*, *Budhasaf*... xuất hiện trước thế kỷ thứ VIII.

Marco Polo và sự tích Đức Phật

Như đã trình bày trên đây, người ta có thể thấy trong lúc Âu châu chưa hề biết đến Phật giáo là gì thì sự tích Đức Phật qua câu chuyện Barlaam và Joasaph đã được truyền bá khắp nơi với tất cả sự ngưỡng mộ và thành kính của người Tây phương. Tuy nhiên, trước khi các học giả khám phá ra nguồn gốc vay mượn của câu chuyện trên đây thì Âu châu cũng đã có các tư liệu khác liên quan đến Đức Phật mà không hề có ai chú ý đến; có thể là vì người Tây phương từ nhiều trăm năm tự khép kín trong truyền thống tín ngưỡng của mình và không hề quan tâm đến những gì khác. Vào thế kỷ XIII, có một thương gia người Ý tên là Marco Polo rất thích phiêu lưu đã từng chu du khắp Trung Đông, Ấn Độ, Trung Hoa và các miền Viễn Đông và đã tường thuật lại nhiều chuyện tai nghe mắt thấy. Khi ghé vào đảo Tích Lan, ông nghe kể chuyện về sự tích Đức Phật và đã ghi chép lại như sau:

Người dân trên đảo kể rằng "... Vị ấy tên là *Sargamonym Borcam*. Họ bảo rằng đây là một người toàn thiện nhất

trên thế gian này và vị ấy cũng là một vị thánh, theo ý nghĩa của họ. Theo lời họ kể thì vị ấy tuy là con trai của một trong những nhà vua rất giàu có, nhưng lại chỉ thích sống một cuộc sống tinh khiết không màng đến bất cứ thứ gì trong thế gian này, kể cả sau này sẽ



Thánh Asaphat thuyết giảng (bản chép tay bằng tiếng Hy Lạp, thế kỷ XIII)

được lên ngôi. [...] Vua cha vô cùng buồn khổ. Ông quyết định xây một cung điện thật nguy nga dành riêng cho con mình, và tuyển chọn những người con gái đẹp nhất chưa từng thấy để hầu hạ. [...] Nhưng hoài công vô ích, vì người con trai nói với vua cha là chỉ muốn đi tìm một người không bao giờ chết, vì chính mình đã nhận thấy tất cả mọi người đều chết, dù già hay còn trẻ. Vị ấy nhất định thực hiện quyết tâm của mình và không gì có thể lay chuyển được. Vào một đêm tối trời vị ấy trốn khỏi hoàng cung, tìm vào vùng núi non hẻo lánh để traу đối đạo đức, vị ấy sống rất khắc khổ, nhịn ăn và chay tịnh giống như một người Thiên Chúa giáo vậy [...], (trích từ *Le Livre des Merveilles* (Quyển sách về những chuyện kỳ diệu) của Marco Polo).

Trong suốt một thời gian dài nhiều trăm năm không hề có một ai đã nhận thấy hay chú ý đến sự tương đồng giữa câu chuyện Barlaam và Joasaph với câu chuyện do Marco Polo thuật lại. Mãi cho đến giữa thế kỷ XIX,

khi bộ kinh *Lalitavistara* (Phổ diệu kinh), tức là bộ kinh *Trình bày chi tiết cuộc đời Đức Phật* được dịch ra ngôn ngữ Tây phương thì lúc đó các học giả Âu châu mới bật ngửa ra là nội dung câu chuyện Barlaam và Joasaph lại chính là sự tích của Đức Phật mà không còn một nghi vấn nào nữa. Ấy thế mà ngày nay “thánh tích” thiêng liêng (mà Phật giáo gọi là Xá-lợi) của Thánh Joasaph vẫn được giữ gìn thật cẩn thận và thật tôn nghiêm với tất cả sự sùng kính tại nhà thờ Saint-André tại tỉnh Anvers của nước Bỉ.

Lời kết

Thật ra câu chuyện khám phá ra nguồn gốc của hai nhân vật Barlaam và Joasaph cũng chẳng có gì mới lạ. Sách vở, tư liệu và các phúc trình nghiên cứu khoa học thật phong phú, chẳng hạn như một học giả người Đức là Robert Volk đã để ra 20 năm nghiên cứu về huyền thoại này và đã viết thành một tập sách 1.100 trang. Các bản sách cổ chép tay với hình vẽ minh họa cũng như các di vật liên quan đến câu chuyện Barlaam và Joasaph đều được lưu trữ trong các bảo tàng viện khắp nơi tại Âu châu và cả Trung Đông. Mục đích của bài viết ngắn này thì thật đơn giản, chỉ có ý mượn một câu chuyện trùng hợp giữa các tôn giáo để nêu lên một vài suy tư mà thôi.

Trước hết, giá trị của sách vở và các huyền thoại nói chung, kể cả những bằng chứng hiển nhiên, đều là những gì mà người tu tập cần phải cẩn thận soi xét. Hơn một ngàn năm, từ thế kỷ thứ VI cho đến thế kỷ XIX, xuyên qua nhiều tín ngưỡng và nhiều dân tộc khác nhau, đã có không biết bao nhiêu người sùng kính, ngưỡng mộ và tôn thờ hai nhân vật Barlaam và Joasaph, nhưng rốt lại thì sự thật là như thế, lòng thành kính của mình lại hướng vào một sự vay mượn từ một tín ngưỡng khác.

Sau khi nguồn gốc của câu chuyện được phơi bày thì không biết bao nhiêu học giả, sử gia, khoa học gia... đã thi nhau đổ xô vào đó để nghiên cứu. Công sức và thời giờ mà họ bỏ ra quả không tương xứng với kết quả mà họ mang lại, vì trên thực tế thì những kết quả đó cũng chẳng làm thay đổi được xã hội của chúng ta bao nhiêu, đây là chưa nói đến trường hợp của nhiều người không hề quan tâm đến những chuyện “lắm cảm” như thế. Tóm lại, tu

tập là phải luôn tự hỏi là mình tu tập cái gì, cứu cánh của nó là gì và nó sẽ đưa mình về đâu.

Thật vậy, phần căn bản sơ đẳng trong tất cả các tín ngưỡng nói chung đều khá giống nhau, có nghĩa là có thể tháo ráp và lắp vào tôn giáo nào cũng được. Trái lại, riêng Phật giáo lại thể hiện hai khía cạnh thật khác biệt: sự tu tập và trí tuệ. Sự tu tập tượng trưng cho phần căn bản và còn gọi là phương tiện thiện xảo (tiếng Phạn là *upaya*), còn trí tuệ thì tượng trưng cho kết quả. Phương tiện thì gồm có kinh điển, việc tụng niệm, sự sùng kính, các huyền thoại đủ loại để củng cố lòng tin, v.v.; trong khi đó thì Trí tuệ là cứu cánh, tức là sự giác ngộ và giải thoát.

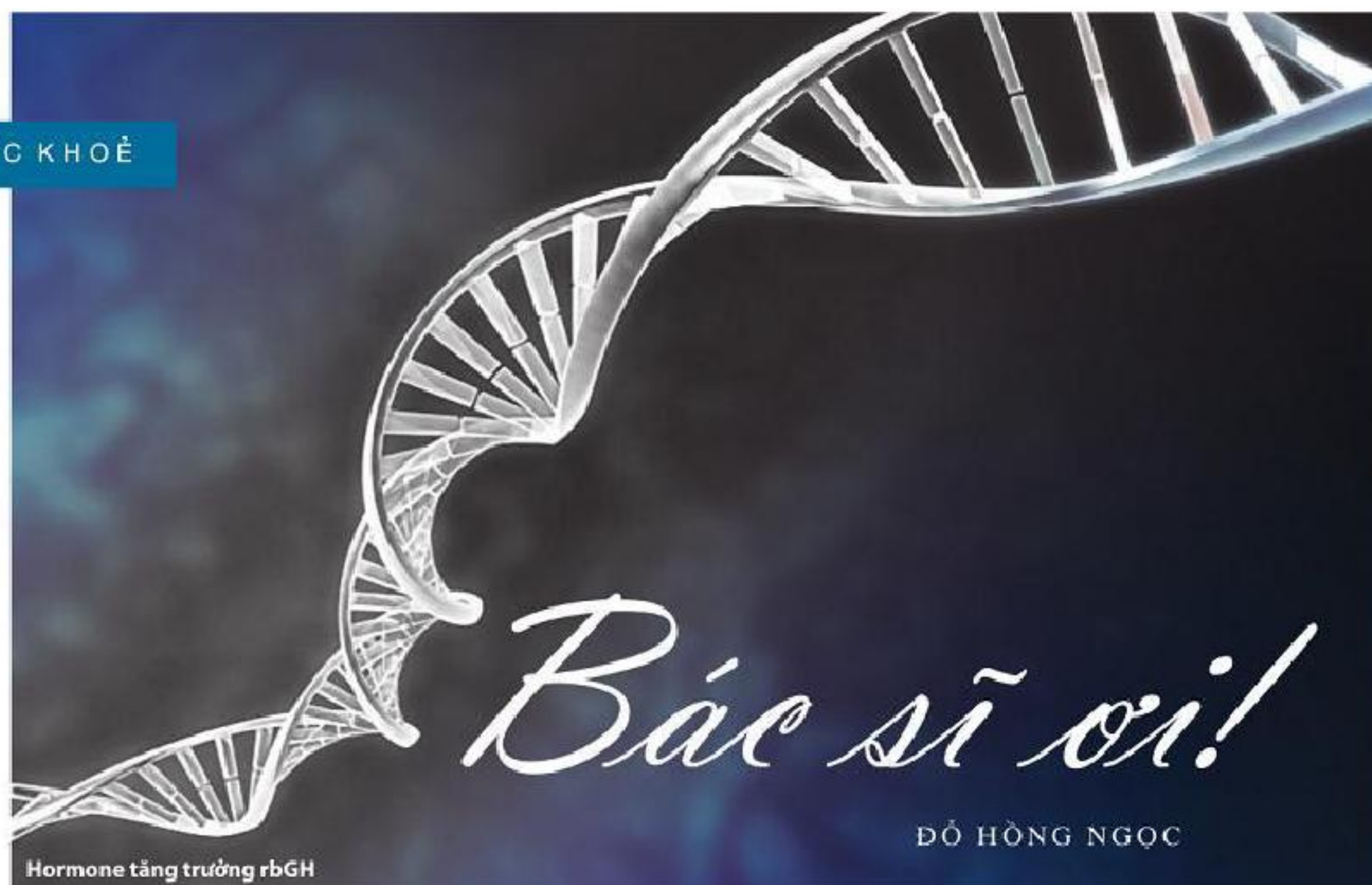
Phật giáo Tây Tạng chủ trương phương tiện phải đi đôi với trí tuệ; nếu chỉ sử dụng phương tiện mà không thấy trí tuệ phát hiện thì việc tu tập ấy cũng hoài công mà thôi. Phương tiện trong Phật giáo Tây tạng rất màu mè và phức tạp, nhưng không nên nghĩ rằng Phật giáo ấy dừng lại ở đó và đơn giản chỉ có thế: nghi lễ thực sự chỉ là phương tiện và phải làm phát sinh ra trí tuệ. Đối với Thiên học thì Thiên sư Daisetz Teitaro Suzuki bảo rằng Từ bi là Bát nhã và Bát nhã là Từ bi. Bát nhã có nghĩa là Trí tuệ và Từ bi là Phương tiện. Từ bi mà không làm phát hiện ra Trí tuệ cũng sẽ không mang lại lợi ích gì nhiều.

Tóm lại, nếu chỉ dừng lại ở phương tiện chẳng hạn như nghi lễ và lòng sùng kính rồi xem đây là đủ thì tu tập theo tín ngưỡng nào cũng thế, tất cả cũng đều giống nhau như người ta thường nói. Câu chuyện Barlaam và

Joasaph đã từng được sử dụng như một phương tiện cho nhiều tín ngưỡng khác nhau, nhưng kết quả mang lại thì rất khó để xác định. Trong một cấp bậc nào đó của tín ngưỡng thì Đức Phật cũng có thể đổi tên để trở thành Joasaph, Josaphat, Yudasaf, Iosaphat, v.v. ■



Một trang sách bằng tiếng Ả-rập về huyền thoại *Barlām và Joaphat*, tồn trữ trong thư viện của tu viện Balamand, thành phố Balamand – Syrie)



Hormone tăng trưởng rbGH

- Bác sĩ ơi? Chuyện động trời vậy mà sao bác sĩ im re?
- Chuyện động trời gì đâu?
- Chuyện mấy đứa nhỏ dậy thì...
- Ồi, dậy thì thì đã dậy thì từ hồi tạo thiên lập địa...
- Nhưng đây là mấy đứa nhỏ xiu, mới 4 tháng tới 15 tháng tuổi mà đã dậy thì...
- Cái này thì lạ. Tôi thỉnh thoảng cũng có gặp trường hợp dậy thì sớm ở bé gái khoảng 6-8 tuổi làm bà mẹ rất lo lắng...
- Còn ở đây mới 4 tháng tuổi...
- Ủi lạ. Có một nguyên tắc trong y khoa là đứng trước một "bệnh cảnh lâm sàng phức tạp" phải nghĩ ngay đến ngộ độc...
- Ngộ độc? Ngộ độc cái gì?
- Có 3 thứ là ngộ độc thuốc, ngộ độc hóa chất và ngộ độc thức ăn...
- Vậy trường hợp này...
- Có thể ngộ độc cả 3!
- Nghĩa là...
- Nghĩa là có thể người ta đã dùng thuốc làm bằng hóa chất rồi trộn vào thức ăn...
- Trẻ con chỉ ăn sữa...
- Thì vào sữa. Bây giờ người ta khoái trộn lắm. Cứ lấy chất này trộn với chất kia, rồi làm ầm lên là xong.
- Làm ầm lên là sao?
- Là quảng cáo, PR, tiếp thị... multimedia mà! Chất này làm cho mau lớn, chất kia làm cho khôn ngoan, chất nọ làm cho trẻ đẹp... Ai chẳng ham? Không thấy rau muống mà mỗi ngày dài thêm 10cm, trái cây để cả tháng không hư sao?
- Trong héo ngoài tươi thôi!
- Ủi thì vậy. Nhưng cũng đủ gạt được người ta rồi.
- Thì đâu có bền...
- Mỗi người bị gạt một lần cũng đủ. Bền chỉ?
- Trở lại chuyện dậy thì sớm của trẻ nhỏ...

- Ủi thì họ đang điều tra đó thôi. Hãng sữa Synutra của Trung Quốc bảo không có trộn gì vào cả. Thế mà không riêng tại Vũ Hán, ở Giang Tây, Sơn Đông, Quảng Đông... và ngay cả Bắc Kinh nhiều bé mới 3 tháng tuổi có chỉ số hormone sinh dục vượt chuẩn đều đã và đang sử dụng sữa bột Synutra. (May mà sữa này chưa vào Việt Nam!) Người ta nghi từ chuỗi thức ăn của bò sữa...

- Vậy ư?

- Phải. Từ năm 2006, ông Nguyễn Thượng Chánh, DVM (Doctor of Veterinary Medicine) ở Montreal đã có bài viết cảnh báo việc dùng hormone (kích thích tố) trong chăn nuôi bò thịt và bò sữa mà một số nước đang sử dụng có thể gây tác hại cho sức khỏe con người. Có ít nhất 12 nước trên thế giới đang sử dụng hormone tăng trưởng trong kỹ nghệ chăn nuôi bò thịt (Mỹ, Canada, Úc, New Zealand, Argentina, Mexico...). Có 6 loại hormones sử dụng để kích thích tăng trưởng của bò là Oestradiol, Progesterone, Testosterone, Zeranol, Trenbolone acetate và Melengestrol acetate (MGA)... Tất cả đều là hormone sinh dục! Oestradiol và Progesterone, Testosterone là loại thiên nhiên, còn Zeranol, Trenbolone acetate và Melengestrol acetate (MGA) là loại tổng hợp. Các loại này đều cấy dưới da sau lỗ tai bò, trừ MGA được trộn vào thức ăn.

- Nhưng để làm gì?

- Thì để bò mau tăng trọng và ngon thịt hơn, lại ít tốn kém. Thời buổi cạnh tranh mà!

- Nhưng hại cho người tiêu dùng?

- Chuyện đó tính sau.

- Còn với sữa?

- Sữa thì khác. Canada và các nước trong Cộng đồng châu Âu thì cấm tuyệt. Họ sợ ảnh hưởng đến trẻ con. Nhưng ít nhất cũng đã có 12 nước đang sử dụng. Ngay ở Mỹ, bò sữa được tiêm hormone tăng trưởng rbGH (recombinant bovine Growth Hormone) dưới tên

thương mại là Posalic, giúp tăng sữa đáng kể. Mặc dù bị chống đối khắp nơi nhưng *rbGH* vẫn được cơ quan FDA cho phép sử dụng từ năm 1993. Nhiều nghiên cứu đã báo động nguy cơ của hormone *rbGH* đối với sức khỏe con người, nhất là đối với trẻ em. Triệu chứng có thể thấy là kinh nguyệt xuất hiện sớm, vú nổi to, râu và lông mọc một cách bất thường, nhưng đáng sợ nhất là khả năng gây ung thư của nó (Nguyễn Thượng Chánh, www.advite.com/ThitvaSuaBo.htm).

Vào những năm 60, một loại hormone tổng hợp là DES (diethylstilbestrol) thường được bác sĩ kê toa giúp dưỡng thai, ngừa hư thai, cũng rất phổ biến trong ngành thú y nhưng một thời gian sau mới biết DES là một hormone rất nguy hiểm, có thể gây ung thư cho bà mẹ và cả cho con. DES đã bị cấm dùng trong y khoa cũng như trong ngành thú y từ đó.

- Cho nên?

- Cho nên ở Mỹ bây giờ có khuynh hướng khuyên mọi người nên mua sản phẩm sữa từ các hộ sản xuất nhỏ lẻ và không nên tin những quảng cáo kiểu như "*rbGH free*"... (không có chứa *rbGH*...) v.v.

- Kiểu này chắc rồi đây mỗi nhà phải tự nuôi một con bò, sáng sáng ra vắt sữa pha cà phê... là tốt nhất!

- Chắc vậy rồi!

- À mà này, tôi hiểu ra rồi bác sĩ ơi!

- Hiểu cái gì?

- Hiểu tại sao bây giờ nhiều cô gái rất xinh mà lại có râu!

- Thiệt hả?

- Chớ bác sĩ không thấy sao? Rồi còn...

- Còn gì nữa?

- Còn đàn ông sao ngày càng thấy giống... đàn bà! Ông ọ, là lướt; lại còn mỹ phẩm phấn son, nước hoa sục nức, vào ra mỹ viện...

- Cũng do hormone trong thức ăn ư?

- Không biết. Nhưng trước kia tôi có đọc một tin trên báo nói ở một con sông nào đó bên Anh quốc, cá được biến thành cá cái hết trơn...

- Sao vậy?

- Họ nói theo một nghiên cứu thì nước sông chứa nhiều hormone sinh dục nữ...

- Ở đâu ra?

- Thì ở trong nước tiểu. Họ nói vì ở đây người ta dùng nhiều thuốc ngừa thai quá, nước tiểu chứa kích thích tố nữ... chảy xuống sông!

- Nghe ghê quá, không biết sông mình có sao không?

- Tây du có kể chuyện thấy trò Đường Tăng uống nhầm nước sông gì đó mà bị mang bầu. Chuyện thiệt chớ không phải chơi đâu nha!

- Ôi chuyện giả tưởng mà! Chắc là bầu giả, thai giả đó thôi! Đừng lo... Bây giờ cũng nhiều người mang thai giả lắm đó!

- Nhưng chuyện này thì có thiệt. Tiến sĩ Lã Văn Kính, Viện phó Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam, cho biết: "Trong 428 mẫu thức ăn gia súc, có đến

47 mẫu dương tính với hormone kích thích tăng trưởng họ β -agonist, phổ biến nhất là Clenbuterol, một loại hormone đã bị Bộ NNPTNT nước ta cấm sử dụng từ năm 2002. Nhiều nhất là thức ăn cho heo (96,5%), còn lại là thức ăn cho gà (3,5%)".

Viện cũng đã lấy 3 mẫu thịt heo ngẫu nhiên ngoài chợ để xét nghiệm. Kết quả một mẫu thậm chí còn dư Clenbuterol cao gấp 60 lần tiêu chuẩn cho phép. Theo quy ước quốc tế thì hormone họ β -agonist dùng trong giai đoạn "vỗ béo" thì được nhưng không được phép còn tồn dư trong thịt heo. Khi dùng hormone này, heo lớn mau, mỡ, vai nở nên có hình dáng đẹp hơn, tỷ lệ nạc cao hơn, màu sắc thịt đỏ tươi hơn và giá bán nhờ đó cũng sẽ cao hơn. Ở Ý, Pháp, Trung Quốc... đã có người bị ngộ độc. Các nhà nghiên cứu cho biết hormone này gây chứng tim đập nhanh, tăng huyết áp, rung cơ, đau cơ, nhức đầu, hồi hộp, lo lắng, ảnh hưởng xấu đến sự trao đổi chất...

- Nghe nói ai dám ăn nữa?

- Đâu có sao! Nước mình đã cấm từ lâu rồi mà. Và lại, nếu dùng trong giai đoạn vỗ béo thì vẫn được cho phép, miễn là không còn tồn dư trong thịt!

- Phức tạp quá! Nghe bắt mệt. Tôi sắp đi ăn đêm cưới đây. Kiểu này tôi sẽ lựa tôm cho chắc ăn.

- Tôm hả?

- Tôm thì sao?

- Chớ bác sĩ không biết bây giờ người ta đang biến tôm cái thành tôm đực hết trơn à?

- Trời ơi, để làm gì?

- Thì để làm... ăn chớ làm gì! Theo tài liệu hướng dẫn thì tôm càng xanh, *M. rosenbergii*, đang được nuôi nhiều ở một số nơi, thịt thơm ngon, nặng cân, tăng trọng nhanh, lại dễ nuôi, ít tốn kém. Có điều trong đàn tôm nuôi, từ tháng thứ 2 trở đi, chúng phân chia thành tôm đực và tôm cái. Trong khi tôm đực tăng trưởng nhanh, to lớn, nặng ký thì tôm cái yếu điệu, ốm o như người mẫu, chuẩn bị lo ôm trứng, ấp trứng, vì vậy mà ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả kinh tế, không đạt kích thước "hàng hóa", giá tôm cái thấp hơn nhiều so với tôm đực. Vậy là người ta cải biến, can thiệp trên tuyến Androgenic gì đó của tôm để biến tôm cái thành tôm đực!

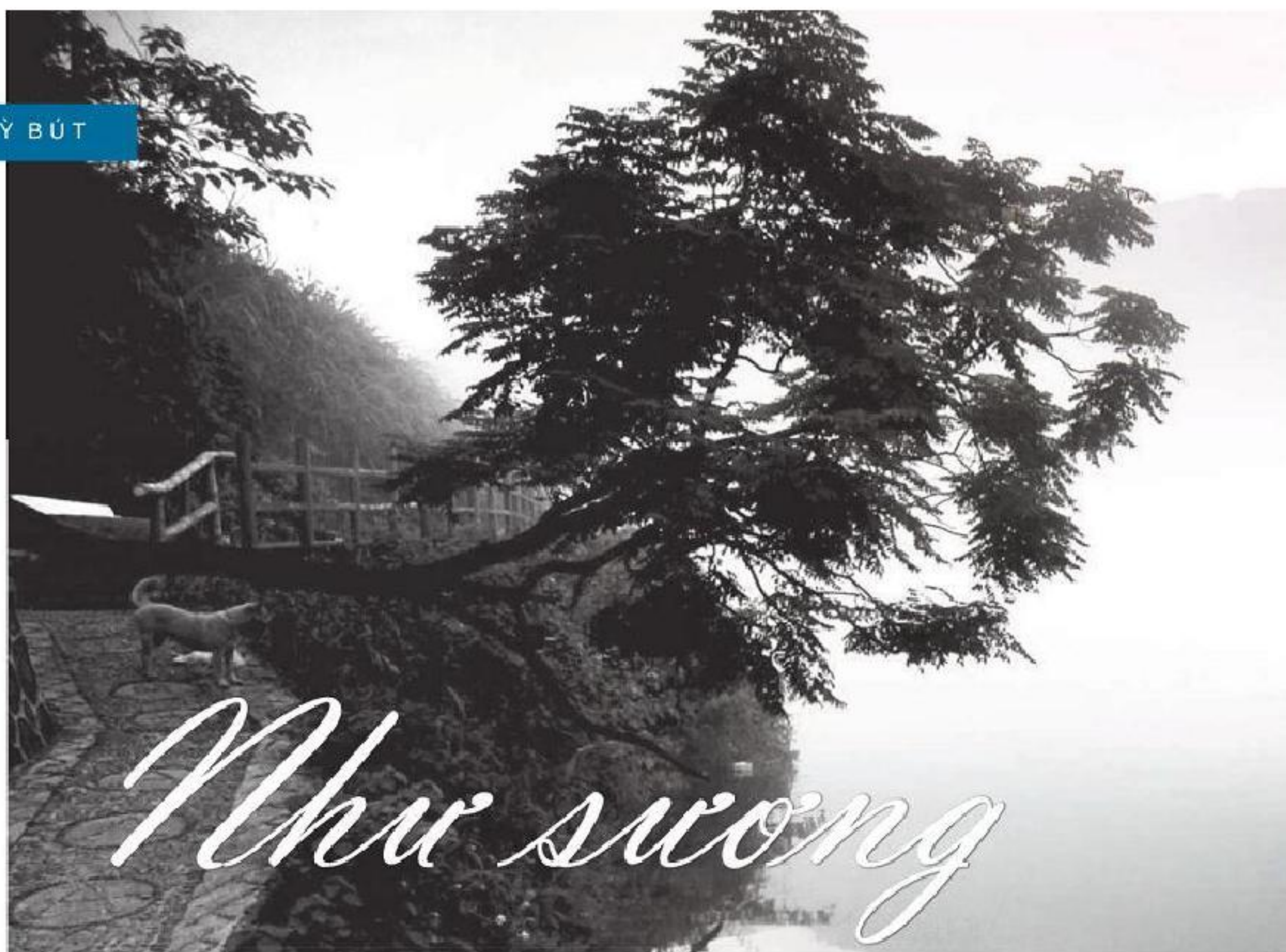
- Nói làm tôi nhớ đến chuyện...

- Chuyện gì?

- Chuyện ở một vùng nuôi bò sữa, người ta làm thịt bò đực khi nó còn nhỏ xíu (bê con) để bán cho quán nhậu, vì nuôi nó tốn cỏ trong khi con cái thì được cung lắm, nuôi bằng loại cỏ đặc biệt, chữa bệnh bằng thuốc kháng sinh, rồi phối tinh nhân tạo nhiều đợt để lấy sữa...

- Hèn chi mà bò chẳng điên lên vì bị lệch lạc giới tính. Không còn dịp được giao phối lãng mạn trên đồng cỏ xanh mượt như ngày xưa... Rồi đây không khéo tôm cũng điên lên... Bò điên, tôm điên...

- Thôi đừng nói nữa. Tôi... lo quá! ■



"Tuổi già hạt lệ như sương
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan"
(Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến)

Một người bạn vừa mất! Bạn thân. Hai người chồng cùng dạy một trường. Hai người vợ học chung một lớp. Anh tuy lớn tuổi nhưng lập gia đình muộn hơn, chính chúng tôi làm mai và đi họ trong đám cưới. Mấy chục năm sau lại đi họ trong lễ thành hôn con trai đầu lòng của anh ấy. Chúng tôi đã chia sẻ với nhau những năm tháng khó khăn, nuôi con nhỏ rồi chứng kiến chúng trưởng thành. Giao thiệp nhiều nhưng bạn thì hiếm. Đó là một trong số rất ít những người bạn mà chỉ cần một bình trà ngon là có thể râm ran câu chuyện không dứt, là có thể phơi bày gan ruột cho nhau chẳng chút e dè. Anh ở một trong những ngôi biệt thự lớn ở Vĩ Dạ. Rảnh rỗi chúng tôi thường xuống đây. Khu vườn thoáng rộng, cây cỏ xanh mướt và rất nhiều hoa. Đặc biệt có hơn trăm gốc mai do anh mới trồng thêm cho phù hợp với ngôi biệt thự mang tên một loài hoa thanh khiết. Năng chiếu còn thấp sáng trên đầu những ngọn cau cao vút. Tiếng tụng kinh hòa trong tiếng mõ, tiếng chuông của ngôi chùa bên cạnh ngân nga, lan tỏa... Chúng tôi ngồi như thế trong khu vườn yên tĩnh... Có khi tán chuyện đời. Lắm lúc cũng chẳng cần nói gì, chỉ yên lặng... Đối diện đàm tâm... Buổi chiều chậm chậm đi qua và lòng thấy nhẹ nhàng, thư thái...

Anh bệnh nặng đã mấy năm nay. Sức khỏe cạn kiệt như ngọn nến vơi dần. Chúng tôi lo lắng nhưng vẫn hy vọng. Một chút hy vọng mơ hồ, mong manh... Trong đời, nếu không hy vọng làm sao sống được. Thế nhưng, bệnh bỗng nhiên trở nặng rồi anh ra đi... Những dòng người đến viếng: bà con, bạn bè, đồng nghiệp, rất nhiều thế hệ học trò... Những vòng hoa, những dòng chữ tiếc thương... Và cả đến hơn một trăm gốc mai trong vườn cũng đeo băng trắng để tang anh... Người trồng cây, yêu cây. Và cây cũng tiếc thương người... Hôm trước ngày đưa tang trời bỗng đổ mưa. Bão rút hay áp thấp nhiệt đới đâu đó ở miền Trung. Càng về tối mưa càng nặng hạt. Chúng tôi ai cũng lo nhưng vẫn hy vọng. Lần này thì đúng thật. Sáng hôm đi quan trời tạnh ráo. CƠN MƯA HIẾM HOI GIỮA MÙA HÈ CHÁY NẮNG MANG LẠI KHÔNG KHÍ MÁT MỀ, DỄ CHỊU. Cây cối, đường sá vừa được trận mưa tắm gội, sạch bóng, tinh tươm... Năng mới vàng tươi, không nóng và trong như lọc. Mộ anh nằm lưng tựa vào núi nhìn xuống lòng hồ phẳng lặng. Tít tắp trên đầu, trời xanh như chưa bao giờ xanh đến thế. Rải rác trên các ngọn đồi hoa mua ngan ngát tím... Anh hiền lành, thích lắng nghe hơn bày tỏ quan điểm. Nhưng tôi nhớ một lần, khi sức khỏe đã yếu anh muốn đi dạo một vòng phố. Anh nói, giọng nhỏ nhẹ: "Đi giữa màu xanh của Huế chẳng để làm gì cũng thấy



LÊ THI CHÂN TỬ

thích". Anh yêu thiên nhiên, thích sự khoáng khoát. Được an nghỉ ở một nơi như thế cũng phù hợp.

Anh chỉ là một nhà giáo bình thường. Cuộc đời và sự cống hiến thầm lặng như dòng sông chảy nặng phù sa. Và anh ra đi nhẹ nhàng, thanh thản trong sự tiếc thương của mọi người. Ngẫm cho cùng, đời người sống như thế và chết như thế đã là có ý nghĩa lắm rồi, còn mong mỏi gì hơn... Sau ngày đưa tang, chồng tôi xóa sổ điện thoại của anh trong máy của mình. Thấy ánh mắt rung rung và vẻ mặt tư lự của anh ấy, tôi hiểu. Những con số biến mất... Một cuộc đời đi qua... Cũng sổ điện thoại này thường vang lên giọng nói quen thuộc của anh; "Đang chờ ở cà-phê Thành Nội, hai vợ chồng ra nghe". Cả bốn chúng tôi ngồi quây quần bên những tách trà. Buổi chiều, quán thường không đông khách lắm. Tiếng nhạc du dương, tiếng nói chuyện khe khẽ, thỉnh thoảng có tiếng xe lướt qua rồi trả lại không gian yên tĩnh như vốn có. Mặt trời tạo thành một quang đốm ối và ánh sáng vàng ủa của buổi hoàng hôn phủ lên thành phố quách rêu phong một vẻ buồn man mác, bí ẩn... Nhiều lần chúng tôi ngồi bên nhau cho đến lúc tối hẳn mới ra về. Từ đây chẳng bao giờ còn nghe tiếng anh vang lên từ sổ máy ấy... Một đời người đến rồi đi cũng đột ngột và nhanh như việc xóa sổ điện thoại của người bạn thân trong máy của mình. Nhưng đối với chúng tôi kỷ ức về anh vẫn còn xanh mãi...

Tôi đã nhiều lần đọc một trong rất ít bài thơ viết về tình bạn thuộc loại hay nhất của văn học cổ điển Việt

Nam. Bài *Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến. Bài thơ khóc bạn nhưng ít nước mắt. Rất ít. Thế mà ở những dòng thơ cuối, người đọc cứ có cảm tưởng, dù cố kìm nén, tiếng lòng của nhà thơ, nức nở, nghẹn ngào cứ trào dâng lên đầu ngọn bút.

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua, không phải không tiền không mua
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa
Giường kia treo cũng hững hờ
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn...*

Bà con ruột thịt ràng buộc vì huyết thống. Bạn bè gặp gỡ bởi sự đồng điệu và cái "duyên trời" (*Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời* - Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến). Không có cơ duyên mẫu nhiệm làm sao giữa biết bao người ta lại gặp gỡ và gắn bó với một ai đó trong suốt bao nhiêu năm. Chúng tôi không được như người xưa dùng mắt xanh để tìm tri kỷ giữa chốn trần ai, để rồi khi người bạn thân ra đi, giường treo lên, đàn đập gãy... Đến tuổi này, chẳng còn lạ gì chuyện sống chết, nó là hai mặt của cuộc đời. Thành, trụ, hoại, diệt trong từng sát-na. Và ai trong chúng ta, kẻ trước, người sau, rồi cũng đi đến điểm hẹn cuối cùng. Có điều, biết là một mà trải nghiệm nó là một điều khác... Một người bạn thân ra đi, đi mãi... Bỗng dưng thấy cuộc đời quạnh hiu quá! Nhưng mà thôi, âu cũng là dịp ta nhìn cái chết thật gần để những người còn lại xích gần nhau hơn và sống tốt hơn... ■

Ngày 19/8/2010

THẢO VY



1. Ngày 17-8, ngồi trong cơ quan, tôi bỗng nhận được điện thoại của anh Th. Cũng lâu rồi mới có liên lạc điện thoại.

- "T. có biết số điện thoại của anh L. T.?"
- "Biết, có gì không anh?"
- "Hỏi thăm tí chơi"
- "OK"
- "Hỏi thăm thêm T. một chút được không"
- "Chuyện gì dzậy, cha?"
- "Hỏi thăm về các vấn đề liên quan đến toán học"
- "Chắc muốn dàn dựng tin tức gì về Ngô Bảo Châu chứ gì?"

2. Mười hai giờ trưa 19-8, điện thoại rung, số lạ hoắc.

- "Nhận ra ai không?"

Nghe giọng nói tôi nhớ ra ngay, hơi ngạc nhiên vì quá lâu ngày mới có liên lạc.

"Nhận ra người đẹp rồi"

"T. có số của anh L. T. không?"

"Ừa, bạn đang làm việc ở đâu?"

Nãy giờ có không biết bao nhiêu người hỏi về L. T."

"Ờ tờ báo X."

"Rồi, ghi đi."

"Hỏi thăm một chút được không?"

"Thôi, gặp sau nhé."

3. Hai giờ mười lăm chiều 19-8, một người thầy gọi điện thoại. Đang nghĩ bụng: "không biết có hỏi số điện thoại L. T. không?"

- "T. bật TV lên coi, Ngô Bảo Châu vừa được phát giải thưởng Fields, là người nhận thứ hai"

- "Cám ơn thầy nhưng em chưa tìm được kênh"

- "Trên mạng đó"

- "Dạ, nhà em không nối mạng".

4. Ngày 19-8 vừa qua đúng là ngày đặc biệt. Ngô Bảo Châu nhận giải thưởng Fields ở Ấn Độ. Thông tin đó được chuẩn bị dư luận từ trước trên báo *Tuổi Trẻ*. Mọi người chờ đợi. Các phóng viên báo đài nháo nhào đi tìm thông tin. Một số nhà báo chợt truy cập bộ nhớ (có khi... đẩy bụi bặm vì... lâu ngày không truy xuất tới), bỗng phát hiện ra có quen với anh chàng T., bèn gọi điện thoại. Nhờ Ngô Bảo Châu, một người chẳng quen biết gì T., tự nhiên T. được nói chuyện với vài bạn cũ. Nếu viết theo kiểu *Tam Quốc Chí* hay *Jataka*, câu chuyện chắc có thể rút gọn thành hai câu: "Ngày 19-8, Ngô Bảo Châu nhận giải thưởng Fields ở Hyderabad. Ở Việt Nam, một số người quen gọi điện cho T.". Đọc hai câu này (cũng tương tự như đọc sách *Xuân Thu* của cụ Khổng), các bậc thức giả sẽ gật gù: "ôi, ôi, trùng trùng duyên khởi". Còn các bạn tuổi teen thì nói: "hiếu được... chết liền".

5. Rất nhiều người Việt đang than phiền rằng Việt Nam không có một triết lý giáo dục. Cách đây vài hôm, chắc là... dư cơm, T. bỗng chợt thắc mắc: giáo dục là gì? giáo dục để làm gì? Mở sách ra, T. thấy câu "giáo dục là quá trình hình thành toàn vẹn nhân cách...". T. thắc mắc tiếp: nhân cách là gì? Nhân cách là hệ thống phẩm chất cá nhân, là tổ hợp thái độ... T. lạc vào mê hồn trận nên đổi chiến thuật. T. hỏi chị XX bán xôi: "Chị cho con đi học để làm gì?". "Để cho nó sướng về sau". T. bỗng cảm thấy rất cảm phục chị bán xôi. T. tưởng tượng chị trả lời trực tiếp như Tuệ Trung Thượng Sĩ 600 năm về trước: "Freud là Freud, XX là XX".

6. Kể từ sau thời ngài Tuệ Trung, những câu trả lời tự tin kiểu như "để cho nó sướng về sau" sẽ bị các nhà "Tử viết", Kant học, Hegel học, Marx học, Freud học, Rogers học không đồng ý: "chị trích câu đó từ đâu, Khổng Tử, Kant, Hegel, Marx, Freud, Rogers có viết như vậy đâu? Chị có hiểu đúng ý của người ta không?". Chị XX đâu có in sách, đọc sách làm sao mà trả lời được. Chị trả lời theo cái hiểu biết còn bàng bạc đầu đó trong lòng người Việt. Đến thời Nguyễn Trường Tộ, người ta cười dân Việt Nam không biết tới cái đèn lộn đầu xuống đất, không biết cái xe chỉ có hai bánh. Người Việt như chàng trai nọ trong *Đại Bát Niết Bàn kinh*, ngày ngày đi tìm của báu, có viên ngọc ở trên trán nhưng... nó bị lún vào trong mắt hút mà không biết. May mắn, đến ngày 19-8-2010, chàng trai họ Ngô lại giúp mọi người nhớ lại là mình đang có Bảo Châu.

7. Sau thời Nguyễn Trường Tộ, người Việt phải chiến đấu 100 năm để có cơ hội giành lại độc lập vào ngày 19-8-1945. Suốt thời gian 100 năm đó, khoa học, triết học, văn hóa phương Tây thâm nhập vào Việt Nam và lấn át tất cả. Có ý kiến cho rằng người Việt bị "hội chứng bánh bao". Chuyện kể về một chàng trai sống ở trong vùng sâu, vùng xa ở Việt Nam, nơi chẳng có bánh bao. Rồi đột nhiên, nhân duyên đầy đủ, anh được sang Bắc Kinh học tập. Lần đầu tiên trong cuộc đời anh được ăn cái bánh bao. Khi về nước, đi đâu anh cũng nói: "anh (hay chị, em, cháu...) không biết đâu, ở bên Tàu có loại bánh ngon 'tuyệt cú mèo' gọi là bánh màn thầu". Điều anh ta nói đủ để làm cho khá đồng người kém lịch duyệt tin sái cổ. Đến khi... có người cũng từng đi đây đi đó dắt anh ta ra Hồng Kông bên hông... Chợ Lớn, chỉ cho anh ta thấy loại bánh 'tuyệt cú mèo' ấy, được bày bán đầy đường, mà dân sở tại gọi là... bánh bao.

8. Ngành Toán học Việt Nam, có thể xem như khởi đầu từ năm 1945, khi giáo sư Lê Văn Thiêm nhận được bằng tiến sĩ Toán học, đến 19-8-2010, ngày Ngô Bảo Châu nhận được giải thưởng "Nobel Toán học" là 65 năm, bằng thời gian nước Việt Nam giành độc lập. Trong ngành Toán chắc là không còn "hội chứng bánh bao" nữa. Tuy nhiên, trong các ngành khác chưa chắc là không còn hội chứng ấy. Cách đây vài năm, giáo sư toán học Hà Huy Khoái (lại cũng là nhà toán học) phát biểu một công thức... động trời: "Việt Nam không có khoa học xã hội", mà viết theo công thức toán học thì "Khoa học xã hội Việt Nam=0".

Tưởng là có một cuộc tranh luận dữ dội, thế nhưng sau đó GS Khoái không phát biểu gì nữa. Xem ra, với mức độ đòi hỏi đẳng cấp như Ngô Bảo Châu, các ngành khoa học xã hội còn phải cố gắng nhiều.

9. Ngô Bảo Châu nhận giải Fields vào ngày 19-8, đúng ngày Cách mạng Tháng 8. Đường như người Việt qua một bước ngoặt mới. Người trao giải thưởng cho Châu là Tổng thống Ấn Độ. Ấn Độ là nơi phát sinh ra đạo Phật, là cột trụ tư tưởng người Việt Nam thời Lý, Trần. Phải chăng, các dấu hiệu hồi sinh của dân tộc đang trở lại? Phải chăng "hội chứng bánh bao" không còn ám ảnh người Việt nữa? ■





Phản

HUỲNH KIM BÙU

Bên trong các ngôi nhà cổ, chủ nhà thường trưng diện nhiều đồ gỗ quý giá: án thờ, tràng kỷ, tủ chè... Và thường không thiếu bộ phản.

Phản là một bộ ván, thường từ 1 đến 2 – 3 tấm ván ghép lại, đặt trên một bộ chân phản vững chãi, còn gọi là *bộ ngựa*. Phản là loại tiện nghi đồ gỗ, dùng để nằm, ngồi, như giường, chõng... Mỗi tấm ván thường có gáy từ 15 – 20cm, rộng 0,6m, dài 1,8m. Phản là tên gọi chung của các loại phản, chứ còn có *phản gỗ*, *bộ gỗ*, *ngựa gỗ* (phản làm bằng gỗ gỗ – khá phổ biến) *phản vuông* (có mặt phản hình vuông), *phản giữa*, *phản chái* (do vị trí phản đặt ở trong nhà)...

Người ta cũng hay gọi phản: *bộ ván ngựa*. Hối xưa, những đồ gỗ quý thường được chạm trổ, nhưng phản là một trường hợp ngoại lệ, không chạm, tiện, chỉ cần cửa cắt thẳng, bào láng. Ngoại trừ bộ chân đế được tiện hình mũi hài, hình lưỡi ốc sên, cho vừa đẹp vừa vững. Những bộ ván ngựa xoài, mít và gỗ tạp... thường mỏng, đặt trên bộ chân đế thẳng, không tiện.

Giá trị của các bộ phản tùy thuộc vào cây gỗ danh mộc hay tạp, sự dày mỏng và số tấm ván ghép lại. Phản giá trị nhất là phản gỗ, do 3 tấm ghép lại, tạo thành phản vuông (1,8m x 1,8m), bẻ thế. Ngôi nhà cổ ở Bình Định là các nhà lá mái 3 gian hoặc 5 gian hai chái, nó sang trọng từ ngoài tới trong: kể từ bậc thềm

đá ong, nền gạch Bát Tràng, hàng ba cột hè, hàng cửa cổng, bàn khoa... đến bên trong nhà - nơi có một không gian nội thất âm u, tĩnh lặng được làm bằng cột, kèo, đà, ván chạm hoa văn và hiển hiện một màu nâu láng của nước gỗ. Trong nội thất đó, người ta tùy theo giá trị và sự bề thế của phần mà tìm chỗ kê đặt cho thích hợp, tương xứng. Bộ gỗ vuông bao giờ cũng đặt ở gian giữa nhà (nên còn gọi *phần giữa*) những bộ gỗ 2 tấm trở xuống đặt ở gian chái tây mở cửa sổ ra vườn cây, còn gọi *phần chái*. Nhiều nhà có bộ ván đặt ở hiên trước, ngó ra sân, ra ngõ. Cách bài trí phần trong đình, chùa cũng chẳng khác mấy các tư gia; chỉ khác, đình, chùa có không gian nội thất lớn, cho nên kê đặt được nhiều bộ phần hơn.

Người ngồi phần có ngôi thứ, chứ không phải ai muốn ngồi vào phần nào cũng được. Chỉ có bậc trưởng thượng mới được ngồi phần giữa (cũng có tên gọi *phần vuông*), còn phần chái dành cho hàng vai vế thấp hơn. Nội tôi được người trong làng An Định gọi là Ông Cả. Trong gia đình, chỉ có Nội ngồi phần giữa, mỗi khi có khách là thầy Đồ Thịnh, ông Tú tài Hiến, ông Cử nhân Đạt... đến chơi nhà, Nội mời khách cùng Nội ngồi phần giữa; khi ra đình họp hương đảng, Nội cũng được mời ngồi phần giữa cùng với các bô lão, kỳ mục khác trong làng An Định. Vì việc ngồi phần giữa, phần vuông là vinh dự, cho nên nảy sinh ra cái tệ trong hương đảng: Tranh ngôi trên, tức tranh chức quyền và ngôi thứ. Trên phần giữa thường được đặt cái tợ (bàn con, chân thấp) ở giữa; ở xung quanh là các gối xếp (gối nhiều tấm vuông, may liên kết, chống khít lên nhau, có thể mở thấp cao tùy ý). Trên tợ đặt kỷ trà, xe điếu, ống nhổ, sò thuốc lá... Dưới gầm tợ để sẵn một chõng chừng 4-5 cái quạt lông gà nhuộm xanh đỏ tím vàng, hình trái tim, tra cán dài. Trong những ngôi nhà lá mái, vẫn có những bộ ván tạp đặt dưới nhà bếp, cho bà nội tướng dọn mâm cơm thường bữa của gia đình.

Người quê tôi vẫn "ca ngợi" thú nằm phần gỗ. Phần gỗ hình như để ngồi là chủ yếu, nằm thì cũng chỉ ngả lưng tạm nơi phần chái, không được nằm phần giữa, vì ở trước bàn thờ gia tiên. Ai nằm phần gỗ thì được hưởng một cái thú tuyệt hảo: Hơi mát từ phần gỗ tỏa ra rồi thấm vào làn da, thớ thịt, nhất là trong thời tiết nóng bức của mùa hè. Mà cái hơi mát đó ở đâu? - Trước hết, ở trong thớ gỗ gỗ, rồi thớ gỗ gỗ lại được tắm một lần hơi mát nữa của không gian nội thất nhà lá mái. Cũng nên nói, nhà lá mái ở quê tôi là một kiểu nhà đặc biệt, trát vách đất hom vôi, hai lớp mái: mái trên lợp tranh rạ, che nắng mưa; mái dưới đắp lớp đất nhồi rơm dày trên lớp sà đan nan tre (hoặc trên lớp ván dày đóng khít nhau) giữ cho bên trong nhà luôn dịu mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Phần gỗ chỉ thích hợp với nhà lá mái với vườn tược xung quanh, chỉ có nhà lá mái mới "phát huy" được cái thế mạnh

của phần gỗ; không thích hợp với nhà xây gạch, lợp ngói Tây, nhà ống đúc bê tông của thời nay. Ở quê tôi, các gia đình giàu sầm phần gỗ, đặt bên cạnh tràng kỷ, tủ chè, giường hộp, để làm tiện nghi sinh hoạt, chủ nhà thể hiện trọng cổ, làm của cải truyền tử lưu tôn... Nhà bình dân cũng ráng sắm bộ ván mỏng để thêm chỗ ngả lưng sau buổi lao động mệt nhọc, gặp lúc cần vác ra bờ mương, tấn ngang mương, tháo nước vào ruộng, cũng tiện. Kỷ niệm tuổi thơ ấu đáng nhớ nhất của mấy anh em nhà tôi với các bộ phần là mỗi khi cha mẹ vắng nhà, chúng tôi bày ra một đám hát bội, lấy một bộ phần làm sân khấu, còn tuồng tích thì sẵn thuộc lòng Cổ thành, San hậu...

Đọc văn chương bình dân, gặp không ít ca dao, câu đố về cái phần: "*Đưa lưng cho thế gian nhờ / Lòng ngay dạ thẳng bị ngờ bất trung*"... "*Anh cưới em chẳng phải bạc tiền / Mời anh ngồi phần chái, cha "riêng" đôi câu: / Đã thương thì phải thương lâu / Tôi chừng đâu bạc vẫn âu duyên tình / Cha mẹ ngồi phần giữa tác thành / Nhận sinh lễ một trăm quả cau xanh, đủ rồi*". Còn nhiều lắm. Trong dân gian Bình Định xưa giờ, người ta vẫn thích kể chuyện: Lía lập sơn trại ở Trông Mây¹ để đánh đổ bất công, cướp của nhà giàu chia cho nhà nghèo. Một đêm ở nơi sơn trại, Lía đang ngủ say trên phần gỗ, bất thành linh bị quân Tổng đốc Bình Định tấn công, chàng giật mình thức dậy, không sẵn gươm đao, bèn xách phần làm vũ khí chống cự. Đánh một chặp, quân Tổng đốc khiếp hãi, thua, chạy tán loạn. Lía Thắng trận, nhưng mệt quá, bèn bứt dây rừng, cột phần đeo trên lưng, thùng thẳng đi đến một sườn núi, tựa lưng mà nghỉ.

Thời vàng son của phần gỗ đã qua rồi, cái thời kéo dài tới ngàn năm! Đó là thời ông cha ta ở nhà lá mái, mặc áo dài khăn xếp, bộ vạt hò, nói chuyện *chi hổ giả dã*... Các cụ ngồi phần gỗ, xếp bằng xung quanh tợ, xung quanh kỷ trà, một cánh tay, một hông tựa vào gối xếp, phe phẩy quạt lông... Ngồi lâu, đến bình trà nhiều lần súc bã, chuyện thêm để tài mà hứng chí cứ tăng thêm. Ngày nay, nhà lá mái mỗi ngày mỗi ít, phần gỗ cũng bởi đó mà ít theo. Ít thấy có chủ nhân những ngôi nhà Tây, nhà hiện đại có ý tưởng sắm bộ phần, nếu thấy cần, họ đã có tấm đi-văng thay. Người thời nay mặc Âu phục, bụng bự, nói chuyện từ trên xa lộ thông tin kéo xuống, nhờ mà có được nhà hoài cổ nào đó mời ngồi phần gỗ uống bia Tiger, thì anh bạn thấy trước như mình sắp bị tra tấn, hành xác, cho nên tìm cách lảng. Sự vật hiện hữu phụ thuộc vào cái dụng, một khi cái dụng không còn nữa thì sự vật mất, chỉ tội cho cuộc sống bị giảm đi ít nhiều lý thú.

Chú thích:

1. Lúc Lía bị bao vây lâu, ca dao Bình Định có câu: "*Chiều chiều ến liệng Trông Mây / Cảm thương chú Lía bị vây trong thành*". Lại còn có Vè chàng Lía lời lẽ bi tráng để cảm thương người nghĩa khí. ■

Di sản nền mỹ thuật thời Lý được triển lãm tại Hà Nội

Việc phát lộ chân móng tháp Phật chùa Phật Tích (ngôi chùa cổ thuộc xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nằm trong địa bàn nơi đã diễn ra sự gặp gỡ giữa Phật giáo Ấn Độ và tín ngưỡng dân gian Việt cổ, được lịch sử Phật giáo Việt Nam gọi là Trung tâm Luy



Lâu), cùng với những phát hiện khảo cổ học về Hoàng thành Thăng Long đã mang lại những nhận thức mới đối với nền mỹ thuật thời Lý. Để quảng bá nhận thức đó, Đại học Mỹ thuật Việt Nam tại Hà Nội đã tổ chức một cuộc triển lãm có chủ đề "Phật Tích - Di sản Mỹ thuật thời Lý" tại số 42 đường Yết Kiêu, Hà Nội. Cuộc triển lãm được khai mạc vào 18 giờ ngày 20-8 và sẽ kéo dài đến hết ngày 5-9-2010. Trong khuôn khổ cuộc triển lãm, vào ngày 25-8-2010 cuộc hội thảo khoa học với chủ đề, "Mỹ thuật thời Lý, mối quan hệ nghiên cứu đa liên ngành" đã có sự tham gia của các học giả và nhiều người quan tâm. (PV)



Lễ bế mạc trường hạ mùa An cư và Đại lễ Vu-lan Phật lịch 2554 đã được tổ chức trọng thể trên cả nước

Liên tục từ đầu tháng đến hết rằm tháng Bảy âm lịch, các địa phương trên cả nước đã lần lượt tổ chức lễ bế mạc trường hạ mùa An cư và Đại lễ Vu-lan Phật lịch 2554 một cách trọng thể và trang nghiêm. Cụ thể, tại TP.HCM, lễ tổng kết khóa An cư kiết hạ năm 2010 diễn ra tại Nhà Truyền thống-Văn hóa Phật giáo TP. đặt ở chùa Phổ Quang, quận Tân Bình vào sáng 19-8-2010 (nhằm ngày 10 tháng Bảy năm Canh Dần). Trước đó, Thành hội Phật giáo Hà Nội cũng đã tổ chức lễ Tạ pháp tại trường hạ Tùng Lâm Quán Sứ vào ngày 17-8-

2010 (ngày 8 tháng Bảy Canh Dần). Trong dịp này, ở hầu hết các nơi, Phật tử đã tiến hành lễ dâng y và cúng dường tứ sự mừng chư Tăng Ni vừa được thêm tuổi hạ, thể hiện sự thành tâm ủng hộ một Tăng bảo đầy đủ Giới, Định, Tuệ để làm chỗ dựa cho sự tu học của hàng cư sĩ. Đặc biệt, trong mùa Vu-lan năm nay, Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, đã dẫn đầu một đoàn hoằng pháp của Trung ương Giáo hội viếng thăm, giảng pháp, và chứng minh lễ lạt trong cộng đồng người Việt tại năm quốc gia châu Âu là Cộng hòa Slovakia, Cộng hòa Czech, Ba Lan, Hungary và Đức. (PV)

Có thêm một ngôi chùa mới trên đất Nga

Ngày 15-8-2010, người lãnh đạo tinh thần Phật giáo Nga, ngài Pandito Hambo Lama Damba Ayushev, đã khánh thành một ngôi chùa mới tại thành phố Chita ở phía Đông vùng Siberia. Mô tả đây là một "sự kiện lịch sử", vị thượng thủ Phật giáo Nga nói rằng sau St. Petersburg, Chita nay đã trở thành thành phố thứ hai của Nga đón mừng một tự viện Phật giáo. Ý định xây dựng một ngôi chùa tại Chita đã có cách nay 16 năm, nhưng công việc chỉ mới bắt đầu tiến hành vào năm 2007. Cách đây 111 năm, tại Chita đã có một ngôi chùa, nhưng 15 năm trước, không rõ lý do gì, ngôi chùa ấy đã bị thiêu rụi. Ngôi chùa mới được cho biết là đã được xây

dựng theo mô hình của ngôi chùa cũ, mang phong cách kiến trúc Buryat, một tộc người thiểu số gốc Mông Cổ. Tượng Phật bằng đồng thau cao 1,8m cũng như những kiến trúc đầu rồng và các bệ thờ đều được đúc tại Ulan Bator, thủ đô Mông Cổ. (PV. Theo Buddhist Channel)



Hẹn

TRẦN BÍ NGẠN

trời mây trắng con đường xưa không nói
và mai sau cũng chẳng nói điều gì
người không hỏi vì lòng không còn nữa
ngửa bàn tay ngày tháng mọc vô vi

tôi cứ hẹn một đám mây màu trắng
ngàn năm sau không biết tự nơi nào
đường vẫn thế một lời Không thăm thăm
thời gian ơi hãy cứ gắng xông xáo

tôi vẫn hẹn những con người gặp gỡ
từ đầu tiên cho tới lúc cuối cùng
giữa chúng ta muôn đời lòng bỏ ngõ
nên vô vàn tất yếu với khi không

lòng vô tận nên hẹn hò vô tận
ngọn lá này khuôn mặt khác đàng kia
cơn mưa nhỏ lạc trong rừng năm trước
chào bé thơ mai một sẽ sanh về

đời rỗng rang những hoa trời muôn thuở
hẹn rất nhiều nên đời cứ bao la
mưa năm cũ cũng về đây giọt nước
khuôn mặt này chưa có thuở chia xa.

Mầu nhiệm

TRÀ KIM LONG

Khi đá lạnh thổi hơi buồn nhược tiểu
Đất nghìn năm chở nặng bước chân đời
Trời thánh đức nở kỳ hoa vi diệu
Hiện tượng vân xoa nhật bóng ma trời.

Khi điện ngọc không là nơi lý tưởng
Thì cung vàng đâu phải chỗ dừng chân?
Cõi Đâu Suất nhập thân trần định hưởng
Đã biết đời như một áng phù vân.

Chân bảy bước tay chỉ trời chỉ đất
Đạo trung dung khai lối kể từ đây
Ôi thái tử trở thành Minh Hạnh Túc
Đạo từ bi trải khắp thế gian này.

Cảm ơn Lâm Tỳ Ni thọ hạ
Thánh Ma Da, vua Tịnh Phạn nhân từ
Cảm tạ ơn những quyền năng phước cả
Đã làm nên đấng mầu nhiệm Chân Như.

Đi tìm

QUẢNG HOA

Về giữa hư không
Bên song cửa vắng (bến sông vắng)
Đi tìm trăng tắm
Lắng dịu vườn tâm.

Buông

Nằm trên cát trắng
Ngắm hạt sương mai
Biển đời dây oan
Buông dòng tham đắm.

Về

Bên đời hoang tưởng
Thả hồn theo mây
Cuộc trần đăng cay
Quay về bến giác.

Hãy quán niệm

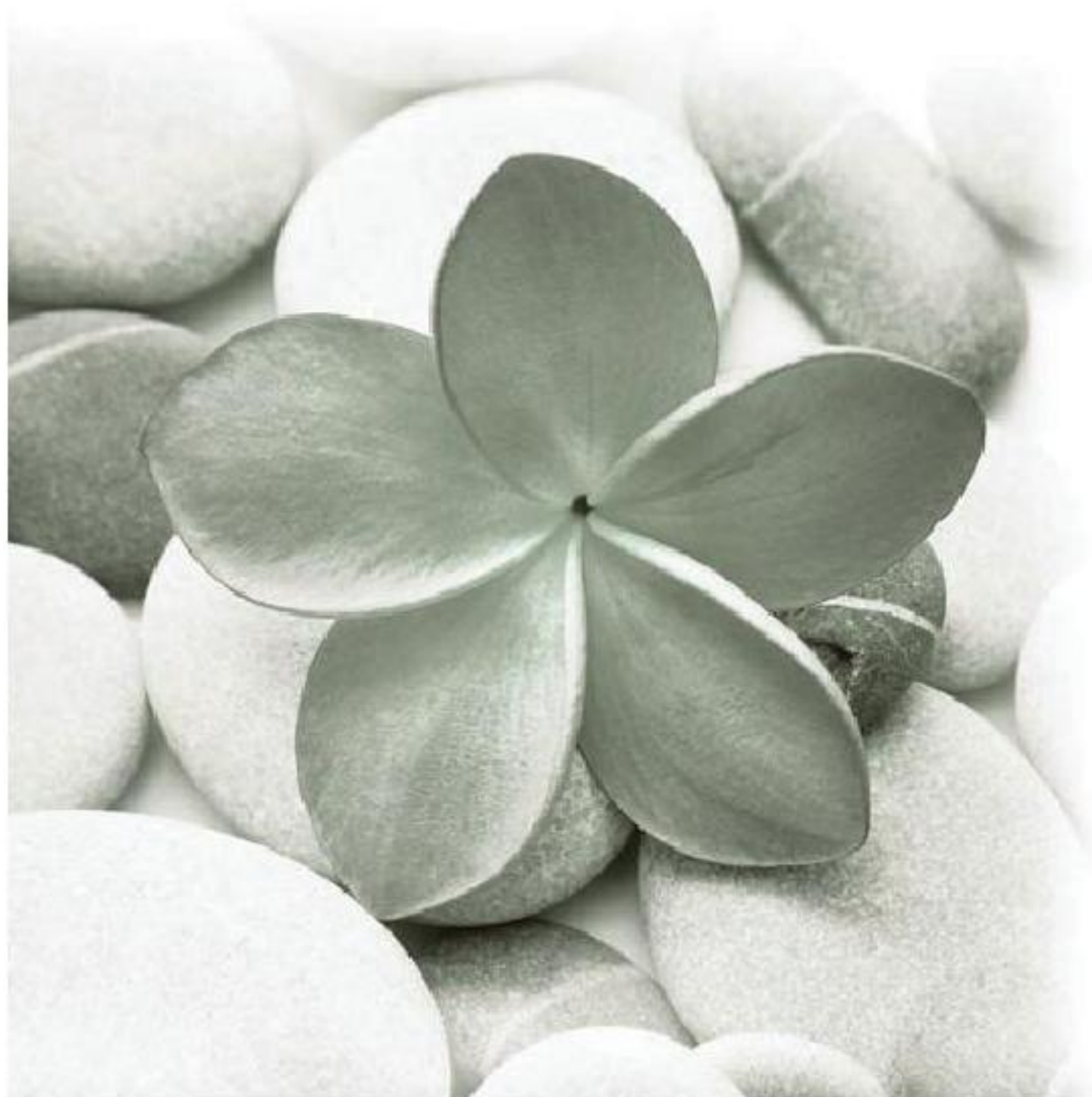
THANH HIỂN

Hãy quán niệm rồi một ngày nào đó
Anh già nua tôi cũng già nua
Trong khoảnh khắc giữa giao thừa sinh tử
Anh đi một mình tôi chỉ tiễn đưa.

Ta đến thế gian này một mình một bóng
Rồi khi đi cũng một bóng một mình
Thì bạn ơn đừng lo sợ cô đơn
Qua ám ảnh sự già nua, tử biệt.

Hãy quán niệm rồi một ngày nào đó
Anh và tôi sẽ vĩnh viễn chia tay
Anh đường anh chuyện sinh tử an bày
Tôi ở lại với tháng ngày đơn lẻ.

Hãy quán niệm rồi một ngày nào đó
Đi một mình chỉ có nghiệp mang theo
Thì lợi danh, danh lợi chỉ bọt bèo
Hãy buông thả cho tâm thôi bám víu
Lời tâm sự những mong người thấu hiểu
Ghé cõi này chỉ cõi tạm mà thôi!



Tác phẩm để đời

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Là giám đốc công ty, suốt ngày lo sản xuất kinh doanh nhưng ông cũng đồng thời yêu thơ văn. Ông thích thơ có vần điệu, đọc lên hiểu ngay; thứ thơ ngang phè phè như giàn bí hoặc nghĩ nát óc không ra, ông chẳng đụng đến. Thỉnh thoảng ông đảo mắt qua mấy đoàn văn; còn những tập truyện dày cộp, với ông, giống như liều thuốc ngủ, cầm tới là díp mắt. Tủ sách tại tư gia ông đồ sộ, phía trên là tấm biển ghi lời danh nhân “Không có sách là không có tri thức...”. Bạn bè thấy, khen nức nở. Ông cũng chỉ cần thế, còn đọc thì... thời gian đâu. Và tới phần mình, ông bắt đầu mon men trên con đường sáng tác văn chương.

Lần đầu thấy thơ mình được đăng trên báo tỉnh, ông sướng tê người. Tất nhiên thuộc ngay từ khi sáng tác nhưng ông đọc đi đọc lại bài thơ rồi nhìn tên mình bên dưới, mỉm cười. Nhớ những con chữ xiêu vẹo trong bản thảo rồi nhìn bài thơ đều tăm tắp trên mặt báo cùng hình minh họa là thiếu nữ nâng đóa hoa chúm chím, ông lâng lâng. Niềm vui này chỉ có thể sánh với lần đầu ông nhận tin vợ sinh con trai.

Nghe tin sếp có thơ đăng báo, đám tiểu yêu trong công ty (ông thường gọi thuộc cấp như thế) xúm lại, vây lấy ông. Chúng giành tờ báo, dán mắt vào bài thơ, háo hức còn hơn xem bản tin thông báo được tăng lương; hạ hồi là những lời xuýt xoa cao vút “Hay!” “Tuyệt!” “Ngọt lắm!”. Chúng bình luận, phân tích cái hay của bài thơ, đến tác giả cũng chưa kịp nghĩ tới. Niềm vui trong ông một lần nữa thăng hoa. Khen thơ mới mồm rồi, đám tiểu yêu quay ra cật vấn tác giả về khoản tiền tác phẩm. Nói nhuận bút được hơn trăm ngàn đồng thì tội nghiệp cho chữ nghĩa nên ông đành cười cười. Thấy thế, đám kia càng tưởng sếp ăn dày, vớ bở quả này nên quyết lần tới kiếm lộc. Chúng

lung lạc ông bằng cách buông tiếng xa xôi: “Có tên trên báo, lại có tiền, sướng thật!”. “Anh có niềm vui thì cũng nên tạo dịp để bọn em chúc mừng”. “Ừ, thì khao”, ông vung tay, mở ví.

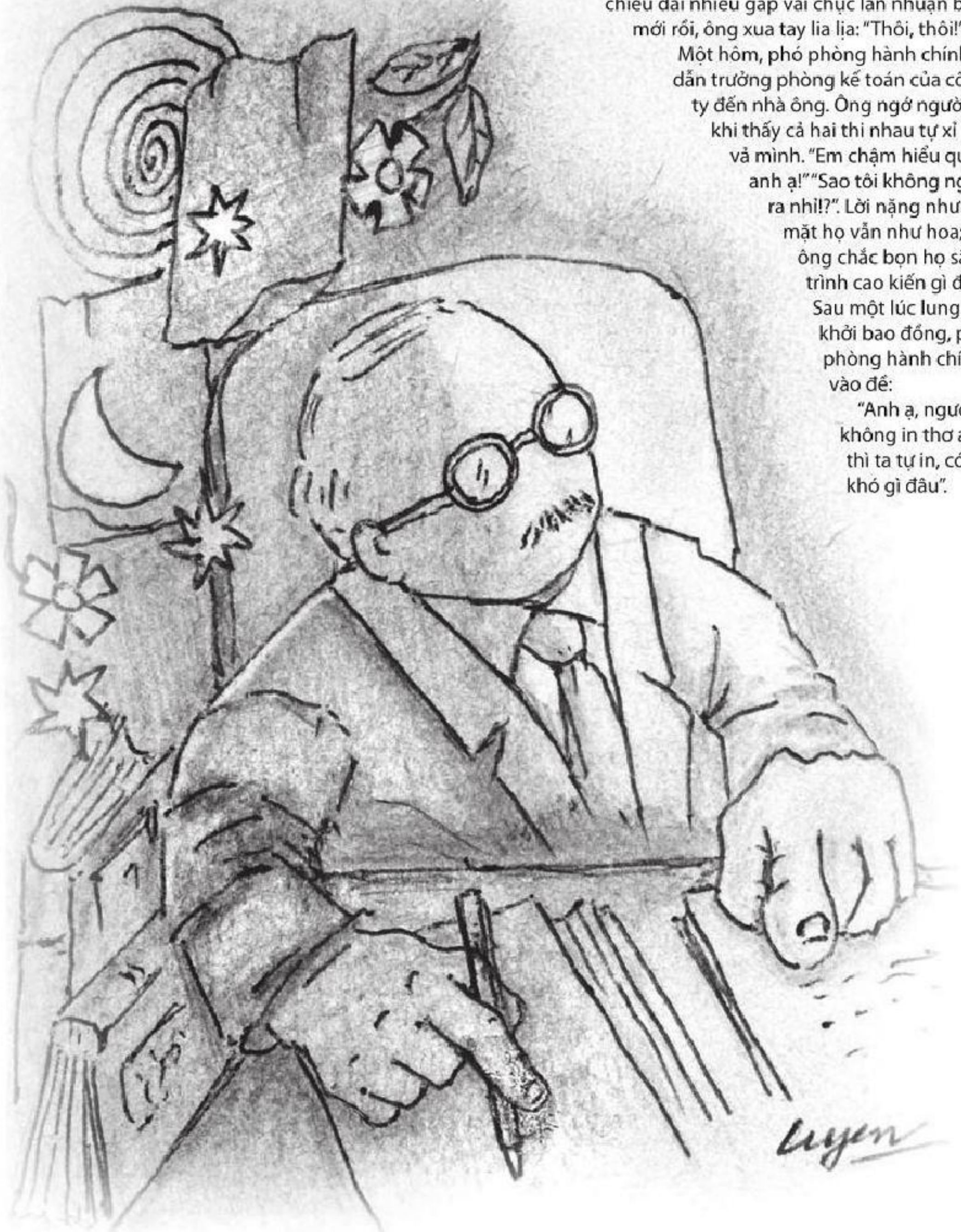
Rượu vào, khả năng thơ trong ông càng phát sáng. Ông lại ngân nga những sáng tác chắc khiến bác sĩ và cảnh sát giao thông phải ái ngại, đại loại như “Trăm năm bia đá thì mòn. Ngàn năm bia rượu vẫn còn vô tư”. “Ví phòng đời này không có rượu. Chúng ta nhạt nhẽo biết bao nhiêu”. “Bia rượu không ai là giỏi cả. Phần nhiều do rèn luyện mà nên”. Kèm mỗi đoạn thơ là tiếng vỗ tay bốp bốp cùng những ly bia dốc ngược. Cả về mặt nhân nhó của vợ sau đó (do tiền lương ông đưa giảm đột biến) cũng không làm vơi niềm vui trong ông. Từ đây, ông có thêm quý danh - nhà thơ. Khi giới thiệu ông trong các buổi tiếp khách, đám tiểu yêu không quên mở ngoặc “Anh là một nhà thơ đang lên”. Ông không lắc, chẳng gật, chỉ cười cười khiến khách càng nể. Riêng vợ ông, gán cho chồng hèn danh “nhà thơ tự phong” và mỗi lần nhắc tới lại cười như hóa dại.

Niềm vui nhân lên cảm hứng, ông lao vào làm thơ, say như kẻ lên đồng. Mỗi ngày ông nhong nhóng chờ cô văn thư đem báo tới rồi lú lú rú rú mở tìm trang thơ. Nét mặt háo hức ngời ngời, ngay sau đó bị thay bằng vẻ ỉu xiu lặng lẽ. Tên ông vẫn đều đều có trong hộp thư cộng tác viên của báo và chỉ có thế. “Bài và tranh ảnh của các bạn, chúng tôi đang nghiên cứu sử dụng; rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác...”. Lời kết cột báo toàn tên người ấy vừa kéo dài hy vọng vừa khuyến khích ông tìm những tứ thơ mới. Mà không thấy thơ ông lại lên báo, đám tiểu yêu nóng lòng thay cho sếp: “Sao lâu thế?”. Ông nhún nhún: “Thơ mà cứ ra sồn sồn như bà để không kế hoạch thì có mà bùng

nổ, làm phát à!?” Lần sau, lại nghe hỏi như thúc giục, ông thả tay, ngao ngán: “Giờ làm gì cũng phải thân thể nhưng mình có quen ai ở tòa báo đâu?”. Cả đám à lên, hóa ra thơ phú thời nay cũng không tránh khỏi cơ chế “xin-cho”. Phó phòng hành chính của công ty đề đặt gợi ý: “Anh ạ, hay ta nên mở quan hệ với tòa báo, như với một đối tác làm ăn”. Nhớ lại khoản tiền chiêu đãi nhiều gấp vài chục lần nhuận bút mới rồi, ông xua tay lia lịa: “Thôi, thôi!”.

Một hôm, phó phòng hành chính dẫn trưởng phòng kế toán của công ty đến nhà ông. Ông ngỡ người khi thấy cả hai thì nhau tự xỉ vả mình. “Em chậm hiểu quá anh ạ!” “Sao tôi không nghĩ ra nhỉ!”. Lời nặng nhưng mặt họ vẫn như hoa; ông chắc bọn họ sắp trình cao kiến gì đây. Sau một lúc lung khởi bao đồng, phó phòng hành chính vào đề:

“Anh ạ, người ta không in thơ anh thì ta tự in, có khó gì đâu”.



Ông tò mò:

“Được không?”

Trưởng phòng kế toán chém gió:

“Chắc chắn được”.

“Tôi vẫn lăn tăn về chất lượng thơ mình”.

“Anh không lo, chắc gì nhà xuất bản đã hiểu cái hay của thơ anh, ta phải tiếp thị chứ. Đến như danh họa Van-gốc mà sinh thời cũng chỉ bán được một bức tranh bởi người đời chẳng hiểu tranh ông. Còn ngày nay, nhiều tranh Van-gốc đang giữ giá kỷ lục thế giới”. Phó phòng hành chính đã thông về ngân ngại của sếp, rồi tiếp, “In thơ tặng bạn bè đang là cách để tự giới thiệu mình của nhiều doanh nhân thời nay đấy”.

Ông chốt lại:

“Thôi được rồi, tôi chuẩn bị bản thảo; các cậu giúp liên hệ, thủ tục”, Ông chợt nhớ, “Nhưng phát hành và tiến in thế nào?”

Phó phòng hành chính nhanh nhẩu:

“Phát hành để em”.

Trưởng phòng kế toán tiếp lời:

“Anh đừng bận tâm kinh phí. Công ty mình tài trợ bao chương trình thể thao từ thiện, chẳng lẽ không giúp anh in được tác phẩm để đời”.

“Tôi không muốn phiền công ty”.

Ông do dự kéo theo im lặng của khách. Hồi lâu, phó phòng hành chính hiến kế:

“Anh đã nói thế, bọn em sẽ ứng tiền công ty để in; sau đó, bán sách thu tiền trả lại”.

Ông gật đầu, chia tay khách với lời cảm ơn mấy lần lặp lại. Ông chẳng phải phấp phỏng chờ lâu, hơn tháng sau, sách in xong, đẹp đến ngỡ ngàng. Trên giấy trắng láng bóng là hình ảnh minh họa cùng lời giới thiệu trân trọng và những bài thơ vốn quen thuộc, giờ trở nên sang trọng. Ông lần giở từng trang thơ để nhắm nháp niềm vui. Ông giữ lại một phần ba số sách, tức năm trăm cuốn để tặng bạn bè; số còn lại giao phó phòng hành chính. Độ hai tháng sau, ông ghé tai phát hành viên tình nguyện này, hỏi nhỏ: “Thu đủ chi không?”. Anh ta cười tươi khiến ông cũng sướng: “Vừa đẹp, anh ạ”. Ông chỉ mấy bao sách còn nguyên ở góc phòng, ra chiều thắc mắc. Anh này đi tắt đón đầu ngay: “Anh khỏi lo, người ta đăng ký mua cả rồi”. Quả nhiên mấy hôm sau, ông ngang qua phòng hành chính, không còn thấy những bao sách. Ông vui, lẫn thẩn tự hỏi: “Kẻ hồ đồ nào bảo thơ đang mất giá nhỉ?”.

Lên gặp giám đốc quyết toán cuối năm, trưởng phòng kế toán rào từ xa: “Thời suy giảm kinh tế, giá cả vọt như tên lửa mà anh căng ke như kẻ chỉ, bọn em đến chết mất!”. Tiếp đó là tiếng nói cười giả là như muốn lái chú ý của ông khỏi việc trước mắt. Những khoản mua sắm, tiếp khách được trình lên sau đó khiến ông ngỡ ngờ bởi giá cả trên trời. Như mọi lần, ông sẽ hỏi lại nhưng lần này ông ngần ngừ một lát rồi

thôi. Thấy sếp ký vèo vèo vào những bảng kê quyết toán, trưởng phòng kế toán vui ra mặt.

Phó phòng hành chính đến nhà ông vào buổi tối nhập nhoang, tay lặc lè túi quà suýt chấm đất. Anh ta nhuộm vẻ tù mù về lý do chuyến thăm bằng câu chuyện đầu Ngô mình Sở. Ấm trà chưa nhạt nhưng có lẽ không thể nén lòng lâu hơn, anh ta thăm dò: “Tối đây, trưởng phòng chỗ em nghỉ, ai thay đó anh?”. Ông bảo: “Lãnh đạo chưa bàn”. Khách không hài lòng trước sự kiêu lời của gia chủ; ngồi lặng phả khói thuốc. Anh ta phá tan im lặng bằng cách với tay lấy ấm, châm thêm trà vào cốc; buông lời hững hờ như vô tình: “Em nghỉ, ai lên cũng được nhưng người tại chỗ lên là thuận hơn cả...”. Ông hiểu lời lạng lách kia, rằng cấp phó thay trưởng là tốt nhất. Sự thận trọng khiến gia chủ không thể tiếp lời. Bấy giờ, ông bắt đầu ngộ ra ẩn ý của bọn họ thấp thoáng sau việc hăng hái in thơ cho ông. Khách về rồi, ông nuốt bực, tự dỗ mình yên lòng.

Về hưu, ông càng có thì giờ dành cho thơ. Ý định in sách, một lần nữa tái xuất trong ông. Vừa nghe chồng bảo chuẩn bị tiền cho thi phẩm ra đời, vợ ông tròn mắt: “Mười triệu?”. Nghe ông lặp lại ý định như mệnh lệnh, bà rên lên như bị thương: “Lấy đâu ra chừng đó?”. Ông chém gió, cao giọng: “Bà suốt ngày loanh quanh với gian hàng thu mua phế liệu, chẳng biết gì cả. Gạo ăn cũng hết, tiền tiêu cũng xong; chỉ những tác phẩm văn chương là còn lại với đời, bà hiểu không?”. Chẳng biết hiểu không nhưng bà im. Lúc sau, bà quay ra bao vây ý định của ông bằng cách kể lể những khoản chi sắp tới, từ tiền học của hai con đến tiền chung góp xây má tổ tiên, sửa nhà thờ tộc ở quê. Mặc ông cau có, bà vẫn kiên trì kể tiếp những đám cưới, nhà mới, thôi nôi, đầy tháng đang cận kề phía trước. Ông nhụt chí.

Cuối năm, ông vừa dọn nhà vừa nghe tiếng nói cười của vợ với bạn hàng từ ngoài hiên vọng lại. Dịp này, nhà nào cũng thu dọn, vệ sinh nên thải ra bao nhiêu là phế phẩm. Vợ ông bận hơn với những chồng sách báo cũ chất ngất từ hiên ra sân và đồng nhựa phế liệu cao như núi. Bạn hàng vô ra liên tục. Một bà vừa ỷ ạch kéo xe bò tới, với chồng giấy vụn cao có ngọn. Bà khách cười nói từ cổng, cho hay vừa vớ được mớ sách báo do công ty cũ của ông loại ra. “Các chú ấy thương tình cho không, gần trăm kí lô,” khách tí tì, “May quá, em cũng được thêm chút cháo, chị ạ”.

Khách về rồi, vợ ông gọi giạt ngược: “Ông ơi, ông ra ngay đây!”. Đang quét dờ đám mạng nhện nhưng nghe giọng bất thường của vợ, ông vội buông chổi, đi ra. Nhìn những bao lạt đựng sách quen quen, ông ngỡ ngờ. Thôi, đúng rồi, đây là những cuốn thơ của ông do phó phòng hành chính nhận phát hành. Ông sững người. Bà đưa một cuốn về phía chồng, giọng chua xót: “Tác phẩm để đời của ông đây ư?”. Ông rít như van: “Bà khe khẽ có được không!?”.

Cánh đồng nay đã vắng chim...

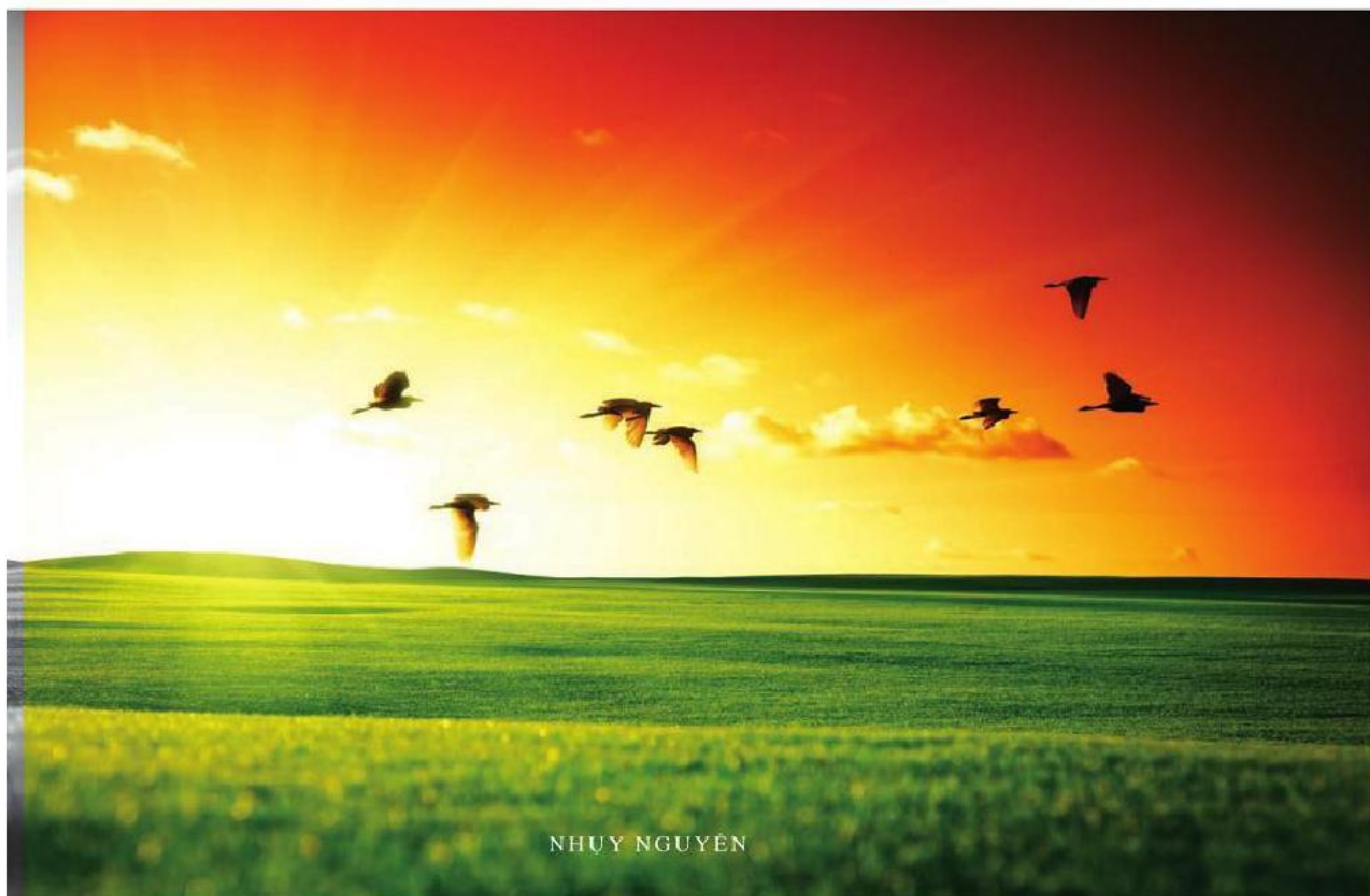
Mỗi chiều khi mặt trời tụt xuống, một vùng trời đỏ ối khép lại phía đầu non, mùa màng râm ran trong tiếng hoan ca của lũ đế, ấy là thời điểm cánh đồng đón những loài chim ghé thăm trong cuộc thiên di đầy khổ lụy: chim én, chiến chiến, cu đất... Cả khi cánh đồng chỉ trơ lại gốc rạ, thì những chú cò, chú chim đũa... vẫn cúi nhặt từng hạt lúa rơi vãi một cách thần nhiên; lâu lắm mới nghênh cổ như bất chợt có âm thanh từ một hành tinh khác đánh rơi ngang trời. Lũ chim đùa nhau về vui cùng xóm thôn với ánh nhìn khờ dại nguyên thủy...

Cách mười năm về trước, chim chóc ở xóm tôi nhiều khôn kể. Chỉ riêng ở lùm Bù Lú đã đủ chim rải đi đậu ở các vườn nhà. Xóm truyền miệng lùm Bù Lú có ma, cũng nhờ vậy lũ chim mới tạm bình an. Trẻ con và thanh niên săn bắn ở đâu chứ chẳng dám lủi vào lùm Bù Lú. Càng ngày các loài chim bị săn đuổi từ các nơi bay về sống càng nhiều. Nhưng rồi một hôm có hai thằng mặt lạ hoắc, ăn mặc bụi đời, ngồi trên chiếc xe 78 lần mần sao lại xách súng hơi tới lùm Bù Lú. Loài

hiền nhất ở lùm Bù Lú phải kể đến hai con cú mèo. Mắt con nào cũng to, tròn xoe, nhìn từ dưới lên cứ vàng ọc. Hai thằng mặt lạ chỉ giết được một con. Khi nòng súng chĩa lên, mắt nó không chớp cho tới khi viên đạn xuyên vào. Từ đấy lùm Bù Lú bị quấy nhiễu thường xuyên. Từ đấy có người tới cuốc đất, làm nhà... Từ đấy không ai còn thấy con cú mèo còn lại đâu nữa.

Bắn chim là thú chơi số một của cái thằng tôi mất dạy thuở ấy. Không được phép ra sông lấy bùn nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn kiếm được bùn ở các con mương hay bờ ruộng về vắt thành hòn bi nướng lên làm đạn. Đó là loại bùn màu vàng hươm, dẻo. Lũ trẻ và tôi thường vắt đạn tròn, cho vào bếp suốt buổi, khi "ra lò" đa số đã chín, cứng như gạch; cũng có nhiều viên, do đất bùn, đen sẫm lại như mề sành. Những viên đó bắn chim, nếu trúng là phanh thây. Đã rất nhiều lần tôi làm cho bếp lửa của mẹ tắt, khói um lên. Mẹ nạt nộ, xúc đồng viên bi bùn đổ ra ngoài, tôi vẫn chứng nào tật ấy tuy những lần sau bỏ vào bếp ít viên hơn.

Tôi hồi đó còn nhỏ, tay yếu nên bắn chưa được chính xác, hiếm khi trúng được chim. Nhưng cũng như lũ trẻ



NHUY NGUYỄN

trong làng, khi đi chơi hay lên đồng đều mang theo cây ná bèn mình để bắn nhái, bắn rắn, bắn chim đất ở tầm gần. Có hôm, cái thằng tôi, chẳng biết trời xui đất khiến thế nào mà giương ná bắn một chú gà choai bên bờ giậu. Tuy không giương ná hết cỡ nhưng vẫn nghe “bộp” rõ to. Con gà tức thì đổ xuống, hai chân chống lên trời giẫy đành đạch, rồi lật mình nằm im. Tôi hoảng hốt, mồ hôi túa ra, quay trước nhìn sau xem có người không. Thật may không ai lúc đó để phán xét hành động đẩy tội lỗi của tôi cả. Tôi nhảy tới ôm con gà vút vào trong bụi rậm, chạy một mạch về nhà. Về nhà vẫn không yên, lo ngay ngáy, đi ra trở vô. Được độ mười phút, tôi lén lút ra lại chỗ đã gây họa. Cũng chờ lúc không có người, tôi ngó vào trong bụi. Lạ quá, con gà đã biến đâu mất. Tôi không hề biết rằng, con gà đã sống lại và chạy biến.

Tôi không bắn được chim bằng ná, nhưng bẫy được rất nhiều chim bằng nhựa. Đây là chim én. Vào mùa xuân, chim én về đây đông. Không có đứa nào không bẫy được ít nhất vài con trong mỗi buổi chăn bò. Loài chim thứ hai cũng thuộc nạn nhân của những chiếc bẫy là chim chiến chiến. Loại này xuất hiện vào cuối

mùa xuân, khi bông lúa đã trở hạt non. Chim chiến chiến từng bẫy từng bẫy sà xuống ruộng lúa bắt sâu. Cái thằng tôi hoặc nhờ hoặc tự làm một cái bẫy, nom rất đơn giản: hai cọng tre vót nhỏ, xếp chéo hình chữ X, bôi nhựa. Chính giữa hình nạng phía trên có buộc một tấm tre ngắn, đầu cắm con mồi, thường là một con ruồi. Chim lao tới mổ con ruồi, đôi cánh bị dính nhựa. Có lần, thấy chim bị mắc bẫy, tôi lao ra từ (chỗ nấp) (trong bóng nhím) như một con bò điên, chạy băng băng giữa đám lúa nhà ai trĩu hạt. Lúa quăn vào chân rụng vô kể. Chân tôi cũng bị toác máu, về nhà mới hay.

Giữa khoảng không vô tận của bầu trời, cái thằng tôi phải gọi đích danh là một tội đồ của chim. Không còn nhớ bao nhiêu loài từng đậu lại trong ký ức mà giờ đây tuyệt nhiên quạnh vắng những đôi cánh thiên thần ước nâng tâm hồn tôi bay về nơi đâu là viễn xứ. Trong khu vườn tuổi thơ tôi cũng như cánh đồng ngập mặn mồ hôi mẹ cha thửa nào, chỉ một tiếng động nhỏ từ xa, những loài chim dạn nhất cũng đã nhún mình bay vút lên để lại những vết hằn sâu bên khóe mắt già nua của tôi từ độ... ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Có mặt trên cõi đời này bảy mươi tám năm, tôi đã chứng kiến biết bao cuộc ra đi. Ngay cả đứa con trai duy nhất của tôi cũng bị cướp mất sinh mạng trong một tai nạn khi chưa tới bốn mươi tuổi; và nhà tôi, ít hơn tôi năm tuổi, cũng qua đời cách nay năm năm. Sau khi nhà tôi mất, tôi về sống với con gái con rể và mấy đứa cháu ngoại. Gần đây, tôi bị đột quỵ, nhưng có lẽ chưa sạch nghiệp trần nên chưa chết. Khi nằm bệnh, con gái con rể và các cháu ngoại của tôi lo cho tôi là chuyện tất nhiên, nhưng tình cảm của bà con bạn bè thân thuộc và hàng xóm láng giềng mới là điều khiến tôi xúc động. Đặc biệt nhất, trong lúc tôi còn ở bệnh viện, có một người thanh niên xa lạ khoảng ngoài ba mươi tuổi đến thăm. Anh đang định cư ở Úc và mới về thăm quê. Anh cho biết, bố của anh đã từng là học trò của tôi, và cũng là bạn của con trai tôi, thường nhắc về tôi với các con. Hôm trước tình cờ biết tôi bị bệnh nặng phải vào bệnh viện, anh quyết tâm đến thăm tôi thay cho bố anh, cũng đã qua đời tại Úc cách đây vài ba năm. Lúc nghe anh nói, tôi còn yếu sức lắm, chỉ nhớ là có nắm lấy tay của anh lấp bắp điều gì đó. Khi đã bình phục, tôi có hỏi lại con cháu xem người ấy là ai, thì đứa cháu ngoại có trách nhiệm trực săn sóc tôi hôm ấy xác nhận có một người lạ đến thăm ông, nhưng vì không để ý nên cháu cũng không biết là ai. Kể ra, nếu biết được lai lịch của người đến thăm thì hay biết mấy. Nhưng điều tôi muốn nói lên là chính những lời kể của anh thanh niên về bố anh đã làm tôi ấm lòng, và có lẽ là một yếu tố giúp tôi sớm bình phục. Nhân mùa Vu-lan, tôi muốn được nói lên lòng biết ơn của mình, không chỉ với người thanh niên đến thăm bệnh tôi hôm ấy, mà với tất cả những nhân duyên tôi đã gặp trong đời, đã giúp tôi còn sống đến nay. Mọi nhân duyên, dù thuận, dù nghịch, vẫn cho tôi thấy cuộc đời luôn tươi đẹp, nhất là khi ta không tự nghĩ rằng mình đã từng có công ơn gì với cuộc đời.

Trần Văn Thuận, Bình Trưng Tây, quận 9, TP.HCM

Tước hôm giỗ cha một ngày, theo lệnh má tôi, tôi đã chuẩn bị bàn thờ Phật và bàn thờ gia tiên thật chu đáo. Buổi sáng ngày giỗ, má tôi lại sai tôi ra chợ lấy há cảo chay chiên sẵn mà bà đã đặt từ hôm trước. Chợ chỗ tôi kéo dài suốt một con đường, người bán bày hàng trên mặt sạp đặt trước cửa nhà chứ không có nhà lồng chợ. Cũng có khá nhiều người bày hàng trên những chiếc mẹt đặt ngay dưới lòng đường. Căn nhà mà tôi được sai đến lấy hàng nằm ở khoảng giữa chợ, trước nhà có một cây phượng tây. Vì người bán hàng chưa chiên hết há cảo chay cho má tôi nên tôi phải đứng chờ ngay dưới tán cây đó; và mới để ý rằng suốt hai bên đường, cứ khoảng 50 thước, người ta lại trồng một cây phượng tây, giống cây có thân sù sì và mới lên cao chừng hơn một thước đã bẻ hương cong queo tìm lum chứ không thẳng thớm như loại cây sao, cây me ngày xưa. Nhìn cái cây, tôi đang thấy chán chán thì bỗng có đám ba người tôi ném dưới gốc cây mỗi người một nắm thóc, một nắm gạo vụn hay một nắm cơm khô. Ngay sau đó, lập tức có cả một bầy chim đủ loại sà xuống ăn, trong số đó, lẫn lộn cả những con bồ câu được người nuôi, còn lại là chim trời. Chúng cứ lượn tới lượn lui, có con còn bay sát mặt tôi. Theo dõi, tôi thấy bầy bồ câu thì bay lên đậu trên những sợi dây điện giăng ngang đường, còn đám chim trời thì chui vào những tán lá của hàng phượng tây. Nhìn bầy chim chao chác trong nắng sớm mới lên, tôi quên đi nỗi bức dọc về những thân cây phượng tây sù sì cong queo được trồng trên đường, vì dù sao những tán lá ấy cũng có tác dụng gọi bầy chim về trú ngụ. Thay vì bức dọc, tôi lại thầm cảm ơn những người trồng cây cũng như những người đã ném thóc, ném gạo vụn, cơm khô cho chim ăn.

Phan Đức Châu, Bà Hom, quận 6, TP. HCM



Rau bó xôi xào

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Vì lá giống cái chân vịt nên rau bó xôi còn được gọi là rau chân vịt. Người phương Tây gọi là spinach. Rau bó xôi là một loại rau chứa rất nhiều chất dinh dưỡng và khoáng chất, mà lại rất dễ chế biến và rất ngon! Rau bó xôi có thể dùng để ăn sống, luộc, xào nấu hay xay nước sinh tố...

Nguyên liệu:

Rau bó xôi: 300gr
Đậu hũ: 1 bìa
Nấm rơm tươi: 100gr
Thân boa-rô: 1 khúc
Gia vị: muối, tiêu, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

Bó xôi: rửa sạch, cắt khúc, để ráo
Đậu hũ: chiên vàng, cắt lát

Nấm rơm tươi: ngâm nước muối một lúc, gọt chân rửa sạch

Ướp nấm và đậu hũ cắt lát với boa-rô băm nhỏ và gia vị

Bắc chảo nóng với một muỗng dầu ăn. Cho nấm và đậu hũ vào xào thơm. Tiếp bỏ rau bó xôi vào xào cho chín (cho phần cộng vào trước, phần lá mềm vào sau). Nêm nếm lại gia vị cho vừa ăn.



Ảnh: Võ Lộc



BÁNH CUỐN CHAY & BÁNH ƯỚT CHAY

Vào ngày mùng 1 & 15 hàng tháng;
Suốt tháng 7 âm lịch.

TỰ CHỌN BỘT:

- * TRUYỀN THỐNG
- * LÁ DỨA
- * KHOAI MÔN
- * NƯỚC CỐT DỨA

Nhân mặn tự chọn: tôm thịt, gà nấm, hải sản, thịt nướng, tôm chấy...

"Quán Xanh - Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm"

101 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q. 1 - ĐT: 667 39 117 - Website: hatgaovang.com

Mới

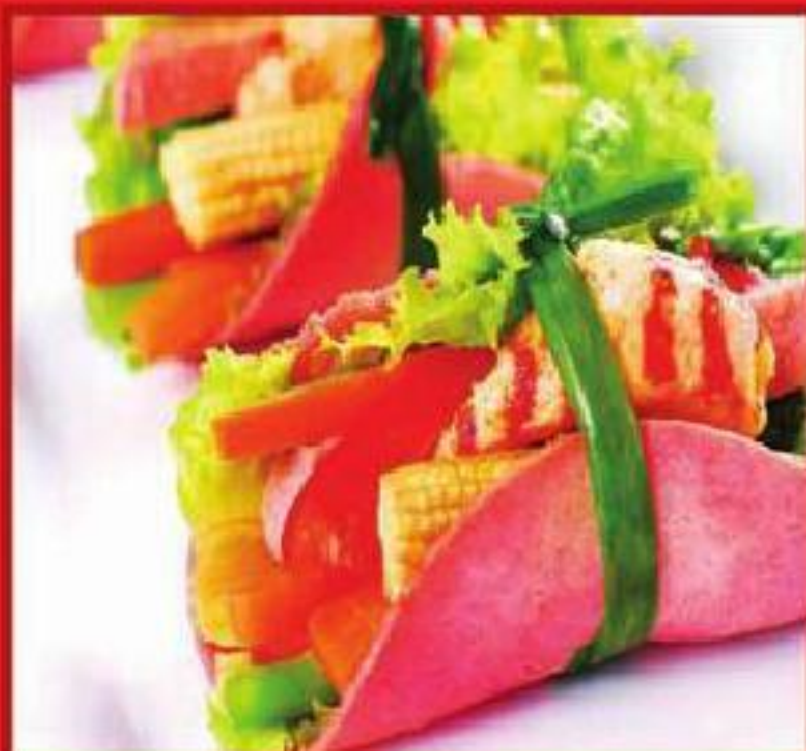
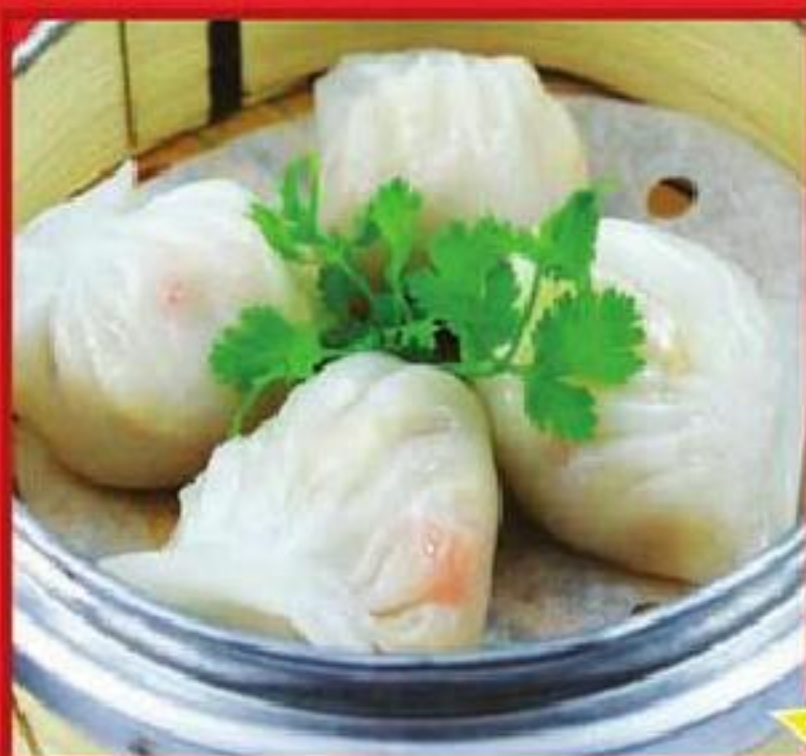
Chỉ có tại
HẠT GẠO VÀNG





NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

Healthy World Vegetarian Restaurant



*ĂN THỎA THÍCH
*THẬT NHIỀU MÓN
*LIÊN TỤC LIÊN TỤC

LẨU BĂNG CHUYỀN CHAY

Chỉ với **90.000**^{vnd}/_{người}

FINE DINNING:

- 237 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM (Gần ngã tư Hàng Xanh) - Tel: 3899 2923
- 237/6 Đỗ Ngọc Thanh, P.6, Q.11, Tp.HCM - Tel: 3955 9137

LẨU BĂNG CHUYỀN CHAY:

- 63-65 Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, Tp.HCM - Tel: 3894 0211
- 239 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3526 2391

KỆ ĐỌC KINH XẾP **THUẬN AN** CUNG KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN PL:2554

DƯỠNG NUÔI NIỀM TRÍ TUỆ

ƯU ĐIỂM : ĐIỀU CHỈNH ĐỘ NGÃ , ĐỘ DỐC THEO Ý MUỐN

Chất liệu sáng bền vững chắc theo thời gian nhất định , inox 304 không rỉ sét , thích hợp với các vùng miền

THỜI GIAN BẢO HÀNH 2 NĂM , THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

NGUYỄN TOÀN TÂM , TẬN LỰC PHỤC VỤ PHẬT PHÁP
CÓ BÁN TẠI CÁC PPH KINH SÁCH TP HCM VÀ CÁC NƠI

105M/27 HỒ THỊ KỶ , P.1, Q. 10, TP.HCM
(08).38.351.185 - 0903.955.150

TRẦN NGỌC TỎI
PD: TUỆ HIẾU



M:09

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



SẮT 2 MẶT

M:03



GỖ 2 MẶT

M:04 M:05



M:02

GỖ 1 MẶT



M:06

NHỰA 1 MẶT



M:06

NHỰA 1 MẶT



NHỰA 2 MẶT

M:07

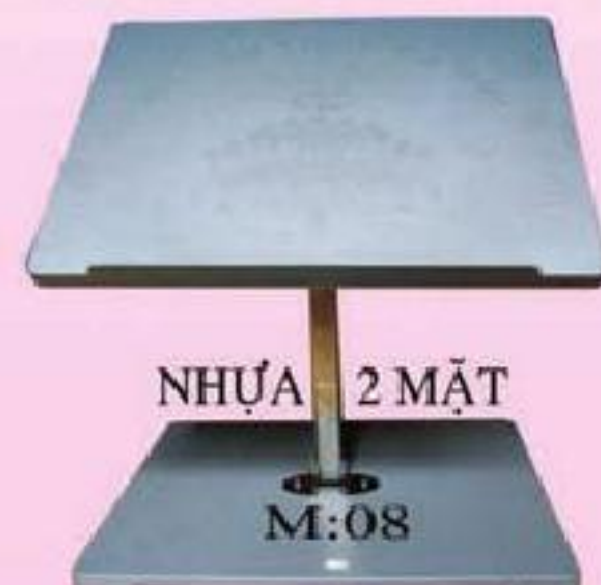


NHỰA 2 MẶT

M:07



XE ĐỂ KỆ 2 MẶT 80 ĐẾN 160 CÁI



NHỰA 2 MẶT

M:08



NHỰA 2 MẶT

M:08



XE ĐỂ KỆ 1 MẶT 50 ĐẾN 100 CÁI

ẢNH NỀN CHÁNH ĐIỆN CHÚA HOẰNG PHÁP (HM)



ĐỐI DIỆN **VIỆT NAM QUỐC TỰ**
711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM

SIÊU THỊ KINH SÁCH



Giá sỉ



Tel: (08) 397 97 138 - 0933 38 8668
Email: sieuthikinhhsach@yahoo.com

CHI NHÁNH PHÁT HÀNH **PHẬT NGỌC**

www.phatngoc.vn

Tel: (08) 397 97 168 - Email: phatngocvnqt@yahoo.com

*Phát hành sỉ và lẻ: Các loại văn hóa phẩm Phật giáo
đặc biệt hàng Mật Tông (Kim Cương Thừa)*



Trụ sở chính: **CÔNG TY TNHH PHẬT NGỌC**
40 Củ Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
(đối diện Quan Âm Tự Viện) - Tel: 3517 2828
Email: phatngoc38@yahoo.com



PHÁP PHỤC **LAM HIỀN**[®]

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...

Tel: (08) 397 97 138 - 0907 010 770
Email: lamhien38@yahoo.com



Phát hành các loại Y, áo hậu, áo tràng, áo nhật bình, vạt khách, la hán...
Cung cấp sỉ - lẻ các loại vải may pháp phục

(Xưởng may tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi, Tp.HCM - Tel: 2247 3388)

um



ma



ni



pad



me



hum



shri





VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

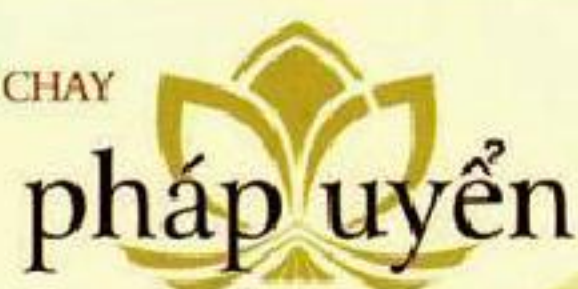
Ấm Tử Sa *Phù Quý Thố*



Mua bán đẹp ưng nhu cầu thương ngoại!

Phòng trưng bày: 491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DĐ: 0903.848.147

QUÁN CHAY



ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ

mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579



NGỌC HIỂN

QUÀ LƯU NIỆM - TRĂNG TRÍ
ĐÓ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DĐ: 0983 675 570

Nhà May

VĂN HẠNH

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TU SĨ:

Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHỰT BÌNH V.V.
QUỐC PHỤC - MÃO

603 ĐIỆN BIÊN PHỦ - P.1 - Q.3 - TP.HCM
ĐT: 35040672 - 38301956 - 0903 343 183
(đầu Ngà bảy - lên lâu 1 gặp Cô Tịnh)

THÔNG BÁO

KHÓA 2. TU THIỀN: TRỊ TÂM BỆNH

KHAI GIẢNG: Ngày 19.9.2010

Dành cho 40 Nam Nữ Cư Sĩ Phật tử đã từng tu thiền nhưng chưa kiến tánh, hoặc niệm Phật chưa được Nhất Tâm Bất Loạn.

GIẢNG VIÊN: THIỀN SƯ THÍCH THANH PHƯỚC. Tác giả quyển "Duy Tuệ Thị Nghiệp" và "Tu thiền trị tâm bệnh".

Giờ học: từ 8 giờ đến 10 giờ 30 ngày Chủ Nhật.

Địa điểm học tập: CHƠN ĐỨC THIỀN VIỆN

Số 4 Nguyễn Duy, P.3, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đăng ký: Từ 8 giờ ngày 9.9.2010 cho đến hết ngày 18.9.2010.

Ưu tiên cho người đăng ký trước.

Nơi đăng ký:

1. CHƠN ĐỨC THIỀN VIỆN. ĐT: 3551 3902

2. Đạo hữu HUỆ NHÃN. ĐT: 0167 3491 142

❑ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO
❏ Xin vui lòng liên hệ: *Cô Sương* ☎ ĐTDĐ: 0918 032 040
✉ Email: vietartsupply@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Tiên Hồng Nhung

Vinh biệt người xưa chẳng lấy chồng
Hồn lìa cõi tạm thoát hư không
Ai xui duyên phận đời dang dở
Dầm nát Hồng Nhung, túi phận hồng

Tên thắm hồng yêu nở giữa đời
Chân mày thanh tú nét môi tươi
Vui chân sáo nhỏ hôm nao ấy
Em đến thắm anh rạng rỡ cười

Hoa hồng e lệ cánh hoa xinh
Len lén hôn môi biết nụ tình
Gió thoảng hương nồng yêu vụng dại
Hồng Nhung nồng đượm sắc Hồng Anh

Chưa nở đời hoa vội vã tàn
Phải vì sân hận kẻ hồng nhan
Cao xanh xui khiến ai ai oán
Dắt bước Hồng Nhung cõi lạnh hàn?

Này tiếng chuông chùa lảng đãng kinh
Nhắc kẻ nhân gian lỗi bạc tình
Em ơi phiền não sao không nói
Ôm nỗi cô đơn đến tuyệt hình?

Mưa gió đêm qua đổ sục sùi
Thương người mệnh yếu tuổi hồng tươi
Cha Mẹ cõi già không đứng nổi
Tiếng hờn hai chị khóc khôn nguôi

Dì cậu Em đây, lối xóm gần
Anh chị, người dung, sơ với thân
Thương tiếc Em nhiều, Em có biết
Sao vội vàng đi bỏ cõi trần?

Em hời trách nhau lấy một lời
Thà rằng như thế để ngoài người
Em đi lẳng lặng về không nói
Rồi giết thân Em nỗi hận đời

Một cõi sầu thương đến não nề
Mưa chiều mây phủ gió lê thê
Trung thu chưa tỏ trăng mờ ảo
Tiễn viếng đèn nhang của bạn bè

Thầy Em ngồi đó ngó mông lung
Buồn lòng vô hạn nhắc Hồng Nhung
Mỗi dịp xa về nhân lễ tết
Đều ghé thăm qua bịn rịn lòng



Thương tiếc
Trần Thị Hồng Nhung



Bạn xưa cùng lớp tuổi ô mai
Chung bàn từ những buổi cấp hai
Đốt lửa mong rằng em bớt lạnh
Đau xót mắt rơi lệ ngắn dài

Bạn bè Linh, Ngọc thấp thêm nhang
Cô bác đường trong, lối xóm ngang
Ai cũng xót lòng thương cảm quá
Và người chưa cũ mấy cơ quan

Em sống hiền tâm, nhỏ nhẹ thưa
Dịu dàng triu mến tiếng Nam ưa
Công việc giao làm luôn gắng gỏi
Chẳng quá cầu danh lợi thắng thua

Em chết ba lần một sớm mai
Lần đầu dao cắt đờn đau thay
Lần sau treo cổ còn chưa đủ
Y pháp còn đem xác xẻ hai?

Tâm khảm Em đau vạn khổ sầu
Duyên tình phai dấu mộng về đầu
Chết lòng từ thuở Anh xa vắng
Sẽ chẳng bao giờ tiếc rước đầu

Đâu phải tình trai chỉ có Anh
Bao chàng khao khát vút công danh
Sao Em không chọn vòng tay ấy
Để mãi quên đi kẻ bạc tình?

Hay bởi gia đình nặng gánh vai
Hiếu lòng lo sợ nợ nần ai
Em ơi trắc ẩn tình hai chị
Chưa kịp đoàn viên mệnh bạc rồi

Khóc biệt ly này ai oán ai
Hồng Nhung Em hời đúng hay sai
Con đường Em chọn u minh ấy
Mong có mai rày siêu thoát thôi

Kẻ ở người đi phận đã rồi
Chút lòng thương tiếc lúc chia phôi
Xa xăm trong cõi mờ hư ảo
Anh mãi trong lòng thương nhớ thôi.

Đảnh tiếng chuông thiêng hiện ảnh hình
A Di Đà Phật niệm hồi kinh
Sân si bỏ lại Em đi nhé
Xin chút yên lòng Em của Anh.

Cử Chi 15.08.2010, Văn Cát Tiên

Đón đọc

VĂN HÓA P HẬT GIÁO

Số 113

Phát hành ngày 15 - 9 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CÁN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
138B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tú Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG